

Vững vàng Tin cậy

Mục lục

04

Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng quản trị

08

Dấu ấn nổi bật năm 2020

14

Tổng quan về MB

- 16 Thông tin tổng quát
- 18 Quá trình hình thành và phát triển
- 20 Địa bàn kinh doanh
- 22 Ngành nghề kinh doanh
- 24 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
- 28 Tổng quan các công ty thành viên & quan hệ góp vốn
- 38 Định hướng phát triển

48

Tình hình hoạt động trong năm

- 50 Hoạt động kinh doanh 2020
- 52 Tổ chức và nhân sự MB
- 68 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 70 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội & chính sách phát triển bền vững

84

Báo cáo của Ban Điều hành

- 86 Kết quả kinh doanh 2020
- 92 Định hướng kinh doanh 2021

104

Quản trị doanh nghiệp

- 106 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 110 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 112 Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc

94

Đánh giá của Hội đồng quản trị

- 96 Những kết quả đạt được
- 102 Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai

120

Báo cáo tài chính hợp nhất

- 123 Thông tin chung
- 126 Báo cáo của Ban Điều hành
- 127 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 128 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 131 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 132 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 134 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

0

1

**Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng
quản trị**

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm 2020, MB tiếp tục giữ vị trí trong nhóm các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng tại Việt Nam và ghi danh Top 30 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (theo bảng xếp hạng VNR500)

Tình hình kinh tế thế giới năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 trên mọi lĩnh vực. Mặc dù chịu tác động lớn của dịch, nhưng dưới sự lãnh đạo khéo léo và quyết liệt của Đảng và Nhà nước, kinh tế Việt Nam từng bước phục hồi trong điều kiện bình thường mới và trở thành điểm sáng khi mức tăng trưởng GDP thuộc nhóm cao nhất thế giới, hoàn thành mục tiêu kép tăng trưởng kinh tế và kiểm soát dịch bệnh. Cụ thể, GDP năm 2020 tăng 2,91%, trong bối cảnh tăng trưởng GDP toàn cầu 2020 theo World bank dự báo là 2,5%, CPI giữ ổn định khoảng 3,23%, vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2019 và tương đương 34,4% GDP.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, chặt chẽ trong năm 2020: Tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56%, huy động vốn tăng 12,87%, tăng trưởng tín dụng đạt 10,14%, Ngân hàng Nhà nước 3 lần điều hành giảm lãi suất, tỷ giá duy trì ổn định, nợ xấu được kiểm soát chặt chẽ.

Mặc dù dịch Covid-19 bùng phát và ảnh hưởng đến Việt Nam ngay từ những tháng đầu năm, Hội đồng quản trị MB đã ứng dụng công nghệ để triển khai nhiều hình thức hợp linh hoạt, đảm bảo hoạt động quản trị điều hành theo đúng thông lệ và hoạt động kinh doanh của MB vẫn diễn ra thông suốt, liên tục. Thời gian giãn cách cũng là một cơ hội để MB rà soát lại toàn hệ thống, tinh chỉnh lại quy trình, củng cố

lợi lực lượng nhân sự, nâng cao chất lượng hoạt động. Tiếp tục với phương châm "Củng cố nền tảng, chuyển dịch số, tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững" và tôn chỉ "Thượng tôn pháp luật" và theo đuổi tầm nhìn chiến lược "trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất" và bám sát mục tiêu "TOP 5 về chất lượng hoạt động, hiệu quả; Dẫn đầu về ứng dụng số", toàn hệ thống MB với quyết tâm rất cao đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao phó, cụ thể:

- Kết thúc năm 2020, Tổng tài sản hợp nhất MB đạt 494.982 tỷ đồng; Vốn điều lệ đạt 27.988 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn đạt 10.688 tỷ đồng - là năm thứ hai liên tiếp MB nằm trong nhóm các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng tại Việt Nam. Rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu (NPL) Tập đoàn ~ 1,09% (riêng ngân hàng đạt 0,92%), tỷ lệ bao phủ nợ xấu của quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đạt 158,9%, các giới hạn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước được duy trì tuân thủ.

Thượng tướng **Lê Hữu Đức**
Chủ tịch Hội đồng quản trị MB



- Năm 2020, MB đã hoàn thành chương trình tăng vốn và chia cổ phiếu quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Đáng chú ý, các công ty thành viên mặc dù gặp khó khăn chung do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng đã chủ động triển khai nhiều giải pháp kinh doanh, nỗ lực duy trì vị thế (MBS nằm trong TOP 3 về tư vấn IB, MIC nằm trong TOP 6 thị phần bảo hiểm phi nhân thọ). Tổng Lợi nhuận trước thuế của các công ty thành viên năm 2020 đạt ~ 1.418,8 tỷ đồng, tăng 19% so với 2019 và hoàn thành 124% kế hoạch. Kết quả hoạt động của các công ty thành viên đã đóng góp quan trọng trong kết quả chung của toàn tập đoàn: cụ thể, về lợi nhuận, góp phần giúp toàn tập đoàn đạt kế hoạch đề ra, trong bối cảnh lợi nhuận của Ngân hàng mẹ tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ do triển khai các hoạt động hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng về Covid-19 theo chủ trương chung của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước và góp phần giúp toàn tập đoàn đạt TOP 1 về thị phần doanh số bán bảo hiểm qua Ngân hàng (Bancas).

MB đã đầu tư lớn và bài bản cho hệ thống công nghệ thông tin, đây là nền tảng để MB tiên phong trong chuyển đổi số, tạo tăng trưởng đột phá về số lượng khách hàng, giao dịch trên kênh số từ năm 2017. Đặc biệt, MB đã có 2 sản phẩm: APP MBBank cho Khách hàng cá nhân (được giải thưởng Sao Khuê năm 2019) - đã có thời điểm vượt qua rất nhiều app nổi tiếng của quốc tế, vươn lên đứng đầu về lượt tải trên App store tại Việt Nam và Nền tảng số kết nối Doanh nghiệp - BIZ MBBank cho Khách hàng doanh nghiệp (nhận danh hiệu Sao Khuê 2020). Năm 2020, MB tăng mới 1,9 triệu khách hàng APP MBBank, 40 nghìn khách hàng BIZ MBBank, tỷ lệ giao dịch trên kênh số lên tới 85% và trong những năm tiếp theo, số lượng khách hàng và tỷ lệ giao dịch trên kênh số chắc chắn sẽ có bước phát triển mạnh hơn nữa dựa trên những nền tảng hiện nay. Năm 2020, cùng với việc hoàn thành thay đổi nhận diện thương hiệu đồng nhất giữa ngân hàng mẹ - các công ty thành viên và khai trương trụ sở mới của MB kang trang, bề thế và có nhiều tiện ích, thông minh hàng đầu Việt Nam tại 18 Lê Văn Lương, thương hiệu MB đã được nâng lên một tầm cao mới. Cũng trong năm này, MB đã mở rộng, nâng cao quan hệ hợp tác với nhiều Tổng Công ty, Tập đoàn, tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Các quan hệ hợp tác này hứa hẹn nhiều triển vọng về phát triển kinh doanh, mở rộng tập khách hàng và chuỗi giá trị, mang lại nhiều giá trị hơn nữa cho các cổ đông và khách hàng của MB.

Với những thành tích đạt được, trong năm 2020, MB đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng lớn như: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước... Đồng thời, MB cũng tham gia tích cực các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19, các chương trình từ thiện, an sinh xã hội phạm vi toàn quốc, được ghi nhận là Ngân hàng có trách nhiệm với cộng đồng.

Sang năm 2021, kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng trở lại ở mức ~ 4%, riêng nền kinh tế Việt Nam dự báo phục hồi mạnh mẽ với GDP được tăng trưởng 6,5%, CPI bình quân 4%. Các ngành Bất động sản cá nhân/ FDI/ tiêu dùng cá nhân/ bán lẻ/ xuất nhập khẩu/ logistic có khả năng tăng

trưởng tốt trong năm 2021. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, tín dụng dự báo tăng ~ 12%, tỷ giá được duy trì ổn định, tiếp tục chính sách quản trị nợ xấu chặt chẽ. Năm 2021, các quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực, hướng tới áp dụng các tiêu chuẩn theo Basel 2.

Năm 2021 là năm cuối cùng MB hoàn thành mục tiêu chiến lược giai đoạn 2017 - 2021 và xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2022 - 2026. Hội đồng quản trị MB đã đặt ra phương châm cho năm 2021 là "Tăng tốc số; Đột phá bán lẻ; An toàn - Hiệu quả", tiếp tục tầm nhìn "MB là Ngân hàng thuận tiện nhất", đưa MB trở thành "số 1 về Ngân hàng số, nằm trong Top 3 Ngân hàng bán lẻ tại thị trường Việt Nam", giữ vững tôn chỉ "Thượng tôn pháp luật"; theo đó Ngân hàng tiếp tục là chuyển dịch chiến lược quan trọng, tiên quyết để hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn hiện nay, và là tiền đề, nền tảng cho chiến lược giai đoạn tiếp theo của MB. Với các mục tiêu thách thức trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn tiềm ẩn và diễn biến phức tạp, áp lực cạnh tranh giữa các Ngân hàng ngày càng gia tăng, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành MB quyết tâm nỗ lực, không ngừng tăng trưởng, triển khai các giải pháp linh hoạt, sáng tạo để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ MB, hoàn thành mục tiêu chiến lược giai đoạn 2017 -2021, mang lại giá trị hơn nữa cho khách hàng và cổ đông.

MB xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, các Bộ Ban ngành và sự hỗ trợ, hợp tác từ các đối tác chiến lược là các công ty hàng đầu thế giới trong các lĩnh vực tài chính như Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản); tập đoàn bảo hiểm Ageas (Bỉ) ... sự hỗ trợ, tin yêu của hàng triệu khách hàng, cổ đông, và sự nỗ lực tận tâm của hàng chục nghìn cán bộ nhân viên MB trên toàn hệ thống. MB cam kết nỗ lực không ngừng và tin rằng khát vọng trở thành "**Tập đoàn tài chính vững mạnh, vươn tầm khu vực và thế giới**" sẽ mau chóng thành hiện thực.



Thượng tướng **Lê Hữu Đức**
Chủ tịch Hội đồng quản trị MB

0

2

**Điểm nổi bật
năm 2020**

Điểm nổi bật năm 2020

01

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chỉ tiêu kinh doanh đề ra trong năm

Trong đó, lợi nhuận trước thuế tập đoàn đạt 10.688 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2019, tăng trưởng dư nợ ở mức cao ~ 23%, duy trì Top 5 về chỉ tiêu hiệu quả: ROE ~ 19,13%, ROA 1,90%, tỷ lệ nợ xấu riêng ngân hàng ở mức thấp ~0,92% (thấp hơn so với mức 0,98% của năm 2019)

Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn ước đạt

10.688 TỶ ĐỒNG

▲ 6,5% so với 2019

Tỷ lệ nợ xấu riêng ngân hàng

0,92%

(thấp hơn so với mức 0,98% của năm 2019)

02

Triển khai đồng bộ và quyết liệt sáng kiến chiến lược chuyển đổi

Với 5 cấu phần

Bán hàng thông minh và thấu hiểu khách hàng

Vận hành thông minh

Quản trị rủi ro thông minh

Quản trị tài chính và dữ liệu thông minh

Hạ tầng công nghệ thông tin linh hoạt

22 DỰ ÁN

triển khai theo lộ trình đến năm 2022

03

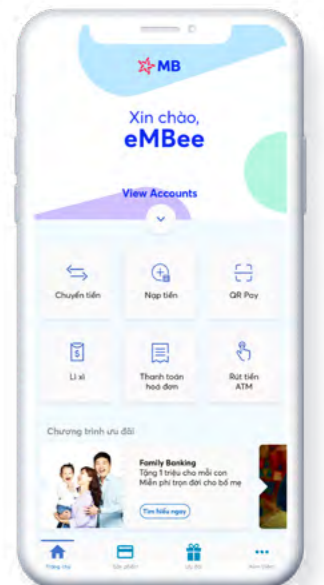
Chuyển đổi số hóa toàn diện

Kết hợp tích cực triển khai marketing số tạo tăng trưởng đột phá trong kinh doanh ngân hàng số, thu hút được 1,86 triệu user app mới, đạt 90 triệu giao dịch (cao gấp 3 lần năm 2019). Không ngừng phát triển nâng cấp thêm nhiều tính năng cho APP MBBank và BIZ MBBank đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng

Thu hút được

1,86 TRIỆU USER APP MỚI

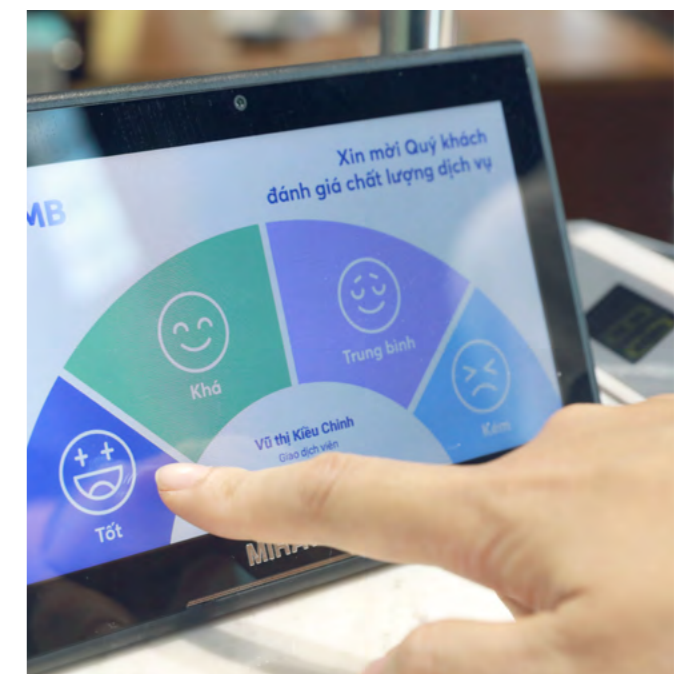
90 TRIỆU GIAO DỊCH
(cao gấp 3 lần năm 2019)



04

Triển khai hàng loạt dự án phát triển công nghệ mới

Tự động hóa, ứng dụng Robotics các quy trình vận hành, cải tiến hệ thống BPM, CRM-Smart RM... mang lại hiệu quả hoạt động ngân hàng. Hệ thống công nghệ thông tin an toàn, hiệu quả cao



Điểm nổi bật năm 2020

05

Hỗ trợ thiết thực mùa Covid-19 cho người dân

Và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19 thông qua việc dành 10% doanh thu, tương đương khoảng 2.000 tỷ đồng để giảm lãi suất cho vay qua 5 đợt điều chỉnh trong năm 2020

Dành 10% doanh thu, tương đương khoảng

2.000 TỶ ĐỒNG

để giảm lãi suất cho vay/ phí



06

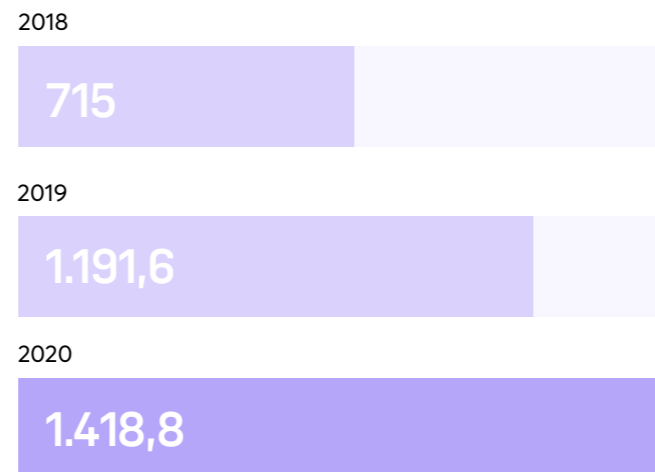
Các công ty thành viên triển khai kinh doanh có hiệu quả cao

Tổng lợi nhuận các công ty đạt 1.418,8 tỷ đồng, tăng 19% so với 2019, đồng thời tiếp tục duy trì vị thế trên thị trường

Tổng lợi nhuận các công ty đạt

1.418,8 TỶ ĐỒNG

▲ 19% so với 2019



07

Khai trương và đưa vào vận hành trụ sở mới

Tại 18 Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Trụ sở MB nổi bật với nhiều tiện ích thông minh và khu chăm sóc nhân viên chuyên biệt, tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam



08

Vinh dự được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng

Ngoài ra, năm 2020, MB còn nhận được nhiều danh hiệu, giải thưởng uy tín trong và ngoài nước như:

- Top 5 trong hệ thống các Ngân hàng Việt Nam
- Top 30 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (theo bảng xếp hạng VNR500 của Vietnam Report và VietNamNet)
- Cú đúp Giải thưởng "Ngân hàng đồng hành cùng Doanh nghiệp nhỏ và vừa" và "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng
- Ngân hàng có "Sản phẩm cho vay số tốt nhất" và "Sản phẩm cho vay tự động tốt nhất" do Tạp chí The Asian Banker vinh danh
- Danh hiệu Sao Khuê cho nền tảng số BIZ MBBank

TOP **5** trong hệ thống các Ngân hàng Việt Nam

TOP **30** Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020

(theo bảng xếp hạng VNR500 của Vietnam Report và VietNamNet)

Tổng quan về MB

Thông tin tổng quát	16
Quá trình hình thành và phát triển	18
Địa bàn kinh doanh	20
Ngành nghề kinh doanh	22
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	24
Tổng quan các công ty thành viên & quan hệ góp vốn	28
Định hướng phát triển	38

Thông tin khái quát

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

Ngân hàng
thương mại cổ phần
Quân đội

Tên viết tắt

Ngân hàng
Quân đội (MB)

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

Military Commercial
Joint stock Bank

Ngày thành lập

4/11/1994

Vốn điều lệ

27.987.568.720.000 ĐỒNG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

0100283873

do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp
đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ
48 ngày 02/12/2020

Mã chứng khoán

MBB

Trụ sở chính

Tòa nhà MB
Số 18 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa
Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại

024 62661088

Fax

024 62661080

Email

info@mbbank.com.vn

Website

www.mbbank.com.vn



Quá trình hình thành & phát triển

Sau 26 năm phát triển, MB khẳng định vị thế của một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, với các chỉ số hiệu quả luôn nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường.

1994



Ngày 4/11/1994, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB) được thành lập với số vốn gần 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

Mười năm đầu (1994-2004) là giai đoạn mang tính "mở lối" định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu. Kiên định với mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi. Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

2005



Trong giai đoạn 2005-2009, MB áp dụng một loạt các giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ...

Có thể nói, đây là giai đoạn tạo cơ sở vững chắc để MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay. Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

2010



Năm 2010, MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 – 2016, với kỳ vọng đưa MB vào TOP 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối. Đây cũng là giai đoạn hết sức khó khăn của nền kinh tế. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường.

Trong bối cảnh đó, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong TOP 3 trước 2 năm – vào năm 2013. Với những thành quả đã đạt được, năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất. Đến năm 2015, tiếp tục được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.

2017



Đây là bốn năm quan trọng của giai đoạn chiến lược mới 2017-2021. Trong đó, MB định hướng tầm nhìn "Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất" với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn, dẫn đầu về số hóa.

Trong các năm này, MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra; đặc biệt chú trọng triển khai đồng bộ và quyết liệt các dự án chiến lược về chuyển đổi số. Năm 2020, MB khai trương và đưa vào vận hành trụ sở mới, hiện đại tại số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; đồng thời được Thủ tướng Chính Phủ tặng cờ thi đua dẫn đầu thi đua ngành Ngân hàng. MB hiện là một trong 13 đơn vị có mức đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đứng vị trí thứ 5 trong hệ thống các Ngân hàng Việt Nam.

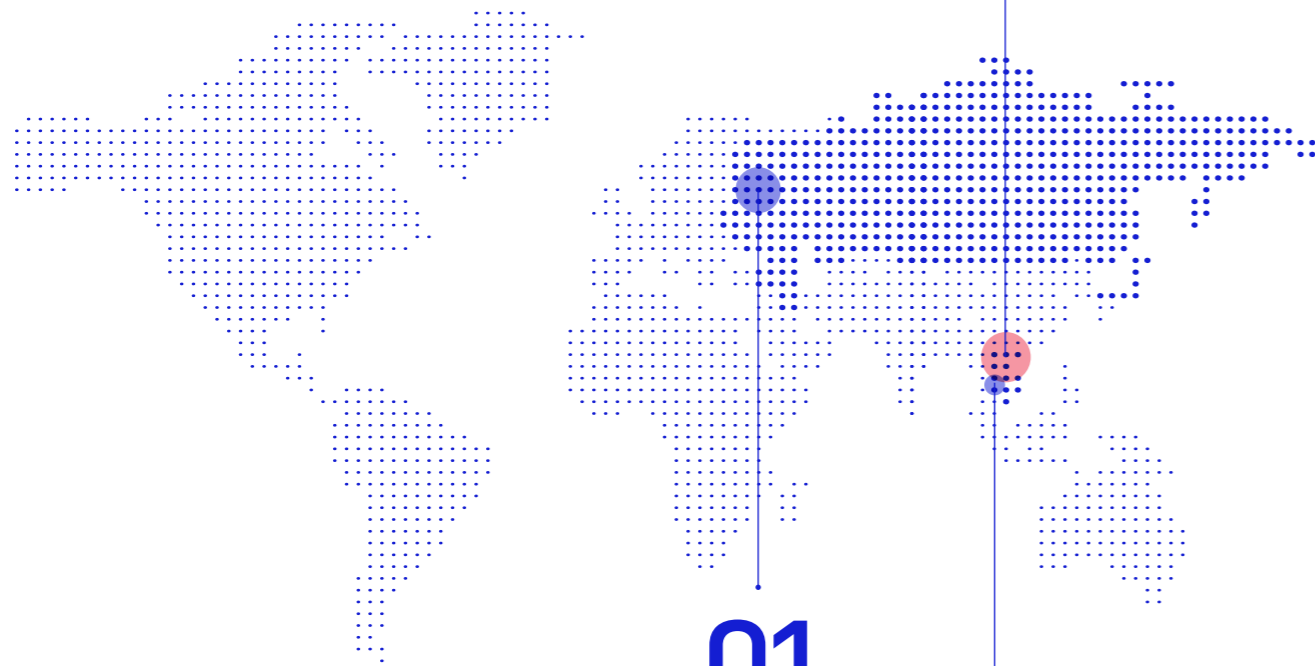
Địa bàn kinh doanh

Đến tháng 12/2020 hệ thống mạng lưới MB có 1 Hội sở chính và 300 điểm giao dịch được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động, trong đó có:

01 Hội sở chính
296 Điểm giao dịch trong nước

01 Văn phòng đại diện tại Nga

03 Điểm giao dịch tại nước ngoài (Lào, Campuchia)



Miền Bắc

- 69 Hà Nội
- 4 Hưng Yên
- 3 Bắc Ninh
- 13 Hải Phòng
- 4 Hải Dương
- 8 Quảng Ninh
- 5 Phú Thọ
- 3 Vĩnh Phúc
- 4 Thái Nguyên
- 4 Ninh Bình
- 4 Thanh Hóa
- 4 Nghệ An
- 3 Lào Cai
- 2 Bắc Giang
- 3 Thái Bình
- 3 Hà Tĩnh
- 4 Nam Định
- 2 Hà Nam
- 1 Hòa Bình
- 2 Sơn La
- 1 Lạng Sơn
- 1 Tuyên Quang
- 1 Yên Bái

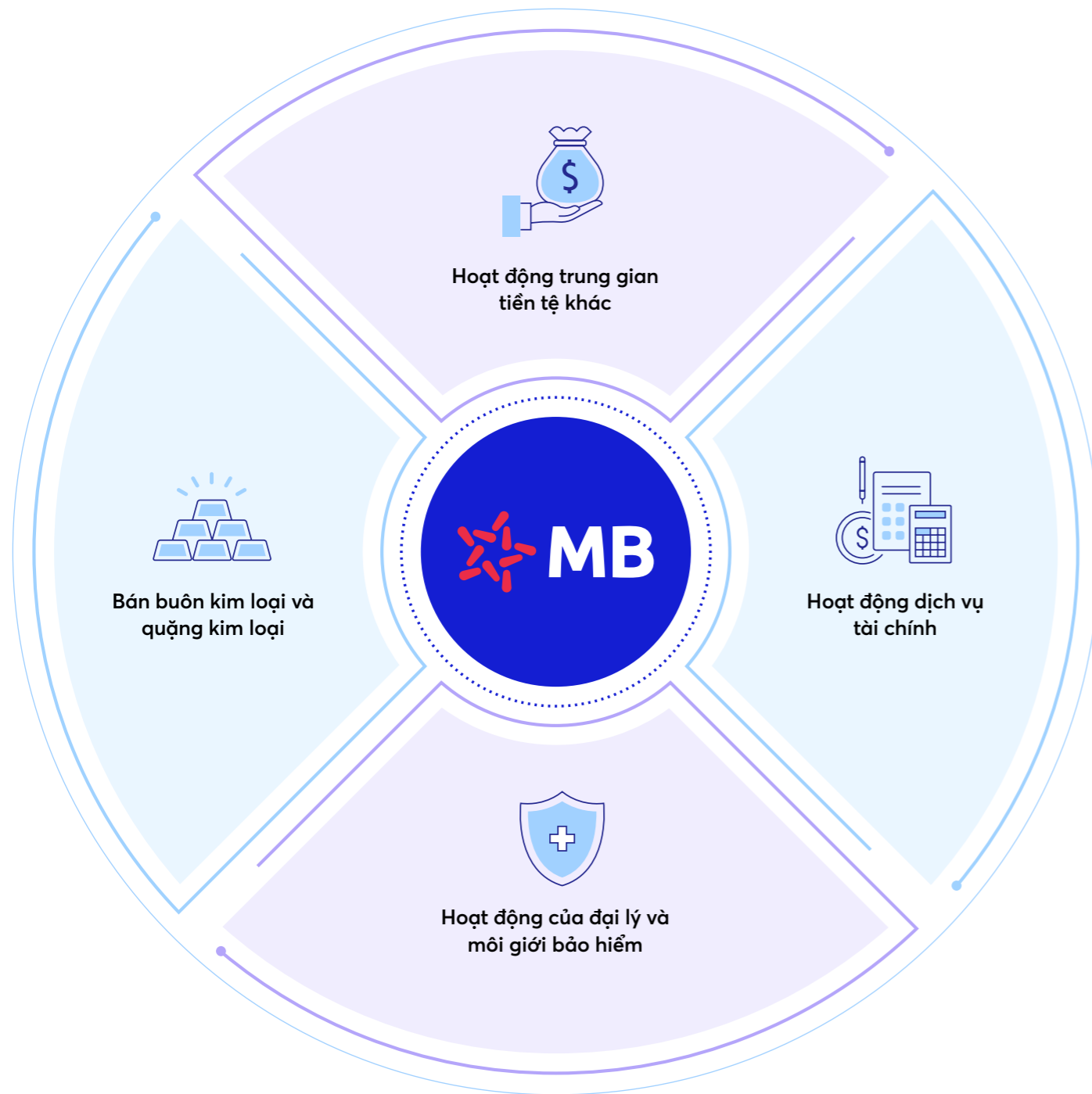
Miền Trung

- 4 Huế
- 2 Quảng Trị
- 8 Đà Nẵng
- 4 Quảng Nam
- 4 Quảng Ngãi
- 3 Bình Định
- 6 Khánh Hòa
- 4 Đắk Lắk
- 3 Gia Lai
- 1 Quảng Bình
- 1 Phú Yên

Miền Nam

- 48 Hồ Chí Minh
- 4 An Giang
- 6 Bà Rịa Vũng Tàu
- 1 Bến Tre
- 7 Bình Dương
- 3 Bình Phước
- 2 Bình Thuận
- 1 Cà Mau
- 5 Cần Thơ
- 8 Đồng Nai
- 2 Đồng Tháp
- 4 Kiên Giang
- 5 Lâm Đồng
- 2 Long An
- 1 Sóc Trăng
- 4 Tây Ninh
- 1 Vĩnh Long
- 3 Tiền Giang
- 1 Trà Vinh

Ngành nghề kinh doanh



MB thực hiện các loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động:



Hoạt động trung gian tiền tệ khác

Nhận tiền gửi; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia đấu thầu, mua bán tín phiếu Kho bạc...; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ môi giới tiền tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu..., vay vốn của Ngân hàng Nhà nước; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,...; góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; mua nợ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận



Hoạt động dịch vụ tài chính

Hoạt động dịch vụ tài chính (dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính,...; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản; kinh doanh giấy tờ có giá; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận



Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Kinh doanh, mua bán vàng miếng



Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

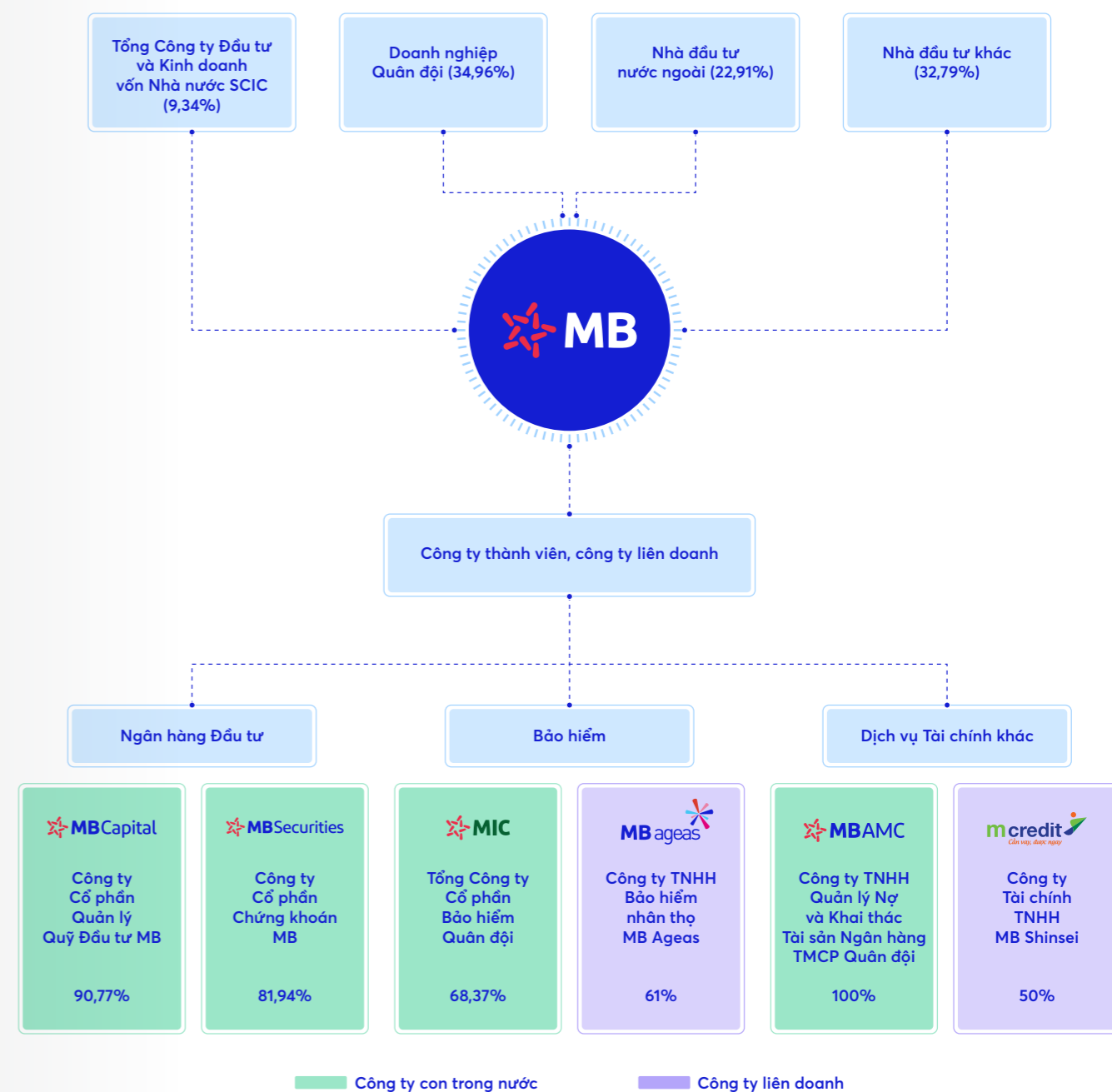
Chi tiết theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 100/GP-Ngân hàng Nhà nước ngày 16/10/2018

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

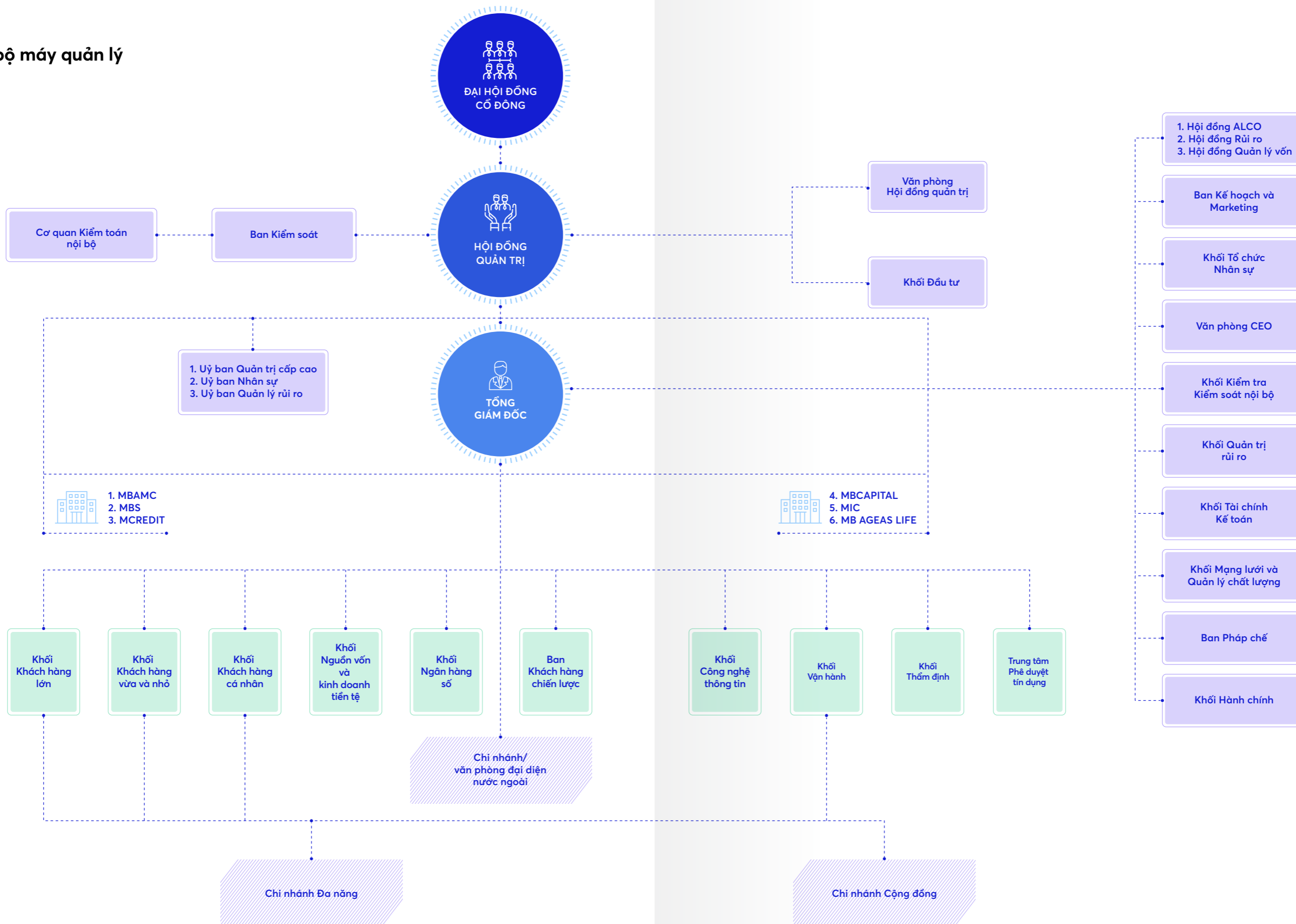


01

Mô hình quản trị

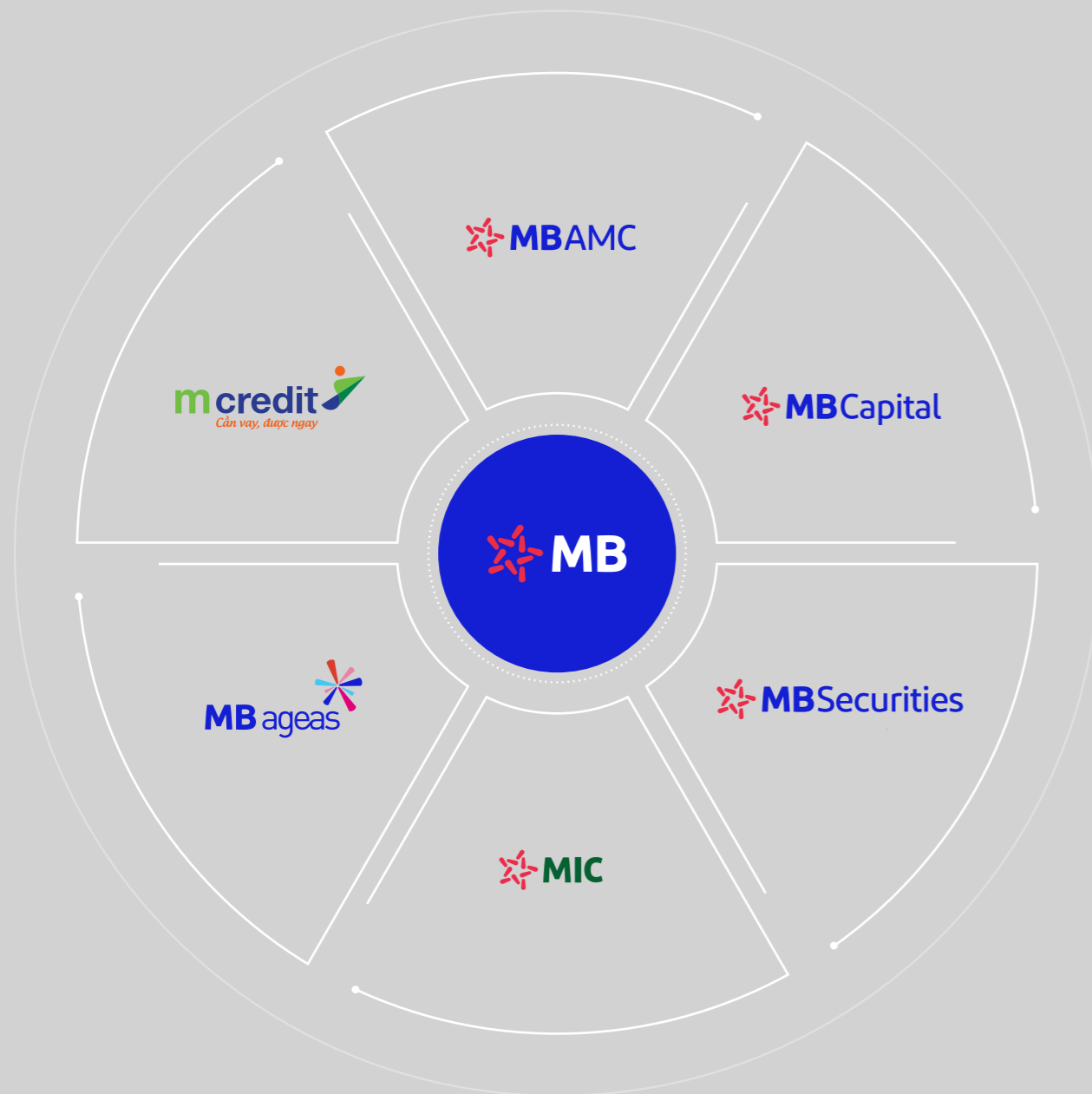


Cơ cấu bộ máy quản lý



- 1. Hội đồng ALCO
- 2. Hội đồng Rủi ro
- 3. Hội đồng Quản lý vốn
- Ban Kế hoạch và Marketing
- Khối Tổ chức Nhân sự
- Văn phòng CEO
- Khối Kiểm tra Kiểm soát nội bộ
- Khối Quản trị rủi ro
- Khối Tài chính Kế toán
- Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng
- Ban Pháp chế
- Khối Hành chính

Tổng quan các công ty thành viên và quan hệ góp vốn



01

Tổng quan các công ty thành viên và quan hệ góp vốn

1.1. Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC)



Tên đầy đủ	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên tiếng Anh	Military Bank Assets Management Company Limited
Tên viết tắt	MBAMC CO., LTD
Lĩnh vực kinh doanh	Quản lý nợ và khai thác tài sản
Vốn điều lệ	665,86 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	100,00%

Giấy phép hoạt động: ĐKKD số 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/9/2002

Con số nổi bật

18%

Tăng trưởng doanh số và doanh thu xử lý nợ

8%

Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế

Kết quả kinh doanh

Năm 2020, Công ty đạt mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 8% so với 2019, trong đó doanh số xử lý nợ tăng trưởng 18% và số lượng báo cáo tư vấn thẩm định giá tăng 21%. MBAMC là một mắt xích quan trọng trong quy trình tín dụng của MB, đóng góp tích cực vào hoạt động xử lý nợ và chiếm 56% giá trị thu hồi nợ xấu của MB. Chất lượng các hoạt động và dịch vụ của MBAMC tiếp tục được cải thiện rõ rệt.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, MBAMC tích cực triển khai các hoạt động thiện nguyện, ủng hộ vùng lũ miền Trung, Ủng hộ chương trình Mái ấm công đoàn, nghĩa tình đồng đội...

Năm 2021, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững, tập trung vào hoạt động kinh doanh lõi. Công ty thực hiện chuyển dịch số thông qua nâng cấp hạ tầng CNTT, đầu tư các phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh lõi, phần mềm kế toán, quản trị,... với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tăng chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của MB và khách hàng của MB.

Tổng quan các công ty thành viên và quan hệ góp vốn (tiếp theo)

1.2. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)



Tên đầy đủ	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Tên tiếng Anh	MB Capital Management Joint Stock Company
Tên viết tắt	MB Capital
Lĩnh vực kinh doanh	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư
Vốn điều lệ	323,80 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	90,77%

Giấy phép hoạt động: Giấy phép số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 29/09/2006

Định vị

TOP 5

Lợi nhuận trước thuế

TOP 3

Tăng trưởng quỹ mở trái phiếu

TOP 5

Tăng trưởng quỹ mở cổ phiếu

Kết quả kinh doanh

Năm 2020, nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh trước biến động phức tạp của thị trường, MBCapital ghi nhận lợi nhuận trước thuế đứng thứ 5 trong ngành.

MBCapital ra mắt hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ trực tuyến MBCapital Online và chuyển đổi quỹ đầu tư tăng trưởng MBGF thành Quỹ đầu tư trái phiếu MBBOND. Công ty tích cực nghiên cứu để đưa vào triển khai các sản phẩm mới như quỹ liên kết đơn vị, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, nhằm đa dạng hóa sản phẩm cho khách hàng.

Song hành cùng các hoạt động kinh doanh, MBCapital tích cực triển khai các chương trình từ thiện như Ủng hộ bảo lụt miền Trung, Hiến máu nhân đạo, Mái ấm công đoàn, nghĩa tình đồng đội...

Trong năm 2021, công ty duy trì mục tiêu nằm trong Top 3 về hiệu quả hoạt động, theo đó tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nghiên cứu triển khai các sản phẩm đầu tư mới, tăng cường phối hợp bán chéo với MB Group nhằm gia tăng giá trị tài sản quản lý. Bên cạnh đó, công ty ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phấn đấu số hóa toàn diện, tăng trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa quản trị, đáp ứng tốt hơn nữa kỳ vọng của các nhà đầu tư.

1.3. Công ty Cổ phần Chứng khoán MB



Tên đầy đủ	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Tên tiếng Anh	MB Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt	MBS
Lĩnh vực kinh doanh	Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán
Vốn điều lệ	1.643,31 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	81,94%

Giấy phép hoạt động: Giấy phép số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9/12/2013

Định vị

TOP 6

Thị phần môi giới chứng khoán

TOP 4

Thị phần chứng khoán phái sinh

TOP 3

Doanh thu dịch vụ ngân hàng đầu tư

Con số nổi bật

16%

Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế

Kết quả kinh doanh

Năm 2020, MBS đã nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh và đạt kết quả ấn tượng với doanh thu đạt 1.122 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 336 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2019. Công ty tiếp tục củng cố thương hiệu, đạt vị trí TOP 6 thị phần môi giới, tiếp tục khẳng định vị thế TOP 3 doanh thu dịch vụ ngân hàng đầu tư, uy tín của MBS đối với thị trường tăng mạnh, thực hiện nhiều giao dịch huy động vốn thành công. MBS đã triển khai mở tài khoản chứng khoán, eKYC qua APP MB, phát triển các sản phẩm mới như trái phiếu Abond, Chứng quyền có bảo đảm CW.

Với giá trị cốt lõi là "Trách nhiệm và phát triển cộng đồng", hoạt động từ thiện và xã hội luôn được MBS quan tâm và thực hiện thường xuyên với các chương như ủng hộ lực lượng tuyến đầu chống dịch Covid-19; tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo; Chương trình từ thiện "Hương về miền Trung ruột thịt"...

Năm 2021, MBS tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng cường chuyển dịch số, nâng cao chất lượng dịch vụ và tiện ích cho khách hàng, quản trị rủi ro chặt chẽ, tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu của MBS với đối tác và khách hàng.

Tổng quan các công ty thành viên và quan hệ góp vốn (tiếp theo)

1.4. Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)



Tên đầy đủ	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
Tên tiếng Anh	Military Insurance Corporation
Tên viết tắt	MIC
Lĩnh vực kinh doanh	Kinh doanh bảo hiểm Phi nhân thọ
Vốn điều lệ	1.300,00 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	68,37%

Giấy phép hoạt động: Giấy phép số 43 GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp lần đầu ngày 8/10/2007

Định vị

TOP 6

Thị phần bảo hiểm phi nhân thọ

Con số nổi bật

26%

Tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cao gấp 3 lần thị trường

13%

ROE

Kết quả kinh doanh

MIC liên tục có mức tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cao nhất trong TOP 7 ngành và cao gấp 3 lần bình quân toàn thị trường. Ngoài ra, MIC cũng duy trì vị thế TOP đầu thị trường về chỉ số hiệu quả ROE. Các sản phẩm của MIC được gắn với trách nhiệm của xã hội, điển hình là sản phẩm bảo hiểm trách nhiệm nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng của MIC đồng hành cùng chương trình thử nghiệm lâm sàng vắc xin Nano covax.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, MIC cũng chú trọng đến các hoạt động xã hội với nhiều hoạt động ý nghĩa và nổi bật như trao tặng các suất bảo hiểm Corona Guard cho sinh viên tình nguyện chống dịch Covid-19 tại Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Cần Thơ, tổ chức chương trình "Bữa ăn cho em" dành tặng các bạn nhỏ có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại Viện Nhi TW...

Năm 2021 với phương châm "Chuyển đổi số - tăng trưởng nhanh - hiệu quả", MIC tiếp tục chú trọng tăng trưởng nhanh doanh thu kết hợp duy trì hiệu quả cao nhằm hướng đến mục tiêu TOP 1 về bảo hiểm số, TOP 2 về hiệu quả trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ.

1.5. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas



Tên đầy đủ	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas
Tên tiếng Anh	MB Ageas Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt	MB Ageas Life
Lĩnh vực kinh doanh	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính
Vốn điều lệ	1.500,00 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	61,00%

Giấy phép hoạt động: Giấy phép số 74/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 21/07/2016

Định vị

TOP 5

Doanh số bảo hiểm nhân thọ kênh Bancassurance

Con số nổi bật

51%

Tăng trưởng Doanh thu phí bảo hiểm

33%

Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế

Kết quả kinh doanh

Năm 2020 MBAL đã triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh và đạt được những thành quả đáng ghi nhận với Doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng 51% so với năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 265 tỷ đồng, tăng trưởng 33% so với 2019 và góp phần đưa MB Group giữ vững TOP 1 thị trường về triển khai kênh Bancassurance.

Song hành cùng quá trình phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh, các hoạt động hướng đến cộng đồng, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng được MBAL ưu tiên thực hiện, theo đó trong năm Công ty đã triển khai nhiều chương trình ý nghĩa như Ủng hộ xây dựng điểm trường, mang nguồn ánh sáng hy vọng đến trẻ em nghèo tại Sơn La; phát khẩu trang miễn phí tại các địa điểm giao dịch của MB; Hỗ trợ và gửi tặng các nhu yếu phẩm đến các y, bác sỹ của Bệnh viện Bạch Mai, ủng hộ các hộ dân bị thiệt hại do ảnh hưởng của mưa lũ...

Năm 2021, với phương châm "Tăng trưởng nhanh, hiệu quả và an toàn. Cùng cố nền tảng công nghệ thông tin, chuyển dịch số trong hoạt động quản trị, kinh doanh", MBAL sẽ tiếp tục ưu tiên đầu tư năng lực công nghệ thông tin, chuyển dịch số tập trung vào trải nghiệm khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Tổng quan các công ty thành viên và quan hệ góp vốn (tiếp theo)

1.6. Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei



Tên đầy đủ	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei
Tên tiếng Anh	MB Shinsei Finance Limited Liability Company
Tên viết tắt	MS FINANCE
Lĩnh vực kinh doanh	Tài chính tiêu dùng
Vốn điều lệ	800,00 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	50,00%

Giấy phép hoạt động: Giấy phép số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 21/9/2017.

Định vị

TOP 4

Thị phần tài chính tiêu dùng

Con số nổi bật

77%

Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế

18,3%

Tăng trưởng dư nợ

Kết quả kinh doanh

Mcredit đã có một năm hoạt động kinh doanh nỗ lực và đạt được những thành quả đáng ghi nhận với lợi nhuận trước thuế đạt 320 tỷ đồng, tăng trưởng 77% so với 2019, dư nợ đạt mốc trên 10 nghìn tỷ đồng và là một trong số ít công ty tài chính tiêu dùng duy trì được đà tăng trưởng dư nợ hai con số trong năm 2020. Song hành cùng quá trình phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh, các chính sách an sinh xã hội cũng được Mcredit ưu tiên thực hiện với các chương trình ý nghĩa như tặng quà các đơn vị tuyến đầu chống dịch Covid-19, ủng hộ nhu yếu phẩm cho bà con vùng lũ miền Trung, hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19...

Năm 2021, với phương châm "Phát triển nhanh - đột phá - chuyển đổi số - hiệu quả", Mcredit sẽ tiếp tục ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực công nghệ thông tin hướng tới trở thành công ty tài chính tiêu dùng số dẫn đầu, đáp ứng nhanh chóng và đa dạng mọi nhu cầu vay vốn tiêu dùng trong khắp mọi miền đất nước.

Định hướng quản lý công ty thành viên và định hướng tập đoàn

Với định hướng hoạt động theo mô hình Tập đoàn (MB Group) trong đó công ty mẹ MB là hạt nhân và vệ tinh là các công ty thành viên hoạt động bao phủ trong hầu hết các mảng tài chính gồm đầu tư, chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm và tài chính tiêu dùng: Năm 2021, MB Group tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ sinh thái tài chính số, triển khai hoạt động kinh doanh hướng tới:

- Hoàn thiện mô hình tập đoàn tài chính trên ứng dụng số, tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên nhằm củng cố kết nối khách hàng, ngân hàng và các công ty thành viên.
- Đầu tư tăng năng lực tài chính và các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược; góp phần nâng cao năng lực quản trị, hoạt động kinh doanh các Công ty thành viên..
- Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của Tập đoàn.

Quản trị tập đoàn – tăng cường quản lý và hỗ trợ hoạt động các công ty thành viên

- Triển khai xây dựng chiến lược hoạt động các Công ty con giai đoạn 2021-2025 gắn kết với định hướng chiến lược chung của Tập đoàn; hướng tới hoàn thiện hệ sinh thái tài chính số phục vụ đa dạng và toàn diện nhu cầu của khách hàng.
- Triển khai hoạt động quản trị tập đoàn trong các mảng trọng yếu như Tài chính kế toán, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin, Tổ chức nhân sự... theo hướng MB xây dựng các tiêu chuẩn và thông lệ tiên tiến giúp công ty nhanh chóng hoàn thiện, kiện toàn hệ thống theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị và kinh doanh, phù hợp với quy định pháp luật.
- Tăng cường gắn kết trong hoạt động thường xuyên giữa các Công ty với MB, đẩy mạnh hoạt động đào tạo, chia sẻ và dùng chung nguồn lực của hệ thống; tăng cường bán chéo phát triển dịch vụ của toàn Tập đoàn.





04

Định hướng hoạt động đầu tư năm 2021

- Quản lý hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn thông qua việc ban hành quy định, chính sách, định hướng đầu tư và giám sát việc thực thi theo các quy định, tiêu chuẩn của Tập đoàn.
- Triển khai hoạt động đầu tư tuân thủ quy định pháp luật, theo đúng định hướng chiến lược, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của MB.
- Nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên.
- Cải tiến mô hình bán chéo theo hướng xây dựng các cơ chế và các nền tảng công nghệ thông tin để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động bán chéo giữa MB và các Công ty thành viên nhằm khai thác tối ưu nguồn lực Tập đoàn.

05

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Năm 2020, MB hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 18 Lê Văn Lương với tiêu chuẩn toà nhà văn phòng hạng A, có diện tích làm việc rộng rãi, khang trang, cơ sở vật chất làm việc và phục vụ khách hàng theo đúng tiêu chuẩn hiện đại, đa năng, hướng đến khách hàng.

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu năm 2021



Tập trung triển khai hiệu quả, đúng tiến độ, hoàn thành chiến lược giai đoạn 2017-2021 và xây dựng chiến lược giai đoạn 2022-2026.

Tập trung triển khai 5 sáng kiến chuyển đổi với 22 dự án trọng tâm nhằm mục tiêu Doanh nghiệp số dẫn đầu bao gồm:

- 01 Bán hàng thông minh và Thấu hiểu khách hàng**

MB triển khai nhóm dự án kinh doanh bao gồm Customer Insight, Smart Channel, Smart Marketing, Digital lending, Customer onboarding với mục tiêu đạt 10 triệu khách hàng trong năm 2021, chuyển đổi 90% giao dịch sang kênh số. Mở rộng các điểm Smart Bank thu hút và gia tăng lợi ích cho khách hàng; đa dạng hóa các sản phẩm tự động trên kênh số. Hoàn chỉnh hành trình onboarding trên kênh online cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp. Tối ưu thời gian phục vụ khách hàng tại quầy và gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng bên ngoài trên các kênh đạt 85%.
- 02 Vận hành thông minh**

Với việc triển khai 2 dự án Tái thiết kế quy trình BPR và Tự động hóa quy trình bằng robot RPA, MB sẽ gia tăng đáng kể tốc độ xử lý giao dịch cho khách hàng cũng như quy trình nội bộ, tối ưu hóa nguồn lực. Các cam kết TAT (thời gian xử lý giao dịch toàn trình) được ban hành đảm bảo cạnh tranh và phấn đấu mục tiêu Top 3 Ngân hàng thương mại.
- 03 Quản trị tài chính và Dữ liệu thông minh**

MB nâng cao chất lượng dữ liệu khách hàng và làm chủ dữ liệu bằng việc đầu tư xây dựng các hệ thống quản trị dữ liệu hiện đại như Operational Data Store (ODS), meta data, tối ưu hóa Data Warehouse (DWH); hoàn chỉnh các khung chính sách về quản trị dữ liệu cũng như các công cụ đo lường chất lượng dữ liệu. Quản lý lợi nhuận đa chiều giúp phân tích chính xác hiệu quả hoạt động theo đơn vị kinh doanh, khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, là cơ sở để MB quản trị tốt chi phí và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.
- 04 Quản trị rủi ro thông minh**

MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) đáp ứng Basel 2, năm 2021 sẽ là năm MB ứng dụng sâu rộng kết quả vào hoạt động với mục tiêu tỷ lệ phê duyệt tự động cho các khoản vay khách hàng cá nhân là 30% và SME là 10%. Triển khai Dự án ICAAP (Internal Capital Adequacy Assessment Process- dự án đánh giá mức độ đủ vốn) giúp MB nhận diện và quản trị được 100% các rủi ro trọng yếu trên hệ thống phần mềm, từ đó tối ưu hoá phân bổ vốn, định giá dựa trên rủi ro.
- 05 Hạ tầng công nghệ thông tin linh hoạt**

Để tham gia vào công cuộc chuyển dịch số, MB đã trang bị cho mình một nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, linh hoạt với việc triển khai nhóm 8 dự án IT bao gồm Private Cloud, VDI (Virtual Desktop Infrastructure), Consolidated Database, SDN (Software-Defined Networking), ITSM (Information Technology Service Management), DLP (Data loss prevention), Microservices, CRM Next Generation; thực hiện mục tiêu đảm bảo năng lực xử lý hệ thống, cam kết tỷ lệ giao dịch thành công trên 99%, đáp ứng yêu cầu kinh doanh cho quy mô 20 triệu khách hàng, giảm thời gian phát triển đưa sản phẩm ra thị trường nhằm tăng cơ hội/hiệu quả cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ của MB.

Trở thành ngân hàng thuận tiện nhất



TOP 5 về hiệu quả kinh doanh và an toàn



**Đổi mới,
Hiện đại, Hợp tác,
Bền vững.**

Phương châm
chiến lược

2017-2021

Mục tiêu phát triển bền vững và các chương trình chính (môi trường, xã hội, cộng đồng) trong ngắn và trung hạn

Trong 5 năm qua

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng cao nhất thị trường đạt mức

31%

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao nhất trong top đầu các ngân hàng tại Việt Nam đạt trên

100%

Phát triển bền vững đã trở thành một trong những vấn đề rất được quan tâm của các doanh nghiệp nói chung và ngân hàng nói riêng. MB xác định một số vấn đề chính đối với mục tiêu phát triển bền vững như kinh doanh bền vững, quản trị doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh, giảm khí thải trong quá trình vận hành, quản lý an toàn và sức khỏe cán bộ nhân viên, môi trường, thực thi các trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Trong 5 năm qua, MB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu về quy mô và hiệu quả nằm trong top đầu của thị trường với lợi nhuận trước thuế tăng trưởng cao nhất thị trường đạt mức 31%. Cùng với tăng trưởng cao và đảm bảo chất lượng với tỷ lệ nợ xấu NPL luôn ở mức thấp hơn trung bình ngành, MB chủ động tích cực, trích lập và duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao nằm trong top đầu các ngân hàng tại Việt Nam đạt trên 100%.



Trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, MB luôn gương mẫu thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Trong năm 2020, MB đã thực hiện hơn 100 chương trình từ thiện với cộng đồng. MB đã cùng Hội Chữ thập đỏ, Bưu điện Việt nam và được sự hỗ trợ của dự án iTrithuc Việt số hóa do Phó thủ tướng Vũ Đức Đam chủ trì đã phát triển nền tảng I-nhandao (inhandao.vn) giúp kết nối trực tiếp những nhà hảo tâm với những người có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó MB còn thực hiện rất nhiều chương trình, chính sách vì người lao động, bảo vệ môi trường và cộng đồng như:



Phát triển bộ quy tắc ứng xử và những chính sách, quy trình đáp ứng kì vọng của các bên, bao gồm người lao động và người sử dụng lao động trong MB, đồng thời giữ vững và củng cố những giá trị của MB;



Đảm bảo chế độ, xây dựng lòng tin của nhân viên đối với chiến lược phát triển bền vững của MB thông qua việc giới thiệu các phương pháp và khung phát triển bền vững vạch rõ cơ hội và rủi ro;



Quản trị rủi ro và tuân thủ pháp lý, đảm bảo cân bằng giữa an toàn (tuân thủ), hiệu quả và khả năng cạnh tranh lâu dài của MB trước các đối thủ trong ngành;



Xây dựng chủ trương, chính sách dành cho các hoạt động bảo tồn môi trường, tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu khí thải trong các khâu vận hành của MB và vận động, phát động nhiều chương trình thi đua để các CBNV thực hành các biện pháp bảo vệ môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nguyên nhiên vật liệu trong hoạt động.

Tình hình hoạt động trong năm

Hoạt động kinh doanh 2020 50

Tổ chức và nhân sự MB 52

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 68

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội và chính sách phát triển bền vững 70

Hoạt động kinh doanh năm 2020

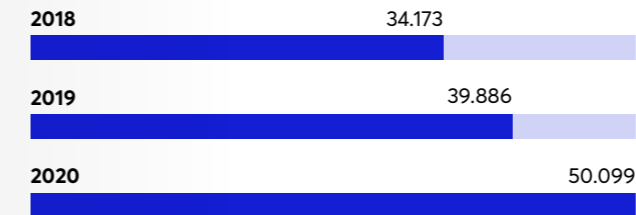
Các chỉ tiêu chính

	Đơn vị tính	2018	2019	2020	% tăng/giảm
Chỉ tiêu chung					
Điểm giao dịch (bao gồm trụ sở chính)*	Số ĐGD	300	301	301	0,00%
Số cán bộ nhân viên (ngân hàng và công ty thành viên)	Người	15.233	15.691	14.852	↘ -5,35%
Chỉ tiêu tài chính					
1, Quy mô vốn					
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	34.173	39.886	50.099	↗ 25,61%
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	21.605	23.727	27.988	↗ 17,96%
Tổng tài sản	tỷ đồng	362.325	411.488	494.982	↗ 20,29%
Tỷ lệ an toàn Vốn CAR**	%	10,90%	10,12%	10,42%	↗ 0,30%
2, Kết quả hoạt động kinh doanh					
Tiền gửi của TCKT và cá nhân	tỷ đồng	239.964	272.710	310.960	↗ 14,03%
Tổng dư nợ cho vay	tỷ đồng	214.686	250.331	298.297	↗ 19,16%
Doanh thu	tỷ đồng	19.537	24.650	27.362	↗ 11,00%
Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng	tỷ đồng	10.803	14.927	16.807	↗ 12,59%
Thuế và các khoản phải nộp	tỷ đồng	2.214	3.114	3.336	↗ 7,13%
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	14.583	18.000	20.278	↗ 12,65%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	7.767	10.036	10.688	↗ 6,50%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	6.190	8.069	8.606	↗ 6,66%
ROE (LNST/VCSH bình quân)*	%	19,41%	21,79%	19,13%	↘ -2,66%
ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)*	%	1,83%	2,09%	1,90%	↘ -0,19%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	(3.035)	(4.891)	(6.118)	↗ 25,10%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,33%	1,16%	1,09%	↘ -0,07%
EPS	Đồng/ cổ phiếu	2.416	2.758	2.993	↗ 8,52%
3, Khả năng thanh khoản*					
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (>=10%)	%	18,83%	20,68%	18,18%	↘ -2,50%
Tỷ lệ chi trả 30D VND (>=50%)	%	79,64%	78,09%	109,92%	↗ 31,80%
Tỷ lệ chi trả 30D ngoại tệ (>=10%)	%	242,73%	159,27%	298,58%	↗ 139,30%

(*) Riêng ngân hàng

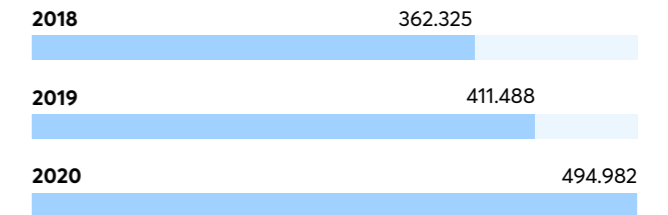
(**) Hợp nhất (Theo thông tư 41) - riêng tỷ lệ an toàn vốn CAR hợp nhất năm 2018 tuân theo thông tư 36

Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



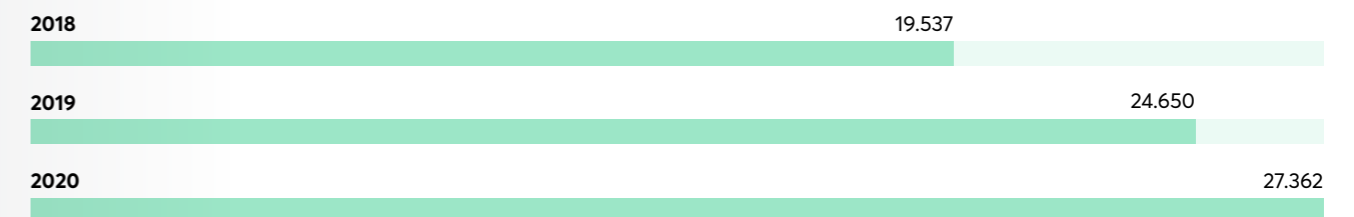
^ **26%** (so với 2019)

Tổng tài sản (tỷ đồng)



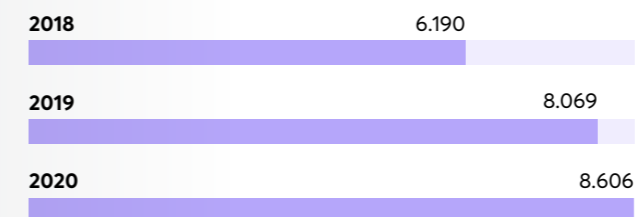
^ **20%** (so với 2019)

Doanh thu (tỷ đồng)



^ **11%** (so với 2019)

Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



^ **7%** (so với 2019)

ROE (LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân)

19,13%

ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)

1,90%

Tổ chức và nhân sự

01

Giới thiệu Hội đồng quản trị

MB



Ông Lê Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thượng tướng Lê Hữu Đức, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân. Là Chủ tịch Hội đồng quản trị MB từ năm 2011 đến nay, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB. Đồng thời, Ông đã chỉ đạo quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện và mang lại kết quả tích cực cho các công ty thành viên. Ông cũng là người củng cố bản sắc quân đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm "Kỷ luật nghiêm - Thượng tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội". Dưới sự dẫn dắt của Ông, MB đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý các cấp vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý, truyền động lực cho cán bộ nhân viên tốt và sẵn sàng nhận nhiệm vụ, thử thách mà tổ chức giao phó.

Không có thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị trong năm



Bà Vũ Thị Hải Phượng

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ và Phó Tổng giám đốc (kiêm Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Khối Mạng lưới - phân phối). Từ năm 2014 - 2019, trên cương vị là Trưởng Ban Kiểm soát MB, Bà Phượng đã tổ chức, chỉ đạo, xây dựng hệ thống Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại MB và công ty thành viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Được Hội đồng quản trị tín nhiệm giới thiệu, Bà đã trúng cử vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB nhiệm kỳ 2019 - 2024. Hiện tại, Bà Phượng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit).

Ông Lưu Trung Thái

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có gần 25 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 09/2013. Năm 2017, ông được giao trọng trách là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc MB. Với những đóng góp của mình, ông được Đại hội đồng cổ đông 2019 đã tiếp tục tín nhiệm bầu tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 và được Hội đồng quản trị tiếp tục tin tưởng giao vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc MB.



Ông Đỗ Minh Phương

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Minh Phương tốt nghiệp cử nhân Điện tử - Viễn thông và đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại Viettel và các công ty thành viên của Viettel như Giám đốc Công ty Truyền hình - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Viettel; Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel. Hiện nay, Ông là Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. Ông Đỗ Minh Phương được Đại hội đồng cổ đông 2019 tín nhiệm bầu tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 và được Hội đồng quản trị phân công vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB.





Ông Lê Viết Hải

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Viết Hải tốt nghiệp Cử nhân Tài chính - Tín dụng - Học viện Ngân hàng, Cử nhân luật - Đại học Luật Hà Nội và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học California Miramar. Ông Hải đã gắn bó với MB 26 năm và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt của MB như: Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Ông Hải được Đại hội đồng cổ đông 2019 tín nhiệm bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách nhiệm kỳ 2019 - 2024. Hiện tại, Ông Hải đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS).



Ông Ngô Minh Thuận

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Ngô Minh Thuận tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế vận tải, Đại học Hàng hải Việt Nam. Ông Thuận gia nhập Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn từ năm 1994 và giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn từ năm 2009. Năm 2017, Ông là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Ông Thuận được Đại hội đồng cổ đông MB tín nhiệm bầu là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Ông Kiều Đặng Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Kiều Đặng Hùng tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh - Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh, Ông Kiều Đặng Hùng gia nhập Công ty Bay dịch vụ miền Nam từ năm 1996 và lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng an toàn, Phó Giám đốc Công ty Trực thăng miền Bắc và Công ty Trực thăng bay miền Nam, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Đào tạo bay Việt kiêm Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty Trực Thăng Việt Nam. Ông Kiều Đặng Hùng được Đại hội đồng cổ đông MB 2019 tín nhiệm bầu là Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024.



Bà Nguyễn Thị Ngọc

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế và là người lãnh đạo Văn phòng Hội đồng quản trị từ khi thành lập văn phòng. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc đã tham gia Hội đồng quản trị MB từ năm 2014 và tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông 2019 tín nhiệm bầu là Thành viên Hội đồng quản trị MB chuyên trách nhiệm kỳ 2019 - 2024. Bà Ngọc đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MBCapital) và giữ vị trí Chủ tịch Công đoàn MB.





Bà Nguyễn Thị Thủy

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐH Khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà Thủy đã tham gia Hội đồng quản trị MB từ năm 2014 và tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông 2019 tín nhiệm bầu là Thành viên Hội đồng quản trị MB chuyên trách nhiệm kỳ 2019 - 2024. Bà Thủy hiện đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life) và là Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC).



Ông Trần Trung Tín

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trần Trung Tín tốt nghiệp Cử nhân Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Cử nhân Báo chí, Trường sĩ quan Chính trị - Quân sự, Cử nhân Tiếng Anh, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, Tiến sỹ Quản lý kinh tế - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, học hàm Phó Giáo sư. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại Bộ Quốc Phòng, đồng thời Ông là người am hiểu lĩnh vực tài chính và tham gia nghiên cứu, giảng dạy bộ môn Tài Chính Ngân hàng tại Học viện Hậu Cần. Tại Đại hội đồng cổ đông MB 2019, Ông Trần Trung Tín được tín nhiệm bầu là thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Bà Vũ Thái Huyền

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Vũ Thái Huyền Tốt nghiệp cử nhân Kế toán - Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và kế toán tổng hợp. Bà là người đại diện vốn của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) tại MB và được Đại hội đồng cổ đông 2019 của MB tín nhiệm bầu vị trí Thành viên Hội đồng quản trị tại MB nhiệm kỳ 2019-2024. Hiện, Bà Huyền đồng thời là Trưởng Ban đầu tư 1 - SCIC và Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.



Tổ chức và nhân sự

02

Giới thiệu Ban Kiểm soát



Bà Lê Thị Lợi

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Lợi tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính ngân hàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà Lợi tham gia MB từ những ngày đầu thành lập và có nhiều đóng góp vào sự phát triển của MB; từng giữ các vị trí quan trọng: Trưởng Phòng Kế toán/Phó Giám đốc Chi nhánh MB Điện Biên Phủ, Giám đốc Tài chính MB và là Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính MB từ năm 2014 đến tháng 4/2019. Hiện, Bà là Trưởng Ban Kiểm soát MB từ nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Bà Nguyễn Thị An Bình

Phó Trưởng Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Bà Nguyễn Thị An Bình đã có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và gắn bó với MB ngay từ ngày đầu thành lập. Bà Bình đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc MB trong 11 năm (từ năm 2009) và có nhiều kinh nghiệm, lãnh đạo các mảng nghiệp vụ quan trọng của MB như: Kiểm tra kiểm soát nội bộ; Pháp chế, Xây dựng cơ bản. Bà đã có nhiều đóng góp trong hoạt động Cải cách hành chính; tối ưu hóa vận hành; Thiết kế, cải tiến và tự động hóa quy trình nghiệp vụ (BPM). Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Bà Bình được các cổ đông tín nhiệm bầu vị trí Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024. Ban Kiểm soát đã biểu quyết và nhất trí 100% việc bầu Bà Nguyễn Thị An Bình giữ chức danh Phó Trưởng Ban Kiểm soát.



Ông Đỗ Văn Hưng

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Văn Hưng tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và nhiều năm liền giữ các vị trí quan trọng của MB như Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng Khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính; Phó Tổng giám đốc phụ trách MB khu vực phía Bắc, Bí thư Đảng ủy MB. Từ ngày 29/03/2018, Ông được Đại hội đồng cổ đông 2018 tín nhiệm bầu là Thành viên Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2014 - 2019 và tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông 2019 tín nhiệm bầu là thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Bà Phạm Thu Ngọc

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thu Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Nantes - Cộng hòa Pháp, Chứng chỉ CMA Australia. Gia nhập MB từ những ngày đầu thành lập, Bà Ngọc đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng. Trước khi được Đại hội đồng cổ đông MB bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024, Bà Ngọc từng đảm nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh Hoàng Quốc Việt; Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán (MB) kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội (MIC).



Bà Đỗ Thị Tuyết Mai

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Tuyết Mai tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Benedictine, Chứng chỉ CMA Australia, CPIA Australia. Bà là Trưởng Kiểm toán nội bộ của MB từ 2009 đến 2019, dẫn dắt Cơ quan kiểm toán nội bộ đạt nhiều thành tích trong công tác. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai hiện là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024.





Ông Lưu Trung Thái

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có gần 25 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên năm giữ các vị trí quan trọng của MB như phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị MB nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 09/2013. Năm 2017, ông được giao trọng trách là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc MB. Với những đóng góp của mình, ông được Đại hội đồng cổ đông 2019 đã tiếp tục tín nhiệm bầu tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 và được Hội đồng quản trị tiếp tục tin tưởng giao vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc MB.

Không có thay đổi Tổng Giám đốc trong năm



Ông Trần Minh Đạt

Phó Tổng giám đốc

Ông Trần Minh Đạt tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính - Đại học Kinh tế quốc dân và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB từ năm 2008 như Giám đốc Chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ. Tháng 11/2014, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của MB. Ngoài ra ông Đạt là Bí thư Đảng ủy MB đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC).

Bà Phạm Thị Trung Hà

Phó Tổng giám đốc

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân, bà Hà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Với những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển chung của MB, từ tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng giám đốc. Hiện nay bà đang phụ trách Khối Quản trị rủi ro, Ban Pháp chế của MB, Giám đốc rủi ro tập đoàn.



Ông Hà Trọng Khiêm

Phó Tổng giám đốc

Hoàn thành Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn, ông Hà Trọng Khiêm gia nhập MB từ năm 1996. Trong 21 năm công tác tại MB, ông Hà Trọng Khiêm đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc phụ trách kinh doanh Khu vực phía Nam. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh doanh của MB tại Khu vực phía Nam. Từ tháng 3/2019 ông được giao Phó Tổng giám đốc MB kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 2.





Bà Nguyễn Minh Châu

Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Minh Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng Tài chính Trường Đại học kinh tế Paris Dauphine (Pháp) và Trường cao học quản lý kinh tế Châu Âu ESCP – EAP. Bà Châu có kinh nghiệm trên 20 năm trong lĩnh vực ngân hàng, nguồn vốn và ngoại hối. Bà chính thức trở thành thành viên của MB từ tháng 11/2009 với vị trí Phó Tổng giám đốc, phụ trách hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ.



Ông Lê Quốc Minh

Phó Tổng giám đốc

Hoàn thành Tiến sỹ ngành Tài chính – Ngân hàng Học viện hậu cần, ông Lê Quốc Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trong hơn 14 năm công tác tại MB, ông Lê Quốc Minh đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Ninh Bình, Phó Giám đốc Khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính, Giám đốc Khối Khách hàng lớn. Tháng 11/2015, ông Lê Quốc Minh chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc MB. Hiện tại, ông là Phó Tổng giám đốc MB phụ trách Khối Thẩm định, Ban Khách hàng chiến lược.

Bà Trần Thị Bảo Quế

Thành viên Ban Điều hành

Bà Trần Thị Bảo Quế tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế ngoại thương Đại học Ngoại thương. Bà là một trong những nhân sự được MB đào tạo từ khi còn trẻ, đã trưởng thành từ môi trường của MB và có nhiều đóng góp cho MB. Bà Bảo Quế đã có gần 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liên nắm giữ các vị trí quan trọng tại MB như Giám đốc Nhân sự, lãnh đạo dự án đào tạo. Bà đã thành công trong việc ghi dấu ấn trong hoạt động triển khai các dự án về chuyển đổi, gắn kết sức mạnh nguồn lực toàn MB. Tháng 02/2019, Bà Quế được bổ nhiệm Thành viên Ban Điều hành phụ trách Khối Mạng lưới và Quản lý chất lượng, Khối Hành chính, Văn phòng đại diện tại Nga.



Ông Lê Xuân Vũ

Thành viên Ban Điều hành

Ông Lê Xuân Vũ tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Northcentral - Hoa Kỳ. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là lĩnh vực hiện đại hóa ngân hàng và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về công tác quản trị các hoạt động tài chính, ngân hàng. Năm 2017, Ông chính thức gia nhập MB với vị trí là thành viên Ban Điều hành. Hiện ông Lê Xuân Vũ phụ trách Khối Khách hàng cá nhân của Ngân hàng, Phó Ban chỉ đạo thường trực - Ban Chỉ đạo chuyển đổi của MB.





Ông Phạm Như Ánh

Thành viên Ban Điều hành

Ông Phạm Như Ánh tốt nghiệp Thạc sỹ, chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Clark University - Mỹ. Ông Ánh có hơn 15 năm gắn bó và làm việc tại MB. Ông từng giữ vị trí Giám đốc Chi nhánh Bình Định, Giám đốc Chi nhánh Bắc Sài Gòn, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn (CIB) và nhiều năm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Với sự dẫn dắt của ông, Khối khách hàng doanh nghiệp lớn (CIB) luôn là Khối kinh doanh dẫn đầu về kết quả và hiệu quả hoạt động, hoàn thành vượt mức kế hoạch, mang lại hiệu quả cho MB. Từ tháng 08/2020, Ông Ánh được bổ nhiệm Thành viên Ban Điều hành phụ trách quản lý hoạt động kinh doanh toàn bộ các đơn vị tại Khu vực phía Nam và Khối Khách hàng lớn của MB.



Ông Vũ Thành Trung

Thành viên Ban Điều hành

Ông Vũ Thành Trung tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Quốc tế Nhật Bản. Ông Trung có trên 10 năm công tác tại MB Group. Ông Trung từng là, Phó Tổng giám đốc MBCapital, Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Chánh văn phòng CEO. Năm 2017, ông Trung được giao trọng trách tổ chức các hoạt động Ngân hàng số tại MB và là Giám đốc Khối Ngân hàng số từ tháng 01/2019. Ông Trung cũng là Giám đốc nhóm dự án thành phần "Thấu hiểu khách hàng và bán hàng thông minh" trong các dự án chuyển đổi số, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty MBS. Dưới sự dẫn dắt của ông Trung, Khối Ngân hàng số đã liên tục phát triển và ra mắt những tính năng mới, xây dựng vị thế hàng đầu của nền tảng số MB trên thị trường, cũng như tạo ra những thành công ban đầu trong việc triển khai các Dự án về chuyển đổi số tại MB. Từ tháng 08/2020, Ông Trung được bổ nhiệm Thành viên Ban Điều hành phụ trách Khối Ngân hàng Số của MB.

Ông Vũ Hồng Phú

Thành viên Ban Điều hành

Ông Vũ Hồng Phú tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế Ngân hàng và Tài chính - Trường ĐH Paris Dauphine và ESCP EUROPE. Ông Phú đã có trên 12 năm làm việc tại MB, ông được ghi nhận là nhân tố trẻ thực hiện xuất sắc các vị trí quan trọng như Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị MB, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Hoạt động của MB Ageas Life dưới sự điều hành của ông Vũ Hồng Phú đã có lãi sau 3 năm hoạt động, giúp nâng cao vị thế tập đoàn tài chính đa năng cho MB Group. Tháng 08/2020 Ông Phú được bổ nhiệm Thành viên Ban Điều hành phụ trách Khối Khách hàng vừa và nhỏ của MB đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life), Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC).



Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Giám đốc Tài chính

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Tháng 02/2019 Bà Nga được bổ nhiệm Giám đốc Tài chính phụ trách Khối Tài chính Kế toán, thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Tài chính tập đoàn.



Những con số nhân sự ấn tượng của MB

Tổng số cán bộ nhân viên của Tập đoàn

14.852^(*)



MBer đã có mặt trên mọi miền tổ quốc, tập trung chủ yếu tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc (~59%/tổng Nhân sự MB), tiếp sau là Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam (~31%).

(*) tính đến 31/12/2020



31%

Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam

59%

Hà Nội và các tỉnh phía Bắc



10%

Các tỉnh thành phố khác và chi nhánh nước ngoài

Độ tuổi bình quân của cán bộ nhân viên MB

~31 tuổi là con số rất phù hợp cho sự phát triển của tổ chức, vừa đủ độ chín, sức trẻ và luôn tràn đầy năng lượng cùng tư duy sáng tạo.



31 TUỔI

Lực lượng nòng cốt tại MB

Lực lượng lao động nòng cốt tại MB là thế hệ 9x (chiếm ~ 51%/tổng nhân sự) và 8x (chiếm ~ 40%/tổng nhân sự). Có thể thấy MB có sức hút rất lớn, phù hợp với xu hướng nguồn lực lao động trẻ hiện nay.

51%

THẾ HỆ 9X

40%

THẾ HỆ 8X

KHÁC

Cán bộ nhân viên MB đến từ nhiều dân tộc



Ngoài dân tộc Kinh, Cán bộ nhân viên MB đến từ nhiều dân tộc khác nhau: Tày, Mường, Khơ me... đây là các nhân sự am hiểu sâu sắc các địa bàn kinh doanh.

Tỷ lệ phát triển nguồn lực nội bộ



Tỷ lệ phát triển nguồn lực nội bộ duy trì tốt, ở mức

>70%

đặc biệt chú trọng bổ nhiệm nhân sự trẻ.

Thu nhập bình quân 2020

28,93

TRIỆU ĐỒNG/ THÁNG

So sánh với thị trường ngành ngân hàng, có thể nhận thấy MB là một trong số ít tổ chức lớn luôn giữ chân được nhân sự ổn định, cam kết gắn bó lâu dài (với tỷ lệ giữ chân cán bộ nhân viên thâm niên trên 10 năm là 95%)

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

01

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đầu năm 2020: 23.727.322.800.000 đồng tương đương 2.372.732.280 cổ phiếu

Trong năm 2020, MB đã thực hiện tăng vốn theo kế hoạch bao gồm:

- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông nước ngoài: 64.310.581 cổ phiếu
- Tăng vốn để trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu (15%): 361.714.011 cổ phiếu

Vốn điều lệ của MB tính đến thời điểm 31.12.2020 đã đạt:

27.987.568.720.000 ĐỒNG

tương đương **2.798.756.872** cổ phiếu, trong đó:

- Cổ phiếu đang lưu hành: **2.773.140.752** cổ phiếu
 - Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ MB, Các cam kết của người sở hữu: **859.817.451** cổ phiếu
 - Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: **1.913.323.301** cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: **25.616.120** cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

- Bán cổ phiếu Quỹ cho các nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc thực hiện giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 22.01.2020, chi tiết như sau:

Số lượng cổ phiếu quỹ đầu năm

47.052.980 CỔ PHIẾU

Chuyển quyền sở hữu cho Nhà đầu tư Nước ngoài

21.436.860 CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu quỹ tại ngày 31.12.2020

25.616.120 CỔ PHIẾU

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)
Fiera Capital Emerging Markets Fund	5.125.000
Franklin Templeton Investment Funds-Templeton Frontier Markets Fund	1.335.731
KIM Vietnam Growth Equity Fund	7.998.171
TMAM Vietnam Equity Mother Fund	3.620.045
Vietnam Growth Stock Income Mother Fund	1.237.115
Swiftcurrent Offshore Master, LTD	556.702
Swiftcurrent Partners, L.P	680.413
KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	883.683

- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông MB số 18/NQ-MB-Đại hội đồng cổ đông ngày 24/06/2020 về việc thông qua phương án chia cổ phiếu quỹ, MB đang triển khai các thủ tục với Cơ quan Nhà nước và dự kiến sẽ hoàn thành phân phối toàn bộ cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu trong Quý 1 năm 2021.

02

Cơ cấu cổ đông

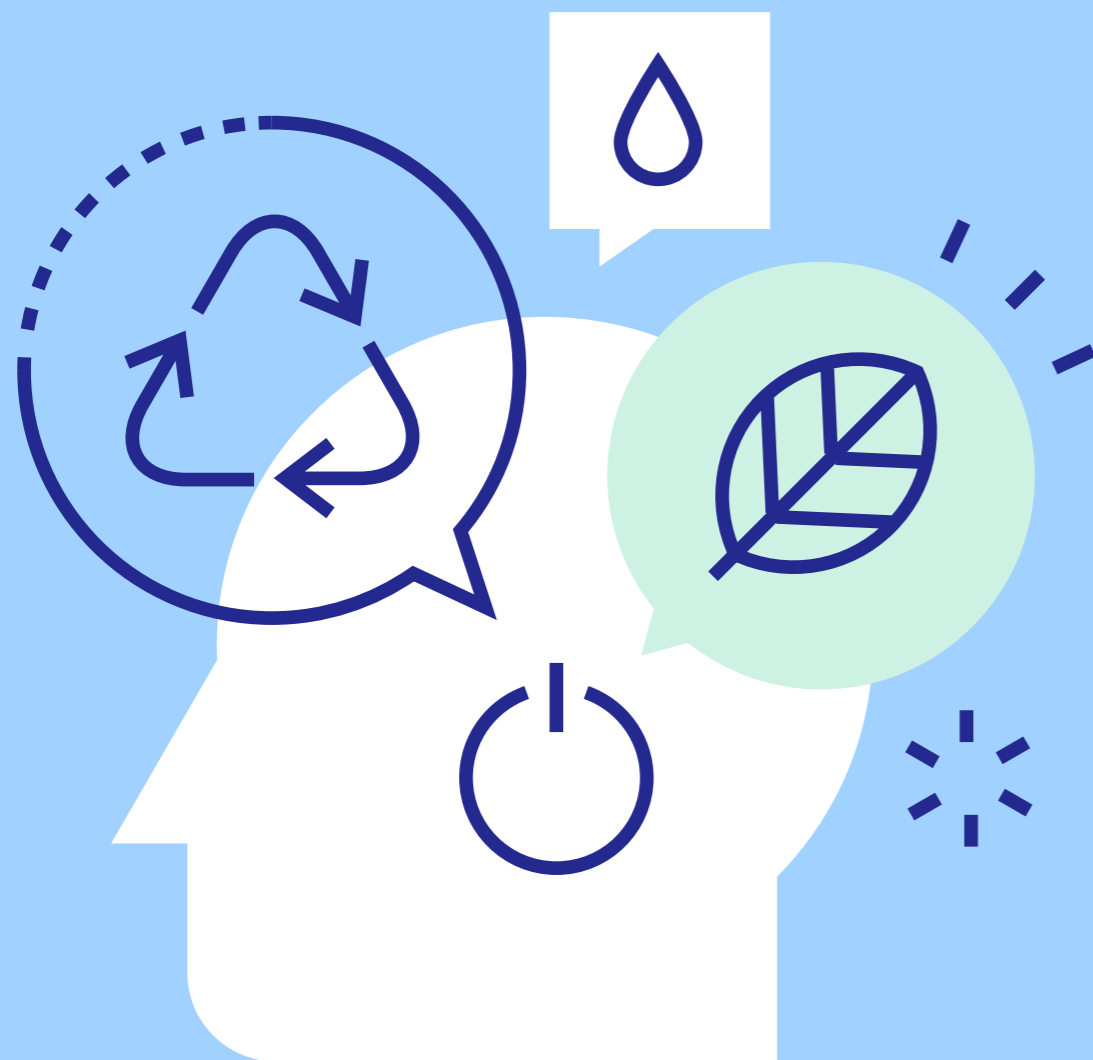
STT	Đối tượng	Thời điểm đến 31.12.2020		
		Số cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phiếu)	Tỉ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông là tổ chức	395	2.220.188.204	79,33
1	Cổ đông trong nước trong đó:	248	1.582.136.475	56,53
1.1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	4	1.091.307.146	38,99
1.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	244	490.829.329	17,54
2	Cổ đông nước ngoài trong đó:	147	638.051.729	22,80
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	0	0	0
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	147	638.051.729	22,80
II	Cổ đông là cá nhân	59.222	552.952.548	19,76
1	Cổ đông trong nước trong đó:	59.057	549.874.336	19,65
1.1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	0	0	0
1.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	59.057	549.874.336	19,65
2.	Cổ đông nước ngoài trong đó:	165	3.078.212	0,11
2.1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	0	0	0
2.2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	165	3.078.212	0,11
III	Cổ phiếu quỹ	1	25.616.120	0,91
	Tổng cộng	59.618	2.798.756.872	100

03

Cổng thông tin giao tiếp với cổ đông

Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: www.mbbank.com.vn hoặc liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng Hội đồng quản trị (Địa chỉ liên hệ: Tầng 25 - Tòa nhà MB số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 024.62661088 - Máy lẻ: 3687, 3688).

Môi trường, xã hội & chính sách phát triển bền vững



01

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Với tinh thần Thượng tôn Pháp luật, MB luôn nỗ lực tuân thủ các quy định của Pháp luật, bao gồm pháp luật về Bảo vệ môi trường. MB khuyến khích các Cán bộ nhân viên thực hiện nội dung thông qua việc tham gia tích cực các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường với các cộng đồng mà đơn vị đặt trụ sở như: thu gom rác thải nơi công cộng/ công viên/ bãi biển, phong trào ngày thứ sáu xanh, phong trào 5S (sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ nơi làm việc theo tinh thần 5S Kanzei), phong trào sử dụng tiết kiệm văn phòng phẩm.... Bên cạnh đó, mỗi cán bộ nhân viên MB đều là một tuyên truyền viên tích cực, lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường tại cộng đồng và nơi làm việc.
- Các chủ trương, định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường luôn được MB chú trọng và tích cực triển khai, đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về luật pháp và các quy định bảo vệ môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động



Chính sách liên quan đến người lao động

Với MB, cán bộ nhân viên là tài sản vô giá, quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển toàn diện, hiệu quả trong suốt 26 năm qua của MB. Do đó, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành luôn chú trọng và đặc biệt quan tâm đến chế độ đãi ngộ hàng năm dành cho Người lao động.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên MB năm 2020 (28,93 triệu đồng) được đảm bảo và cải thiện tốt, gắn liền với quản trị thành tích, năng suất lao động cá nhân. Thu nhập bình quân tăng tối thiểu 10% với nhóm nhân sự đạt kết quả từ tốt trở lên. Thu nhập cán bộ nhân viên MB thuộc Top đầu ngân hàng có thu nhập cạnh tranh trên thị trường.

MB xây dựng áp dụng chế độ lương, thưởng, phúc lợi nhiều ưu việt và cạnh tranh so với thị trường để thu hút, giữ chân nhân sự tốt, xuất sắc. Ngoài các hình thức đãi ngộ phúc lợi đã được áp dụng hiệu quả từ các năm trước, năm 2020 MB tiếp tục triển khai thêm các hình thức đãi ngộ vượt trội, hấp dẫn và có lựa chọn tính phù hợp theo từng nhóm chức danh, thâm niên công tác nhằm gia tăng mức độ gắn kết như chế độ hưu trí, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn/ mắc bệnh hiểm nghèo, các chương trình tri ân đối với các Cán bộ nhân viên có thâm niên lâu năm gắn bó với nhiều quà tặng ý nghĩa, khuyến khích cán bộ nhân viên có đóng góp nổi trội đối với thành tích đáng tự hào của MB.

MB luôn tuân thủ thực hiện các chế độ theo quy định về BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ - BNN. Bên cạnh đó, MB còn có chế độ bảo hiểm sức khỏe & tai nạn nhóm, bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe định kỳ (ngoài 16 danh mục khám sức khỏe quy định của Bộ Y tế, MB đã mở rộng thêm 19 danh mục tầm soát và chuyên sâu nhằm giúp cán bộ nhân viên phát hiện sớm các triệu chứng/ bệnh lý, tư vấn chữa trị kịp thời đảm bảo sức khỏe cho cán bộ nhân viên yên tâm công tác) cũng như tổ chức các chương trình giao lưu gắn kết, các hoạt động thể thao văn hóa nhằm chăm lo tốt đời sống tinh thần và vật chất của cán bộ nhân viên.

Chính sách đào tạo, phát triển nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên

Với việc coi cán bộ nhân viên là tài sản vô giá, công tác Đào tạo và phát triển nguồn lực tại MB luôn được chú trọng: số giờ đào tạo bình quân/ cán bộ nhân viên là 30 giờ/ cán bộ nhân viên/ năm, cơ cấu đào tạo trực tuyến – trực tiếp năm 2020 là 90% - 10% phù hợp với định hướng chuyển dịch số và ứng phó kịp thời với dịch bệnh Covid-19.

Để thực hiện thành công chuyển đổi số, MB xác định người MB cần được trang bị tư duy số, văn hóa số và hành động số. Năng lực nền tảng để có được những giá trị này là năng lực học tập linh hoạt của tất cả người MB, vì vậy xây dựng MB trở thành một tổ chức học tập là nhiệm vụ trọng tâm. Để làm được điều đó, hoạt động Learning & Development tại MB trong năm 2020 đã tập trung xây dựng:

- 1. Môi trường học tập:** đầu tư cơ sở vật chất (khánh thành trụ sở tại Phía Nam, thi công công trình Trung tâm Học tập và Sáng tạo – Khu vực Hà Nội), công nghệ cho đào tạo (nền tảng công nghệ mới, lớp học ảo, công cụ xây dựng bài giảng trực quan sinh động), đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ quản lý xuất sắc đến từ các đơn vị, cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo, ...
- 2. Năng lực học tập:** xây dựng cho người MB nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập, có kỹ năng để học tập hiệu quả (phương pháp học tập phù hợp, nội dung học tập thực tiễn, hấp dẫn).
- 3. Cơ hội học tập:** học tập theo khung chương trình phát triển năng lực tại mỗi vị trí chức danh và học tập chủ động cho nhu cầu phát triển cá nhân.

Với phương châm "Học tập để dẫn đầu", hoạt động đào tạo và phát triển đã không ngừng được cải tiến và đổi mới để đáp ứng kỳ vọng của Ban Lãnh đạo, trong bối cảnh chuyển đổi số trên thế giới nói chung và chiến lược chuyển đổi số tại MB nói riêng.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương

70,498

TỶ ĐỒNG

Cho chương trình
phát triển cộng đồng



6,35

TỶ ĐỒNG

Khắc phục
hậu quả bão lũ

19,5

TỶ ĐỒNG

Cho công tác phòng
chống dịch bệnh Covid-19



2,347

TỶ ĐỒNG

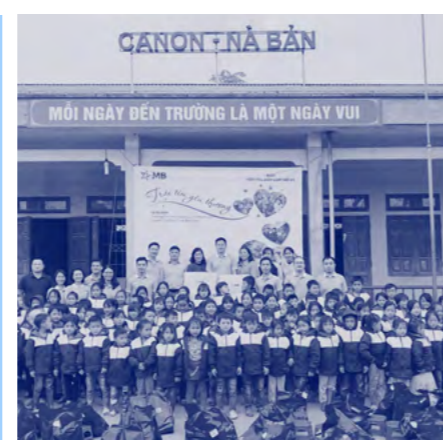
Cho lĩnh vực
giáo dục



7,9

TỶ ĐỒNG

Các hoạt động vì
người nghèo



8,927

TỶ ĐỒNG

Cho công tác
đền ơn đáp nghĩa



Hoạt động của MB năm 2020 tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng đánh giá cao.

Vinh dự được mang tên Quân đội nhân dân anh hùng, MB luôn thể hiện trách nhiệm cao với cộng đồng và địa phương thông qua các chương trình hoạt động vì cộng đồng.

Năm 2020, MB đã dành 70,498 tỷ đồng cho chương trình phát triển cộng đồng theo các lĩnh vực ưu tiên như: Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid-19, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nông thôn mới, đầu tư cho giáo dục, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai. Trong đó:

MB hỗ trợ 19,5 tỷ đồng cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, trong đó: Hỗ trợ trang bị vật tư cho Bộ Y tế 10,5 tỷ đồng; Thành phố Đà Nẵng 5 tỷ đồng; Tỉnh Quảng Nam 3 tỷ đồng; Tỉnh Quảng Trị 1 tỷ đồng.

MB đã tài trợ 2,347 tỷ đồng cho lĩnh vực giáo dục, trong đó đầu tư xây dựng phòng học thông minh Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh 1,547 tỷ đồng; Tài trợ Vòng Chung kết Festival Trạng Nguyên Tiếng Anh toàn quốc năm 2020 do Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng tổ chức 800 triệu đồng.

Công tác đền ơn đáp nghĩa được MB tiến hành đều đặn, thường xuyên. Các hoạt động Đền ơn đáp nghĩa như: Tặng nhà tình nghĩa, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ, tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ; thăm và tặng quà Trung tâm điều dưỡng thương binh, đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa Bộ Quốc phòng. Năm 2020 kinh phí dành 8,927 tỷ đồng cho công tác đền ơn đáp nghĩa. Một số chương trình tiêu biểu như: Hỗ trợ xây dựng 65 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí là 4,55 tỷ đồng; Tu bổ, nâng cấp nghĩa trang Liệt sĩ xã Giao Yên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định 2 tỷ đồng; Đóng góp Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Bộ Quốc phòng 1,382 tỷ đồng.

Hưởng ứng chương trình "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bỏ lại phía sau" do Thủ tướng phát động MB đã tích cực hưởng ứng dưới các hình thức như: Xây dựng nhà ở, tặng quà cho người nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo. Số tiền dành cho hoạt động này của MB năm 2020 là 7,9 tỷ đồng. Các chương trình tiêu biểu như: Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 3 tỷ đồng; Ủng hộ Quỹ Nông dân nghèo tỉnh Phú thọ 4,5 tỷ đồng.

MB luôn phát huy tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc nhất là hỗ trợ đồng bào khi gặp thiên tai. Năm 2020 MB đã ủng hộ đồng bào các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế khắc phục hậu quả bão lũ với tổng số tiền hỗ trợ là 6,35 tỷ đồng.

Năm 2020 MB đã thể hiện trách nhiệm cao với cộng đồng, được Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, các tổ chức ghi nhận và đánh giá cao. Hình ảnh, uy tín của MB ngày càng lan tỏa và được nâng cao.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương (tiếp theo)

Một số hình ảnh MB Group trong các hoạt động từ thiện cộng đồng tại địa phương:



Quản trị rủi ro

I. Tổng quan về quản trị rủi ro



Quản trị rủi ro thông minh, vượt trội luôn là nền tảng trọng yếu ở các giai đoạn chiến lược của MB và cũng là chuyển dịch đặc biệt quan trọng trong nhóm 4 chuyển dịch chiến lược của MB giai đoạn 2017-2021.

Năm 2020 là năm ghi dấu ấn đặc biệt khi MB đã hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel 2 về hệ thống quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, tuân thủ theo Thông tư 41, Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. MB đã tính toán lượng vốn cần đáp ứng cho toàn bộ các rủi ro trọng yếu (Bao gồm rủi ro được đánh giá tại trụ cột 1 - Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và trụ cột 2 - Rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng) trong kịch bản kinh doanh thông thường và kịch bản kiểm tra sức chịu đựng (stress test) để đánh giá mức vốn cần dự phòng nhằm đáp ứng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn 03 năm tiếp theo và xác định cụ thể mức đệm vốn/ các giải pháp cụ thể để đảm bảo cho ngân hàng hoạt động an toàn hiệu quả trước những rủi ro và diễn biến bất lợi của thị trường.

Với việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro vững chắc bám sát mục tiêu đồng hành cùng hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro tại MB đã và đang tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống, nguồn nhân lực, tập trung triển khai xây dựng công cụ, mô hình đo lường rủi ro, cải thiện chất lượng dữ liệu, tối ưu hóa quy trình, đặc biệt ứng dụng mạnh mẽ kết quả mô hình xếp hạng tín dụng (A Score/B Score), phân tích hành vi của khách hàng vào quá trình thẩm định, phê duyệt, bán chéo, bán thêm, cấp tín dụng chủ động cho phân khúc Khách hàng cá nhân và SME siêu nhỏ (Bán lẻ) giúp rút ngắn thời gian cung cấp dịch vụ, đơn giản quy trình thủ tục, tăng trải nghiệm, khai thác sâu nhu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng tín dụng, góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu bán lẻ cho MB (Năm 2020 dư nợ bán lẻ chiếm hơn 50% tổng dư nợ cho vay và là động lực tăng trưởng chính của MB).

Năm 2021, ngoài mục tiêu củng cố chất lượng lợi nhuận cho ngân hàng; đảm bảo ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả; quản trị rủi ro tiếp tục tiên phong ứng dụng các chuẩn mực thông lệ, mô hình, công cụ tiên tiến vừa đảm bảo tối ưu hóa tài sản của MB vừa đồng hành, thúc đẩy và bảo vệ các giá trị và thành quả kinh doanh, tạo lợi thế khác biệt của MB trên thị trường.

Về mô hình tổ chức

Vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba tuyến bảo vệ theo các nội dung quy định tại Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ của Ủy ban Basel, được MB ứng dụng toàn diện, hiệu quả trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ được chuẩn hóa, đảm bảo vai trò độc lập, một cá nhân/đơn vị không đồng thời tham gia vào chức năng "điều hành" và chức năng "quản trị";

MB tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý thông qua việc ứng dụng mô hình 3 tuyến bảo vệ đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tăng ý thức trách nhiệm của toàn Ngân hàng trong việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và kiểm soát rủi ro. Trong đó, các khâu tiềm ẩn rủi ro xung đột lợi ích (bán hàng, thẩm định, phê duyệt và hỗ trợ tín dụng) được thực hiện bởi các đơn vị độc lập nhau, đảm bảo khách quan, minh bạch. Đồng thời, để kiểm soát tốt rủi ro, hạn chế phát sinh lỗi do sai sót/cố ý vi phạm, MB đã ứng dụng các hệ thống công nghệ tiên tiến, tổ chức tập trung tại Hội sở các chức năng: thẩm định, phê duyệt, hỗ trợ tín dụng; kế toán – tài chính, nhân sự, công nghệ thông tin. Theo đó, các chi nhánh, đơn vị kinh doanh của MB được giải phóng nguồn lực tối đa để phát triển kinh doanh, nhưng vẫn đảm bảo rủi ro được kiểm soát khi quy mô kinh doanh và khối lượng khách hàng ngày càng lớn.

Về khung quản trị rủi ro

Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro tập trung, rủi ro gian lận...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO. Chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB. Các nguyên tắc, cơ chế quản lý và thiết lập các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh quản lý các rủi ro truyền thống, MB đã nhanh chóng tổ chức quản trị rủi ro công nghệ thông tin & ngân hàng số trong bối cảnh kỷ nguyên công nghệ, đảm bảo quản trị rủi ro đồng hành và có khả năng quản trị sát sao với những chuyển dịch mới của Ngân hàng. MB là một trong những ngân hàng tiên phong ứng dụng các công nghệ mới để phục vụ kinh doanh và kiểm soát rủi ro như: eKYC, RPA, API và Microservices, OCR, Autotest... Đồng thời, MB đã áp dụng các biện pháp tổng thể an ninh thông tin, quản lý rủi ro công nghệ thông tin từ con người, chính sách quy định, tiêu chuẩn, quy trình đến trang bị các giải pháp an ninh thông tin. Hiện nay MB đã và đang áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất để quản trị loại rủi ro này như: như tiêu chuẩn COBIT, ITIL, tiêu chuẩn ISO 27001, ...MB cũng triển khai hợp tác với đối tác chiến lược IBM để thực hiện dự án chuyển đổi toàn diện công nghệ thông tin, nhằm nâng cao năng lực phục vụ, đảm bảo hoạt động ổn định, chính xác, an toàn hệ thống và hiệu quả về nguồn lực đầu tư.

Bên cạnh đó, MB đã từng bước triển khai khung quản trị rủi ro gian lận, thực hiện phân tích dữ liệu phát hiện gian lận nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm gian lận (nếu có) và giảm thiểu những tổn thất tài chính cũng như những tác động tiêu cực đến uy tín, hình ảnh của ngân hàng và bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

Song song với việc kiện toàn khung quản trị rủi ro tại ngân hàng, MB cũng đã cơ bản hoàn tất việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro tại các công ty thành viên. Sự kết nối chặt chẽ giữa quản trị rủi ro của ngân hàng với quản trị rủi ro của các công ty thành viên đảm bảo chiến lược, chính sách về rủi ro được triển khai xuyên suốt, phù hợp và thống nhất trong toàn tập đoàn.

Về mô hình công cụ đo lường rủi ro

Tại MB, quản trị rủi ro luôn đồng hành và ứng dụng mạnh mẽ các mô hình, công cụ đo lường rủi ro để kết nối giữa nhu cầu kinh doanh và quản trị, đảm bảo phục vụ đa dạng các nhu cầu của ngân hàng, đặc biệt các hoạt động kinh doanh trọng tâm (ngân hàng số, chuyển dịch bán lẻ).

MB đã thiết lập mô hình xếp hạng tín dụng đối với tất cả các phân khúc khách hàng (A Score/ B Score cho khách hàng cá nhân, Scoring cho doanh nghiệp siêu nhỏ và Rating cho khách hàng nhỏ và vừa, khách hàng lớn và định chế tài chính) dựa trên dữ liệu thống kê, dữ liệu hành vi với độ tin cậy cao và ứng dụng mô hình trong hoạt động cấp tín dụng, quản lý, giám sát, và cảnh báo sớm rủi ro của khách hàng. Các kết quả của mô hình xếp hạng là cơ sở quan trọng để MB điều chỉnh quy trình, thủ tục cho vay đối với các phân khúc khách hàng, đặc biệt là Khách hàng cá nhân, SME siêu nhỏ, cho phép MB đẩy mạnh phát triển dịch vụ trên kênh số (APP MBBank và BIZ MBBank), chủ động tiếp cận mọi đối tượng Khách hàng cá nhân /SME siêu nhỏ, bán chéo/ bán thêm vừa đáp ứng nhu cầu khách hàng với thời gian ngắn, chất lượng tín dụng vừa đảm bảo giữ chân vừa khai thác sâu các khách hàng có hành vi tốt.

Bên cạnh đó, mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp nâng cao (IRB) cho phân khúc Khách hàng doanh nghiệp và Khách hàng cá nhân, bao gồm: mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), Ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD) và Ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) được hoàn thiện từng bước chuẩn hóa đo lường tổn thất ước tính của khách hàng (EL – Expected Loss) chính xác, tính toán vốn dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ đối với rủi ro tín dụng, đồng thời giúp MB thiết lập được các chính sách giá đối với khách hàng dựa trên rủi ro hiệu quả.

Trong năm 2020, với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các giải pháp công nghệ, phương pháp luận tiên tiến, MB đã triển khai đồng bộ 02 dự án trọng điểm là Dự án Đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP) và Dự án Phòng chống tội phạm tài chính (FCRM), từng bước làm chủ quá trình chuyển đổi số, hướng đến phát triển bền vững, kiểm soát tốt rủi ro song song với tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Đối với dự án ICAAP, MB đã hoàn thành khung đánh giá mức độ đủ vốn đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước và đang tiếp tục triển khai ứng dụng kết quả của dự án, thiết lập hệ thống phần mềm ứng dụng vào quá trình phân bổ vốn nhằm tối ưu hóa danh mục tài sản, tối đa hóa lợi nhuận sau rủi ro, thiết lập cơ sở xác định giá dựa trên rủi ro để bù đắp các rủi ro trọng yếu có liên quan đảm bảo ra quyết định kinh doanh hiệu quả; Đồng thời thiết lập heatmap rủi ro tích hợp để đánh giá tổng thể bức tranh rủi ro toàn hàng và phân bổ nguồn lực kiểm soát hiệu quả, phù hợp mức độ tác động của từng loại rủi ro. Đối với dự án FCRM, MB là một trong số ít các Ngân hàng tại Việt Nam tiên phong triển khai Dự án Phòng chống tội phạm tài chính một cách đồng bộ và toàn diện, kết hợp đồng thời giữa tư vấn phương pháp luận và phát triển phần mềm để thiết lập, hoàn thiện khung quản trị rủi ro vững chắc, đảm bảo quản trị hiệu quả được 02 nhóm tội phạm tài chính điển hình là Gian lận và Rửa tiền. Việc triển khai dự án FCRM đóng vai trò đặc biệt quan trọng với MB trong bối cảnh tình hình tội phạm tài chính ngày càng có xu hướng gia tăng, các cơ quan quản lý trong nước và quốc tế đã/ đang đưa ra các yêu cầu ngày càng khắt khe, buộc các Tổ chức tín dụng phải tuân thủ nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống tài chính và giao dịch của khách hàng.

Các mảng rủi ro trọng yếu khác cũng được MB xây dựng thiết lập các mô hình quản lý, đo lường rủi ro chặt chẽ: Mô hình dự báo dòng tiền vào/ dòng tiền ra trong quản trị rủi ro thanh khoản đảm bảo nâng cao hiệu quả trong cân đối, sử dụng vốn và hỗ trợ giám sát chủ động các chỉ số thanh khoản hàng ngày theo quy định; Mô hình VaR kiểm soát và đo lường rủi ro thị trường... Để triển khai thiết lập các mô hình và ra quyết định dựa trên dữ liệu hiệu quả, MB cũng triển khai nhiều sáng kiến, dự án để chuẩn hóa dữ liệu (DWH, ODS, Data Government...), đầu tư các hệ thống phần mềm từ các đối tác uy tín, tiên tiến để phục vụ các hoạt động kinh doanh của ngân hàng: thanh toán, cấp tín dụng, hoạt động nguồn vốn, kinh doanh tiền tệ... trên nhiều kênh giao dịch, quản trị rủi ro dựa trên thông lệ tiên tiến.



Về văn hóa quản trị rủi ro

MB luôn đề cao và kiên định xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/ quy trình nội bộ.

Trước xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và chuyển dịch ngân hàng số nói riêng tại MB, hoạt động quản trị rủi ro của MB đang ngày càng được củng cố vững chắc và chuyển dịch để đảm bảo quản trị hiệu quả những rủi ro phát sinh từ mô hình kinh doanh mới. MB đã từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu, hành vi khách hàng, mô hình đo lường rủi ro để ra quyết định kinh doanh từ quản trị đến điều hành. Thông tin cảnh báo sớm, các dấu hiệu rủi ro, các giới hạn rủi ro được cung cấp chính xác, kịp thời đến các đơn vị sở hữu rủi ro (tuyến bảo vệ thứ nhất) thông qua hệ thống công cụ, phần mềm góp phần nâng cao nhận thức của đơn vị kinh doanh trong công tác quản trị rủi ro và bảo vệ các thành quả kinh doanh hiệu quả.

Với những nỗ lực trong thời gian qua, sự bài bản trong triển khai và sự ủng hộ cao của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Ngân hàng, sự quyết tâm đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên..., quản trị rủi ro tại MB chắc chắn sẽ có những bước tiến mới, thay đổi mạnh mẽ về chất và thể hiện tốt vai trò là một trong hai nền tảng vững chắc giúp MB khẳng định vị thế trên thị trường và là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, "năng động trong kinh doanh và chắc chắn trong công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro".

II. Hoạt động thị trường vốn xanh

Đồng hành và triển khai "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020" theo Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 06/08/2015 của Ngân hàng Nhà nước, MB đã xây dựng định hướng phát triển ngân hàng xanh, tín dụng xanh trên cơ sở triển khai các quy định liên quan đến ngân hàng – tài chính – tín dụng xanh, đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định, chính sách về bảo vệ môi trường. Ưu tiên dành nguồn lực cấp tín dụng cho các lĩnh vực xanh như nông nghiệp xanh, lâm nghiệp bền vững, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn và các lĩnh vực xanh khác. Bên cạnh đó, MB hoàn thiện cơ chế chính sách nội bộ hướng tới mục tiêu về ngân hàng xanh, tín dụng xanh bao gồm rà soát/ cập nhật các nội dung của chính sách về quản lý môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng để phù hợp với mô hình hoạt động của MB, xây dựng định hướng cấp tín dụng hàng năm trong đó thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh; thực hiện cấp tín dụng đối với khách hàng kết hợp quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong quá trình xem xét, thẩm định phương án nhằm hạn chế việc tài trợ cho các ngành/ lĩnh vực có rủi ro cao về môi trường và xã hội.

Trong năm 2020, MB vinh dự được nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu về tín dụng xanh"

Giải thưởng nằm trong khuôn khổ chương trình giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu 2020" (Vietnam Outstanding Banking Awards 2020) do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tổ chức nhằm tìm kiếm và tôn vinh các ngân hàng đã có những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam. MB đã đáp ứng đầy đủ, xuất sắc các tiêu chí cốt lõi của giải thưởng tín dụng xanh như: xây dựng tốt các sản phẩm xanh vào danh mục các sản phẩm cho vay hiện có của ngân hàng; xây dựng các điều kiện ưu đãi về lãi suất, về tài sản thế chấp... đối với các khoản cho vay dự án xanh; triển khai hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng xanh; áp dụng tiêu chuẩn môi trường khi duyệt vốn vay hay cấp tín dụng cho các hồ sơ vay vốn có mục tiêu tăng trưởng xanh, thân thiện với môi trường và xã hội.





Báo cáo của Ban Điều hành

Kết quả kinh doanh 2020 86

Định hướng kinh doanh năm 2021 92

Kết quả kinh doanh năm 2020

Trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng bởi dịch Covid-19, kinh tế Việt Nam trở thành điểm sáng khi từng bước phục hồi hoạt động trong điều kiện bình thường mới, hoàn thành mục tiêu kép tăng trưởng kinh tế và kiểm soát dịch bệnh.

GDP năm 2020 tăng 2,91%, mức tăng thấp nhất giai đoạn 2011 – 2020, nhưng thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới, CPI ~ 3,23%. Vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP.

Tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm (2019 ~ 12,1%), huy động vốn tăng 12,87% (2019 ~ 12,48%), tăng trưởng tín dụng đạt 10,14% (2019 ~ 12,14%). Trong năm 2020 Ngân hàng Nhà nước 3 lần cắt giảm lãi suất điều hành, tỷ giá duy trì ổn định.

MB đã triển khai kế hoạch năm 2020 tiếp tục bám sát mục tiêu:

“Duy trì Top 5 các Ngân hàng Thương Mại về chất lượng hoạt động và hiệu quả, dẫn đầu về ứng dụng số”

với phương châm điều hành:

“Củng cố nền tảng, chuyển dịch số, tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững”

và chủ động thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt hỗ trợ các doanh nghiệp trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh.

Kết quả năm 2020 đạt được như sau:



01

Kết quả kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	KH 2020	KQ 2020	So với 2019	So với KH 2020
1	Tổng tài sản	Tăng ~ 8%	494.982	120,3%	Vượt Kế hoạch
2	Vốn điều lệ	Tăng ~ 18%	27.988	118,0%	Hoàn thành KH
3	Huy động vốn (gồm chứng chỉ tiền gửi)	Tăng trưởng phù hợp nhu cầu sử dụng vốn	355.751	121,7%	Vượt Kế hoạch
4	Tín dụng	Tăng ~ 12%	325.713	122,9%	Vượt Kế hoạch
5	Tỷ lệ nợ xấu	Tối đa 1,9%	1,09%	2019 ~ 1,2%	Vượt Kế hoạch
6	Lợi nhuận trước thuế	Giảm ~ 10%	10.688	106,5%	Vượt Kế hoạch
	Lợi nhuận trước thuế (riêng MB)		9.698	104,4%	Vượt Kế hoạch



Trong bối cảnh nền kinh tế chịu tổn thương do đại dịch Covid-19, MB đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt hỗ trợ các doanh nghiệp, thích ứng với trọng tâm chuyển đổi số hóa, tiết giảm chi phí, đảm bảo tăng trưởng kinh doanh an toàn, ổn định. MB đã dành 10% doanh thu với khoảng 2.000 tỷ đồng để hỗ trợ các doanh nghiệp do ảnh hưởng Covid-19 thông qua việc giảm lãi suất, phí... và đảm bảo hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu do Đại hội cổ đông giao: Tổng tài sản tăng 20,3% so với 2019, vượt 11% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 10.688 tỷ đồng, tăng 6,5% so với 2019, vượt 18,9% kế hoạch năm, Lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt 9.698 tỷ đồng, tăng 4,4% so với 2019. Các chỉ tiêu hiệu quả như ROE đạt ~ 19,13%, thuộc nhóm ngân hàng có hiệu quả cao trong hệ thống.

Chất lượng tín dụng tốt, tỷ lệ nợ xấu tập đoàn 1,09%, nợ xấu ngân hàng ~ 0,92%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu Quỹ DP tín dụng/ Nợ xấu (riêng ngân hàng) đạt ~ 158,9%, cao nhất thị trường.

Tuân thủ cao các giới hạn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước như LDR 72,27%, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn 31,6% (quy định của Ngân hàng Nhà nước ≤ 40%), CAR 10,42% (quy định Ngân hàng Nhà nước ≥ 8%). MB duy trì Top đầu về chỉ tiêu hiệu quả ROE, ROA, đứng thứ 5 về quy mô tài sản và quy mô tín dụng, đứng thứ 5 về lợi nhuận trước thuế trong hệ thống các ngân hàng thương mại (tăng 1 bậc so với 2019), hệ số tín nhiệm B+ theo xếp hạng quốc tế của Fitch.

Các Công ty tích cực triển khai nhiều giải pháp kinh doanh, duy trì vị thế trên thị trường: MB Group duy trì vị trí TOP 1 thị trường về triển khai Bancassurance; Công ty chứng khoán MBS đạt TOP 3 doanh thu dịch vụ ngân hàng đầu tư; Công ty bảo hiểm Quân Đội MIC đạt TOP 6 thị phần bảo hiểm phi nhân thọ; Công ty quản lý quỹ đầu tư MB Capital thuộc TOP dẫn đầu về hiệu quả hoạt động của các quỹ đầu tư chứng khoán trên thị trường và TOP 5 về lợi nhuận trước thuế; Công ty tài chính MCredit đạt TOP 4 thị trường tài chính tiêu dùng. Tổng lợi nhuận các công ty đạt ~ 1.418,8 tỷ đồng, tăng 19% so với 2019.

Hoạt động Công ty Thành viên

Công tác quản lý điều hành

Hoạt động kinh doanh

Sáng tạo đổi mới trong triển khai các mô hình kinh doanh, cấu trúc tài sản nợ - có phù hợp, duy trì mức độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động tập đoàn 11% so với 2019 trong điều kiện kinh doanh không thuận lợi. Tín dụng đạt 325.713 tỷ đồng, tăng ~ 23% so với 2019. Chuyển dịch mạnh bán lẻ, tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng cá nhân là 29,2%, tỷ trọng chiếm 43,9% (2019 ~40,5%).



Tổng thu nhập hoạt động tập đoàn

27.362 TỶ ĐỒNG

▲ 11% so với 2019

Tín dụng đạt

325.713 TỶ ĐỒNG

▲ 23% so với 2019

Tổng huy động vốn không kỳ hạn thời điểm đạt

127.313 TỶ ĐỒNG

▲ 22% so với 2019

MB là ngân hàng tiên phong trong chuyển đổi số, phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trên 3 nền tảng số phù hợp với nhu cầu giao dịch thuận tiện tăng trưởng đột phá về khách hàng. Năm 2020, MB đã thu hút mới gần 2 triệu người dùng tăng thêm và 90 triệu giao dịch điện tử gấp 3 lần so với 2019, đạt gần 85% giao dịch trên kênh số. Hoàn thành phát triển nâng cấp 41 tính năng cho APP MBBank và 32 tính năng cho BIZ MBBank, đặc biệt triển khai thành công eKYC định danh khách hàng bằng video qua gương mặt và giọng nói trên APP MBBank.

Áp dụng nhiều giải pháp tiết giảm chi phí huy động vốn đầu vào để, thông qua phát triển các tính năng dịch vụ tài khoản trên APP MBBank tạo tăng trưởng huy động vốn không kỳ hạn tốt. Tổng huy động vốn không kỳ hạn thời điểm đạt 127.313 tỷ đồng, tăng 22% so với 2019, chiếm trên 41% tổng tiền gửi của khách hàng.

Tiếp tục triển khai dự án chuyển đổi mô hình kinh doanh tại sàn, chú trọng trải nghiệm khách hàng tại sàn, tăng chất lượng dịch vụ. Hoàn thành xây dựng SmartBank theo tư vấn Prophet và đưa vào sử dụng 6 SmartBank, đầu tư thêm 100 máy nộp rút tiền (CRM), 50 máy ATM, nâng tổng số thiết bị lên 950 máy, tạo thêm nhiều kênh phục vụ cho khách hàng.

Triển khai mạnh các chương trình thúc đẩy kinh doanh Phía Nam.

Đầu tư cho hoạt động Marketing, đặc biệt Marketing Số.

Công tác quản lý điều hành

Hoạt động quản lý

Thành lập văn phòng chuyển đổi số, triển khai 5 sáng kiến chuyển đổi số: bán hàng thông minh và thấu hiểu khách hàng, vận hành thông minh, quản trị tài chính và dữ liệu thông minh, quản trị rủi ro thông minh, hạ tầng công nghệ thông tin linh hoạt.



Triển khai hơn

114 DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Đầu tư mạnh cho hệ thống công nghệ thông tin, ưu tiên nhân sự công nghệ thông tin và ngân hàng số, đội ngũ phát triển để làm chủ các công nghệ tiên tiến nhất hiện nay và phát triển sản phẩm với tốc độ rất cao. Trong năm triển khai hơn 114 dự án phát triển công nghệ, với 2.125 lượt golive mang lại lợi thế kinh doanh và quản trị cho ngân hàng. Hệ thống công nghệ đảm bảo an toàn và hiệu quả cao.

Ứng dụng số hóa trong các khâu quy trình tín dụng như thẩm định và phê duyệt tự động cho 02 sản phẩm ô tô và nhà đất, hoàn thành mô hình xếp hạng (scoring/rating) của các phân khúc Micro SME, Upper SME. Triển khai Robots (RPA) cho 19 quy trình, tối ưu 70% - 80% nguồn lực cho một số nhóm việc thủ công của khối vận hành, tài chính kế toán và công nghệ thông tin.

Chú trọng nâng cao năng lực nhân sự, quản trị và trả lương theo hiệu suất. Tiếp tục bổ sung nhiều hình thức đãi ngộ mới hấp dẫn nhằm gia tăng mức độ gắn kết cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Ứng dụng công nghệ và phương thức học tập mới trong thời đại số như Micro Learning, Edu - web, APP MB Smart Learning, ứng dụng lớp học ảo V-class...

Hoàn thành khai trương và đưa vào vận hành trụ sở mới MB tại 18 Lê Văn Lương. Giữ vững ổn định chính trị, duy trì và phát triển văn hóa MB. Tích cực triển khai hơn 56 chương trình an sinh xã hội, hoạt động từ thiện, chung tay chia sẻ cộng đồng với ~ 70,5 tỷ đồng.

Những nội dung cần tiếp tục hoàn thiện

- Chú trọng đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh mạnh trong những năm tới. Bổ sung đủ nguồn nhân lực có chất lượng về công nghệ thông tin, Ngân hàng số.
- Kết nối và đồng bộ hóa hoạt động của ngân hàng và các công ty để phát huy lợi thế hệ sinh thái tập đoàn, tăng cường bán chéo.
- Giá trị vốn hóa thị trường còn thấp so với tiềm năng và quy mô phát triển của MB.



Định hướng kinh doanh năm 2021

01

Tình hình chung

Dự báo GDP tăng trưởng

6.5%

tăng tốc từ quý 2

Tình hình dịch bệnh vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp ở nhiều nơi trên thế giới và Việt Nam

Kinh tế thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng 4% trong năm 2021. Nền kinh tế Việt Nam dự báo phục hồi mạnh mẽ, GDP tăng trưởng 6,5%, bắt đầu tăng tốc từ quý 2. Chỉ số CPI bình quân 4%. Một số ngành như Bất động sản cá nhân, FDI, tiêu dùng cá nhân, bán lẻ, xuất nhập khẩu, logistic có khả năng tăng trưởng tốt trong 2021.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, tín dụng tăng ~ 12%, tỷ giá duy trì ổn định, mặt bằng lãi suất có thể duy trì ở mức thấp. Các ngân hàng có thể phát sinh nợ xấu tiềm tàng, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng sẽ tăng lên khoảng 3,51%. Các quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong năm 2021.

02

Định hướng triển khai kế hoạch năm 2021



Mục tiêu "TOP 5, phấn đấu TOP 3 các Ngân hàng Thương Mại về chất lượng và hiệu quả, dẫn đầu về số hóa". Tiếp tục tầm nhìn "MB là ngân hàng thuận tiện nhất", phấn đấu "Số 1 về ngân hàng số, nằm trong Top 3 ngân hàng bán lẻ tại thị trường Việt Nam".

Phương châm điều hành "**Tăng tốc số, đột phá bán lẻ, an toàn – hiệu quả**", đảm bảo mục tiêu tăng trưởng tín dụng tăng theo giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1.5%, tăng huy động vốn cân đối chi phí vốn phù hợp, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tối thiểu 10% và tuân thủ các giới hạn theo quy định.

03

Một số giải pháp trọng tâm năm 2021



Xây dựng chiến lược, tập trung chuyển đổi số

Xây dựng chiến lược kinh doanh mới, kế thừa mạnh mẽ các nền tảng kinh doanh; công nghệ; văn hoá doanh nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội trên nền tảng số. Xây dựng mô hình tập đoàn tài chính ngân hàng năng động và bền vững.

Chuyển đổi số hóa toàn diện hoạt động ngân hàng từ kinh doanh, vận hành, quản trị rủi ro, nhân lực. Xây dựng văn hóa nhấn mạnh đến văn hóa đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, không ngừng đột phá về hiệu quả và năng suất lao động.

Tiếp tục đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin. Ưu tiên nhân sự công nghệ thông tin và ngân hàng số. Tập trung chuyển dịch số và củng cố năng lực hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tập đoàn.

Thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng tại công ty và toàn tập đoàn. Nâng cao hiệu quả bán chéo giữa MB và Công ty thành viên. Tập trung các giải pháp về Công nghệ thông tin phục vụ bán chéo và các nền tảng công nghệ thông tin.



Kinh doanh

Tăng tốc thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng. Đặc biệt tăng mạnh kinh doanh ngân hàng số, tăng trưởng cao (3 – 4 lần) lượng khách hàng mới. Liên tục phát triển tính năng mới trên 2 nền tảng số APP MBBank và BIZ MBBank. Chuyển dịch bán lẻ toàn diện.

Triển khai quyết liệt các giải pháp tăng trưởng mạnh về doanh thu và kiểm soát chặt rủi ro. Tiếp tục hoàn thiện và triển khai các mô hình kinh doanh ngân hàng cộng đồng, IB, FDI, Private banking...

Thúc đẩy hiện diện và tăng trưởng mạnh tại khu vực phía Nam.



Quản lý hệ thống

Cải tiến các hệ thống BPM, CRM - Smart RM, hoàn thiện tính năng APP Chat tăng tương tác và bán hàng với khách hàng, tăng trải nghiệm cho khách hàng trên các kênh online.

Kiểm soát chặt rủi ro, tăng tính thông minh trong các hệ thống quản trị rủi ro (mô hình hóa xếp hạng tín dụng, xác suất vỡ nợ (PD), dự án phòng chống tội phạm tài chính (FCRM), dự án đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP))...

Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tốc độ xử lý hồ sơ hướng đến mục tiêu TOP 1 về tốc độ. Đổi mới phương pháp quản lý chất lượng đồng bộ đa kênh, đo lường trực tuyến và tăng tự động hóa.

Quản trị nhân sự hiệu quả, xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân sự, thu hút và giữ chân nhân sự có chất lượng tốt. Tinh gọn bộ máy nhân sự, tăng về chất lượng và hiệu quả.

Quy hoạch và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống mạng lưới đa kênh, đặc biệt kênh tự phục vụ SmartBank.

Củng cố giá trị văn hóa MB tạo sự gắn kết đội ngũ, tinh thần đoàn kết, kỷ luật, phát huy sức mạnh tập thể với bản sắc văn hóa riêng MB. Giữ vững ổn định chính trị.



Đánh giá của Hội đồng quản trị

Những kết quả đạt được trong năm 2020 96

Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai 102

Những kết quả đạt được trong năm 2020

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất MB và các công ty thành viên

10.688 TỶ ĐỒNG

▲ **6.5%** so với 2019

TOP 30

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500

▲ **7** bậc so với 2019

Năm 2020, GDP của Việt Nam tăng 2,91% là mức tăng thấp nhất trong các năm giai đoạn 2011 - 2020; tuy nhiên, trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi mặt của kinh tế - xã hội, đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Ngành ngân hàng đạt mức tăng trưởng tín dụng 12,13%, tăng trưởng huy động đạt 12,87%. Ngân hàng Nhà nước đã có 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất với tổng mức giảm 1,5% - 2%/năm đối với lãi suất điều hành, 0,6% - 1%/năm với trần lãi suất tiền gửi, và 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid - 19.



Tiếp tục mục tiêu chiến lược **"Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất"**, duy trì **"Top 5 về hiệu quả kinh doanh và an toàn"**, bám sát phương châm năm 2020 **"Củng cố nền tảng, chuyển dịch số; tăng trưởng toàn diện, hiệu quả và bền vững"**, toàn tập đoàn (gồm Ngân hàng và các công ty thành viên) đã nỗ lực, quyết tâm triển khai tích cực, chủ động và linh hoạt các giải pháp khắc phục các ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, thích ứng với trọng tâm chuyển đổi Số hóa, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tăng trưởng an toàn và ổn định. Hội đồng quản trị nhanh chóng tiếp cận các công nghệ và ứng dụng để triển khai nhiều hình thức hội họp linh hoạt, đảm bảo hoạt động quản trị điều hành theo đúng thông lệ và hoạt động kinh doanh của MB vẫn diễn ra thông suốt, liên tục. Năm 2020, MB đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại

hội đồng cổ đông giao phó: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất MB và các công ty thành viên đạt 10.688 đồng, tăng trưởng 6,5% so với năm 2019 (trong đó, Lợi nhuận trước thuế riêng ngân hàng đạt 9.698 tỷ đồng, tăng trưởng 4,4% so với năm 2019 và đứng thứ 5 trong hệ thống các ngân hàng); đây là năm thứ hai MB tiếp tục thuộc nhóm các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 10 nghìn tỷ đồng tại Việt Nam. Chất lượng tín dụng tốt: Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của Tập đoàn là 1,09% và Tỷ lệ nợ xấu riêng Ngân hàng dưới 1% (đều thấp hơn mức năm 2019 và kế hoạch được giao). Các công ty thành viên chủ động triển khai nhiều giải pháp kinh doanh trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; nỗ lực duy trì vị thế (MBS nằm trong TOP 3 về tư vấn IB, MIC nằm trong TOP 6 thị phần bảo hiểm phi nhân thọ. Tổng Lợi nhuận

trước thuế của các công ty thành viên năm 2020 đạt ~ 1.418,8 tỷ đồng, tăng 19% so với 2019 và hoàn thành 124% kế hoạch. Kết quả lợi nhuận của các công ty thành viên đã đóng góp quan trọng trong kết quả chung, giúp toàn tập đoàn đạt kế hoạch đề ra, trong bối cảnh Ngân hàng mẹ dành nguồn lực, lợi nhuận để triển khai các giải pháp hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng về Covid theo chủ trương chung của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Hoạt động bán chéo công ty/tập đoàn đạt được kết quả tích cực với Tổng doanh thu bán chéo ~ 663,4 tỷ đồng, tăng 27% so với 2019. Với các kết quả trong năm 2020, MB được xếp hạng TOP 30 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500 (tăng 7 bậc so với năm 2019).

4 chuyển dịch chiến lược **"Ngân hàng số"**, **"Củng cố quan hệ khách hàng"**, **"Nâng cao năng lực quản trị rủi ro"**, **"Quản lý hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên"** theo 3 trụ cột (Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số) và 2 nền tảng (Quản trị rủi ro vượt trội và Năng lực thực thi nhanh) được triển khai theo 11 dự án chiến lược trọng điểm, đảm bảo mục tiêu đã đặt ra từ đầu năm, cụ thể:

i) Đứng đầu về chuyển dịch số, trong đó các sản phẩm APP MBBank, BIZ MBBank đứng đầu thị trường về tốc độ, công nghệ và hiệu quả;

ii) Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng số phục vụ giao dịch với khách hàng như BPM, Smart RM, PD....

iii) Triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ và đầu tư số hóa theo lộ trình, tăng cường kết nối và khai thác tối đa hệ sinh thái tập đoàn giữa Ngân hàng - Công ty thành viên để thúc đẩy bán chéo sản phẩm dịch vụ. Theo đó, MB là ngân hàng tiên phong trong Chuyển đổi số, phục vụ các Khách hàng cá nhân và Doanh nghiệp trên 3 nền tảng số đáp ứng nhu cầu giao dịch thuận tiện, có tăng trưởng đột phá về thu hút khách hàng mới (~ 2 triệu người dùng mới và 90 triệu giao dịch điện tử, gấp 3 lần so với 2019); triển khai thành công eKYC (electric Know Your Customer) thông qua khuôn mặt và giọng nói trên APP MBBank. Đồng thời, Ngân hàng chú trọng ứng dụng số hóa trong các khâu quy trình tín dụng, hoàn thành mô hình xếp hạng (scoring/rating) của các phân khúc Micro SME, Upper SME.



Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid - 19, MB đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Hội đồng quản trị đã định hướng công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông của các Công ty thành viên (MIC, MBS, MBCapital) phù hợp quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, an toàn, hiệu quả. Kết quả, ĐHĐCĐ của MB và các Công ty thành viên đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2020, sửa đổi/ kiện toàn các văn bản quy định quan trọng và các phương án nhân sự chủ chốt (bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát MB nhiệm kỳ 2019 - 2024, Thành viên Hội đồng quản trị MBS và MIC) giúp tăng cường nguồn lực cho quản trị điều hành và giám sát cấp cao cho MBGroup. Hội đồng quản trị định hướng quản lý nhân sự năm 2020 trong bối cảnh tác động của dịch bệnh với ưu tiên tinh gọn bộ máy kinh doanh tại các Chi nhánh và đơn vị quản lý tại Hội sở; hoàn thiện mô hình tổ chức của các Khối nghiệp vụ chuyên môn đặc thù (Công nghệ thông tin, Quản trị rủi ro) và công ty thành viên theo yêu cầu kinh doanh mới. Trong năm, Hội đồng quản trị chỉ đạo công tác đánh giá và sắp xếp nhân sự cấp cao trong hệ thống phù hợp với Chiến lược và các mô hình kinh doanh mới; phát triển đội ngũ nhân sự cấp cao/nhân sự đứng đầu đơn vị có chất lượng; xây dựng

nguồn cán bộ có năng lực, tận tâm và sẵn sàng đương đầu với thách thức; thông qua mục tiêu, các nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và đánh giá nhân sự, các chương trình trọng tâm năm 2020 để quy hoạch và phát triển TOP 50, 100. Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm 03 nhân sự Thành viên Ban Điều hành MB, giúp bổ sung sức trẻ và sức sáng tạo cho đội ngũ điều hành; theo đó, cơ cấu lãnh đạo cao cấp của Ngân hàng có sự đa dạng về thế hệ, tạo ra một đội ngũ vừa dày dặn kinh nghiệm và giữ được văn hóa cần thiết của tổ chức vừa có sự nhanh nhẹn, linh hoạt và đổi mới của thế hệ trẻ. Đồng thời, Hội đồng quản trị chỉ đạo kiện toàn các quy định/chính sách quan trọng về nhân sự; chú trọng tới các chính sách gắn kết người lao động, giúp cán bộ nhân viên yên tâm cống hiến và đóng góp cho tổ chức thông qua triển khai các cơ chế tạo động lực, các chương trình cổ phiếu ưu đãi, chế độ bảo hiểm nhân thọ cho người lao động và người thân.

Hội đồng quản trị chỉ đạo rà soát/hoàn thiện/ thiết lập các nguyên tắc/ tiêu chuẩn/ các quy trình/ chính sách khung của MBGroup phù hợp quy định và thực hành các thông lệ quản trị hiệu quả; chỉ đạo nghiên cứu, triển khai Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư và Bộ Luật Lao động tại MB và các Công ty thành viên phù hợp và theo đặc thù hoạt động. Trong năm, Hội đồng quản trị định hướng các nguyên tắc, mục tiêu, lộ trình chuyển đổi và phương án vận dụng phù hợp đối với Dự án Quy hoạch văn bản nội bộ; tập trung chỉ đạo kiện toàn hệ thống phân cấp thẩm quyền, các quy định nội bộ (Quy định phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Quy chế công bố thông tin của MB, Chính sách Quản trị nhân sự, Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ nhân viên, Nội quy Lao động,...) theo hướng tăng cường quản trị/ giám sát cấp cao, điều chỉnh/ cập nhật phù hợp các quy định mới của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước.

MB tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước, quản lý chặt chẽ các giới hạn an toàn theo quy định, đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả. Tỷ lệ NPL của MB đến cuối 2020 0,92% (thấp hơn mức NPL 2019 là 0,98%) và Tỷ lệ NPL toàn tập đoàn năm 2020 là 1,09% (thấp hơn mức kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao là 1,9% và NPL tập đoàn 2019 là 1,2%). MB thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu Quý DP tín dụng/nợ xấu đạt ~ 158,9% (thuộc nhóm cao của thị trường), Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn 31,6% (quy



Trung tâm MB Private Banking Miền Bắc (dành cho phân khúc khách hàng siêu giàu có)

định của Ngân hàng Nhà nước ≤40%), CAR đạt 10,42% (quy định Ngân hàng Nhà nước ≥8%), giúp phòng ngừa và sẵn sàng nguồn tài chính để bù đắp các rủi ro phát sinh của khách hàng. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành Chiến lược Quản lý rủi ro tín dụng 2020, Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ tại MB, Quy định hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; thông qua phương pháp luận xây dựng mô hình chấm điểm đối với phân khúc SME

siêu nhỏ, phương pháp luận xây dựng mô hình PD và EAD phân khúc bán lẻ (Khách hàng cá nhân) và phương án triển khai các Dự án Quản lý rủi ro quan trọng (Dự án đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP), dự án Phòng chống tội phạm tài chính (FCRM)) trên cơ sở tư vấn của các đối tác uy tín, tiệm cận với các mô hình quản trị rủi ro tiên tiến giúp củng cố các rào chắn để phòng ngừa/ nhận diện và giảm thiểu rủi ro trong các mặt hoạt động.



Giá trị vốn hoá doanh nghiệp MB

(tỷ đồng)

2019	48.374
2020	63.782

▲ 31,9% (so với 2019)

Trong năm, Hội đồng quản trị nỗ lực thực hiện các cam kết với cổ đông khi MB đã hoàn thành tăng vốn điều lệ đợt 2.2019 thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ và bán 21,4 triệu cổ phiếu quỹ cho các cổ đông nước ngoài là các nhà đầu tư chuyên nghiệp, tạo giá trị thặng dư ~ 1.176 tỷ đồng; hoàn thành tăng vốn điều lệ năm 2020 lên 27.988 tỷ đồng, thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% và đang triển khai phương án chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua (MB đã được UBCKNN chấp thuận phương án ngày 18/12/2020). Giá trị vốn hóa doanh nghiệp MB tăng 31,9

% so với 2019 (tăng từ mức 48.374 tỷ đồng cuối năm 2019 lên 63.782 tỷ đồng cuối năm 2020); cổ phiếu MB thanh khoản cao. Theo đó MB phần nào đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư/các quỹ đầu tư nước ngoài mong muốn nắm giữ cổ phiếu MBB, củng cố tỷ lệ sở hữu của một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gắn bó như Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Cơ cấu cổ đông của MB tiếp tục duy trì được sự ổn định và thống nhất cao trong định hướng quản trị điều hành và hợp tác

cùng phát triển. Là tổ chức niêm yết, MB đã thực hiện công khai minh bạch thông tin, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của ngân hàng và của các cơ quan quản lý liên quan; theo đó, MB vinh dự được chọn vào **TOP 6 Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong nhóm Large Cap 2020** (nhóm có vốn hóa lớn của thị trường trong năm), theo kết quả bình chọn của chương trình IR Awards 2020.



Bên cạnh phối hợp tích cực với Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/ đột xuất/ chuyên đề trong MBGroup, Hội đồng quản trị trao đổi thường xuyên để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ Ban điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Trong năm, các cuộc họp Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị được tổ chức định kỳ hàng quý; Hội đồng quản trị vận hành cơ chế tổ chức lấy ý kiến thường xuyên để giải quyết kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định; các Ủy ban của Hội đồng quản trị (Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự) cũng tổ chức họp thường xuyên/ đột xuất để kịp thời tham mưu/ tư vấn cho Hội đồng quản trị đối với các nội dung liên quan. Ngoài ra Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị tích cực phát huy vai trò và dành nhiều thời gian làm việc trực tiếp với các đơn vị để đánh giá chính xác tình hình hoạt động và định hướng/chỉ đạo phù hợp với thực tế. Hoạt động quản trị của MB được đánh giá cao: Kết quả đánh giá phát triển bền vững của Sở giao dịch chứng khoán HCM (HSX) đối với các doanh nghiệp niêm

yết năm 2020, MB đạt điểm bình quân 64% (cao hơn mức 59% của năm 2019 và các điểm cấu phần đều cao hơn trung bình ngành; trong đó điểm quản trị đạt 70%, tăng 10% so với điểm 2019 và cao nhất so với các cấu phần khác). Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các Thành viên điều hành trong năm 2020, công tác điều hành mọi mặt hoạt động của ngân hàng đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị và phù hợp quy định pháp luật; năng lực quản trị điều hành ngân hàng được nâng cao, tạo được một số đột phá tích cực khi triển khai các chuyển dịch chiến lược. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong hệ thống được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt trong việc bán chéo, cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.

Tháng 11 năm 2020 vào đúng dịp kỷ niệm 26 năm thành lập, MB chính thức khai trương trụ sở chính mới khang trang và bề thế tại Tòa nhà MB Tower (số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội) với nhiều tiện ích thông minh và có khu chăm sóc khách hàng cũng như nhân viên chuyên biệt. Đây là dấu mốc quan trọng cho chặng đường phát triển của Ngân hàng trong suốt 26 năm và góp phần khẳng định MB là một trong những môi trường làm việc tốt nhất ngành ngân hàng tại Việt Nam. Các dự án chiến lược đầu tư phát triển trụ sở cho Ngân hàng tại các địa bàn trọng điểm như dự án trụ sở MB khu vực miền Trung tại 54 Điện Biên Phủ thành phố Đà Nẵng, trụ sở MB tại Bình Dương... được triển khai đảm bảo chất lượng. MB đang tiếp tục tìm kiếm vị trí phù hợp cho trụ sở MB tại Khu vực Hồ Chí Minh giúp gia tăng hình ảnh thương hiệu cho MB tại khu vực phía Nam. Đồng thời, Hội đồng quản trị định hướng phương án để các công ty thành viên khai thác Tòa nhà MB số 21 Cát Linh phù hợp

và nâng cao hiệu quả toàn tập đoàn. Đầu tư cho chuyển đổi số hóa với mục tiêu trở thành "Ngân hàng thuận tiện nhất" và củng cố năng lực hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tập đoàn theo định hướng Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, năm 2020, Hội đồng quản trị chỉ đạo các phương án triển khai mua sắm/ đầu tư các hệ thống, giải pháp công nghệ (hệ thống Core và ngoài Core của MB, gói cung cấp thiết bị tablet và dịch vụ data thuộc dự án Smart RM, ứng dụng hạ tầng giải pháp VDI, giải pháp Smart OTP, gói giải pháp sao lưu cơ sở dữ liệu Oracle trực tuyến và giải pháp đồng nhất cơ sở dữ liệu Oracle, mở rộng trung tâm dữ liệu giai đoạn 3, giải pháp công nghệ mới để kết nối Trung tâm dữ liệu hoạt động đồng thời (Active - Active Data Center).

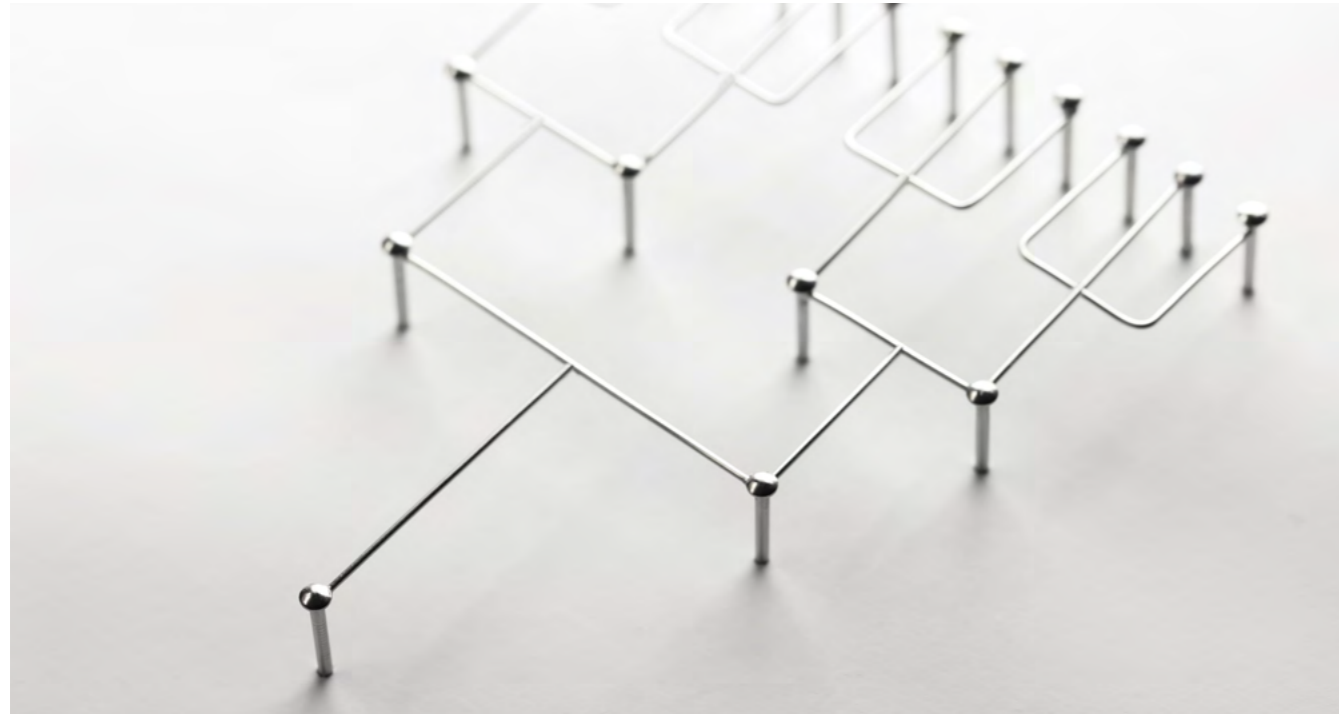
Với phương châm "có trách nhiệm với xã hội", với định hướng xuyên suốt từ Hội đồng quản trị - Ban Điều hành - toàn thể cán bộ nhân viên về phương châm "có trách nhiệm với xã hội", toàn

hệ thống và các công ty thành viên đã đóng góp cho Ngân sách Nhà nước trên 1.780 tỷ đồng và tích cực tham gia các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc với giá trị ~ 70,5 tỷ đồng cho các chương trình phát triển cộng đồng theo các lĩnh vực ưu tiên: phòng chống dịch bệnh Covid - 19 (hỗ trợ trang bị vật tư cho Bộ Y tế 10,5 tỷ đồng và hỗ trợ cho các khu vực thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Trị); đến ơn, đáp nghĩa (xây dựng 65 nhà tình nghĩa, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Nam Định và đóng góp Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa Bộ Quốc phòng); xây dựng nông thôn mới; đầu tư cho giáo dục; ủng hộ đồng bào (các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thừa Thiên Huế) khắc phục hậu quả bão lũ.

Năm 2020 Hội đồng quản trị MB đã thực hiện tích cực vai trò chức năng quản trị điều hành theo đúng các cam kết với Đại hội đồng cổ đông. MB giữ vững sự ổn định nội bộ, quản trị tốt rủi ro, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và đảm bảo hệ thống vận hành kinh doanh liên tục, an toàn trong bối cảnh đại dịch Covid - 19.



Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai



Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 khiến nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới tăng trưởng âm như Mỹ -3,5%, EU -7,4%, Kinh tế Việt Nam là điểm sáng trong năm 2020 với mức tăng trưởng dương 2,91%. Đồng thời, Lạm phát (CPI) tăng 3,23%, trong phạm vi cho phép mà Quốc hội để ra; Tỷ giá VND/ USD ổn định, gần như không đổi so với đầu năm. Khu vực Công nghiệp tiếp tục là đầu tàu kinh tế năm 2020 với mức tăng trưởng 3,98% đóng góp 53% vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 19,1 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Việt Nam đã thành công trong việc thực hiện "mục tiêu kép", vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế.

Năm 2021, kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng khả quan hơn ở mức 5,2% (theo IMF) nhưng thế giới vẫn phải đối mặt với rủi ro tiềm ẩn từ đại dịch Covid-19 vì còn phụ thuộc vào tiến độ và năng lực sản xuất vắc xin của các nước trên thế giới, cùng những căng thẳng thương mại quốc tế. Năm 2021 cũng là năm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII với nhiều định hướng mới cho đất nước, là năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5%/năm. Chính phủ tiếp tục chủ trương điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt hỗ trợ phát triển kinh tế và thực hiện chính sách tài khóa mở rộng cùng với kiểm soát sự lây lan của Covid-19, hỗ trợ phục hồi tiêu dùng và gia tăng thương mại, tăng cường cải cách thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh.

Với việc dịch bệnh được kiểm soát, ngành ngân hàng được kỳ vọng sẽ có sự phục hồi khả quan vào năm 2021 với mức tăng trưởng tín dụng dự báo 12%. Trong bối cảnh lãi suất cho vay và huy động tiếp tục giảm, dự báo trong năm 2021, doanh thu toàn ngành tăng trưởng trên dưới 15% - 20% tùy theo từng kịch bản. Nguồn doanh thu sẽ đến từ tăng trưởng tự nhiên khi tín dụng tăng trưởng 12% cùng các nỗ lực cải thiện năng suất, tối ưu chi phí, gia tăng nguồn thu phí của ngân hàng. MB sẽ nỗ lực cải cách, ứng dụng công nghệ nhằm tăng cường sức cạnh tranh, hoàn thiện các mô hình kinh doanh để phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao hơn thị trường.

Năm 2021, MB tiếp tục mục tiêu chiến lược "**Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất**", duy trì "**Top 5, phần đầu Top 3 các Ngân hàng thương mại về chất lượng và hiệu quả kinh doanh, dẫn đầu về số hóa**", với phương châm "**Tăng tốc số; Đột phá bán lẻ; An toàn - Hiệu quả**", cùng các chỉ tiêu tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2017-2021 là: Tổng Tài sản tăng 14%, Doanh thu tăng 22%, Lợi nhuận trước thuế tăng 20%, ROE đạt khoảng 20%, hệ số CAR đạt trên 9%; Tỷ lệ nợ xấu tối đa 2%. Hội đồng quản trị định hướng xây dựng Kịch bản dự phòng trong bối cảnh dịch Covid - 19 có thể bùng phát trở lại với các chỉ tiêu thận trọng, an toàn và các giải pháp ứng phó phù hợp.

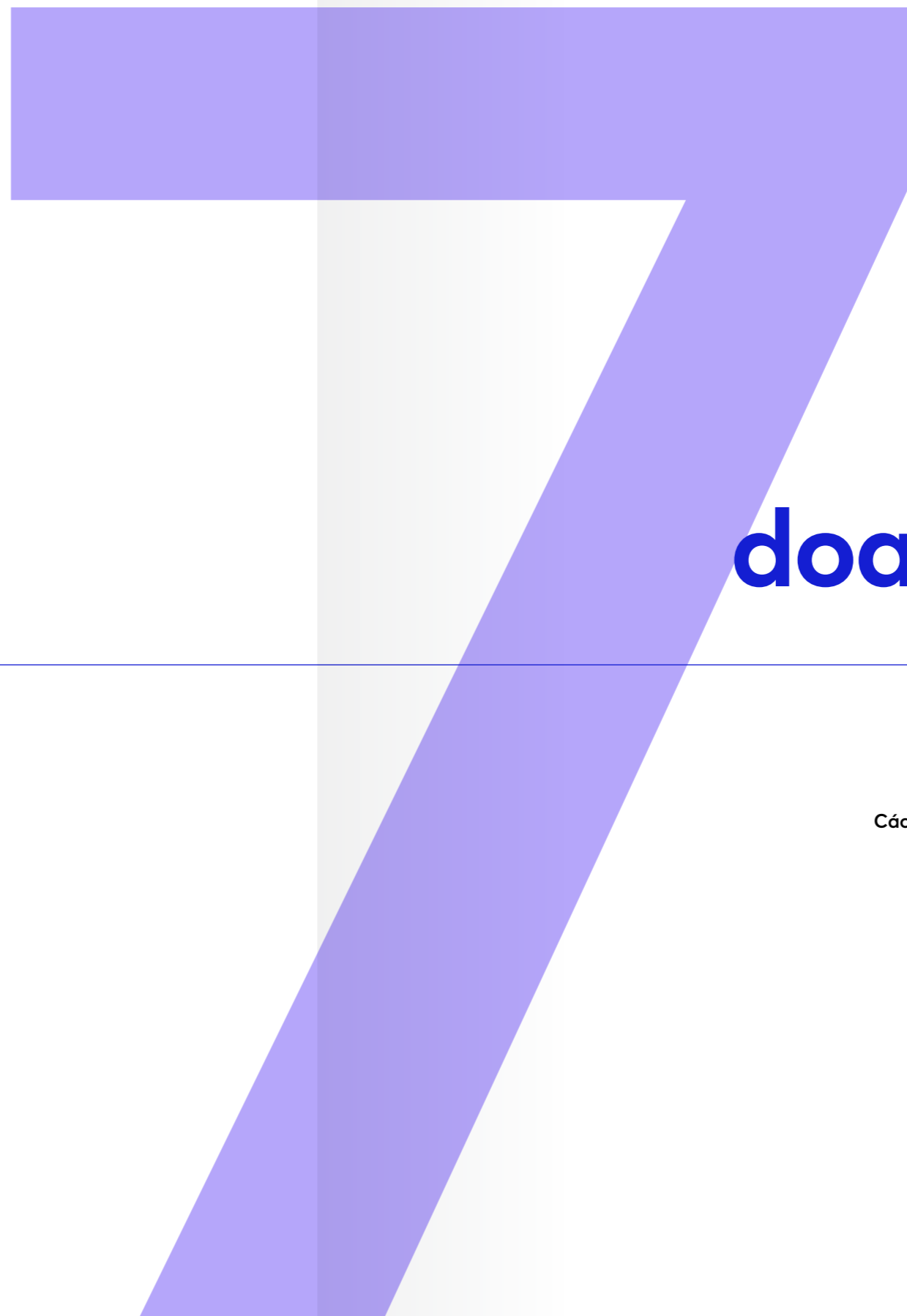
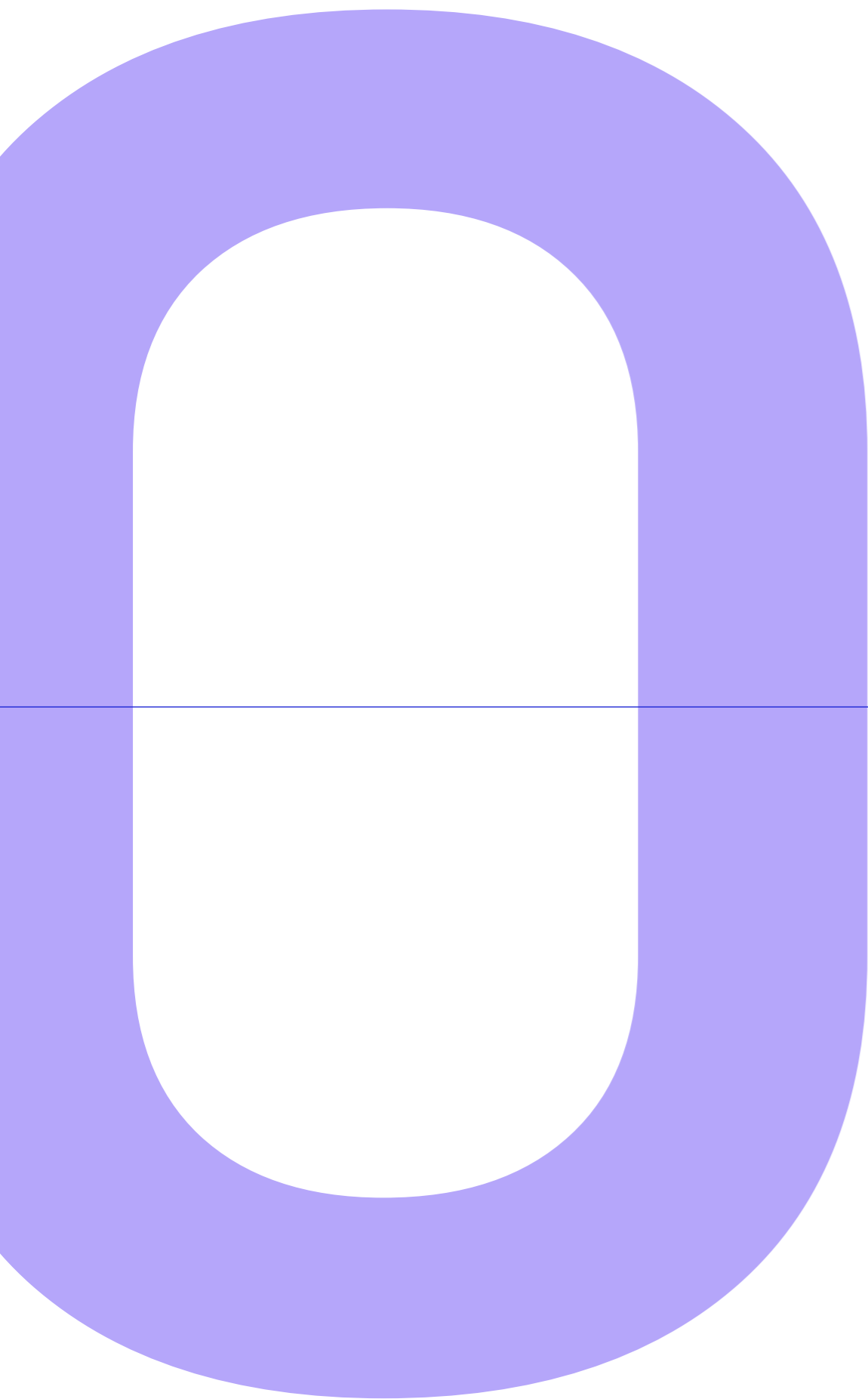
MB đặt quyết tâm triển khai thành công chiến lược phát triển ngân hàng dựa trên 3 trụ cột (Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số), 2 nền tảng (Quản trị rủi ro vượt trội, Năng lực thực thi nhanh); Thực hiện hiệu quả 4 chuyển dịch chiến lược: xây dựng ngân hàng số; củng cố quan hệ khách hàng; nâng cao năng lực quản trị rủi ro và quản lý hiệu quả hoạt động các công ty thành viên. Là năm cuối của giai đoạn Chiến lược 2017 - 2021, năm 2021, MB nghiên cứu và xây dựng Chiến lược phát triển tập đoàn giai đoạn 2022 - 2026, tiếp tục

định hướng hoàn chỉnh mô hình tập đoàn tài chính trên ứng dụng nền tảng số hóa để củng cố kết nối hệ sinh thái khách hàng, dịch vụ, sản phẩm giữa ngân hàng với các công ty thành viên.

MB tiếp tục chú trọng đầu tư xây dựng giá trị thương hiệu với quy mô tầm khu vực; hoàn thiện bổ sung giá trị văn hóa doanh nghiệp; đầu tư chiều sâu về con người, công nghệ để tạo năng lực cạnh tranh bền vững. MB sẽ cập nhật và áp dụng các tập quán quản trị tiên tiến của thị trường đồng thời nghiên cứu và định hướng hoàn chỉnh mô hình tập đoàn tài chính trên nền tảng số hóa để củng cố kết nối hệ sinh thái khách hàng, dịch vụ, sản phẩm giữa ngân hàng với các công ty thành viên. MB quản lý hoạt động của các Công ty thành viên thông qua các cơ chế/ tiêu chuẩn quản trị đảm bảo giám sát chặt chẽ về hiệu quả trên cơ sở tăng tính chủ động của các công ty và tăng tỷ trọng đóng góp lợi nhuận của các công ty trong tập đoàn phù hợp mục tiêu chiến lược.

Với mục tiêu đảm bảo lợi ích tối đa cho đối tác, cổ đông và khách hàng, MB sẽ tiếp tục ổn định cơ cấu cổ đông và thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp duy trì năng lực tài chính dài hạn, nỗ lực không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ với mong muốn đến lại các sản phẩm tiện ích và giá trị gia tăng, song song với việc phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.





Quản trị doanh nghiệp

Hoạt động của Hội đồng quản trị	106
Hoạt động của Ban Kiểm soát	110
Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	112

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

01

Tổng hợp số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị và các ủy ban/ Hội đồng của Hội đồng quản trị đã tổ chức 41 phiên họp để định hướng, chỉ đạo hoạt động của MB và các Công ty thành viên, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của Hội đồng quản trị, phù hợp quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB, hỗ trợ hiệu quả cho Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh.

Chi tiết thống kê sự tham gia của các Thành viên Hội đồng quản trị tại các phiên họp Hội đồng quản trị và các Ủy ban trong năm như sau:

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp /ủy quyền tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
1	Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị	23/04/2014 Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019	31/31	100%		Phụ trách chung toàn bộ hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
2	Lưu Trung Thái (Người được ủy quyền công bố thông tin)	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	23/04/2014 Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019	40/40	100%		Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
3	Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị từ 27/04/2019	14/23	60,87%	Lịch công tác	Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Nhân sự

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp /ủy quyền tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
4	Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị từ 27/04/2019	41/41	100%		Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
5	Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	23/04/2014 Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019	41/41	100%		Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
6	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Hội đồng quản trị	23/04/2014 Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019	40/41	97,56%	Lịch công tác	Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
7	Lê Viết Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị từ 27/04/2019	39/41	95,12%	Lịch công tác	Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Quản trị cấp cao, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Hội đồng quản trị
8	Kiều Đặng Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị từ 27/04/2019	4/4	100%		Thành viên Hội đồng quản trị
9	Ngô Minh Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị từ 27/04/2019	4/4	100%		Thành viên Hội đồng quản trị
10	Vũ Thái Huyền	Thành viên Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị từ 27/04/2019	4/4	100%		Thành viên Hội đồng quản trị
11	Trần Trung Tín	Thành viên Hội đồng quản trị	Bắt đầu là thành viên Hội đồng quản trị độc lập từ 27/04/2019	13/13	100%		Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

I. Thông tin các Thành viên Ủy ban

Ủy ban Quản trị cấp cao

1. Ông Lê Hữu Đức - Chủ nhiệm Ủy ban
2. Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
3. Bà Vũ Thị Hải Phượng - Thành viên Ủy ban
4. Ông Đỗ Minh Phương - Thành viên Ủy ban
5. Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
6. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
7. Ông Lê Viết Hải - Thành viên Ủy ban

Ủy ban Nhân sự

1. Ông Lê Hữu Đức - Chủ nhiệm Ủy ban
2. Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
3. Bà Vũ Thị Hải Phượng - Thành viên Ủy ban
4. Ông Đỗ Minh Phương - Thành viên Ủy ban
5. Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
6. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
7. Ông Lê Viết Hải - Thành viên Ủy ban
8. Ông Trần Minh Đạt - Bí Thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc - Thành viên Ủy ban

Ủy ban Quản lý rủi ro

1. Bà Vũ Thị Hải Phượng - Chủ nhiệm Ủy ban
2. Ông Lưu Trung Thái - Thành viên Ủy ban
3. Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ủy ban
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ủy ban
5. Ông Lê Viết Hải - Thành viên Ủy ban
6. Ông Trần Trung Tín - Thành viên Ủy ban/ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
7. Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó Tổng giám đốc - Thành viên Ủy ban

II. Thông tin về tình hình hoạt động của các Ủy ban của Hội đồng quản trị trong năm

Ủy ban Quản trị cấp cao

Thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: tham vấn ý kiến cho Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị về định hướng chính sách cấp tín dụng đối với một số khách hàng đặc thù; chủ trương phương án mua sắm hệ thống Core và ngoài Core; phê duyệt chi phí thường xuyên triển khai giải pháp SmartOTP; điều chỉnh Kế hoạch 2020 do tác động của dịch Covid-19; quyết toán tài chính và quyết toán lương năm 2019 của MB, dự thảo bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, kế hoạch triển khai Đề án iNhandao, định hướng/ chỉ đạo các điểm cần cải tiến theo khuyến nghị/ kết luận kiểm toán nội bộ 6 tháng 2020; định hướng kế hoạch 2021...

Ủy ban Quản lý rủi ro

Thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: xem xét, đánh giá về tình hình rủi ro và tuân thủ đến hết Quý IV/2019, Quý I, Quý II và Quý III/2020; tham mưu Hội đồng quản trị các nội dung chỉ đạo về Sửa đổi chiến lược Quản lý rủi ro tín dụng; quy định hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; Phương pháp luận xây dựng mô hình chấm điểm đối với phân khúc SME siêu nhỏ; Phương pháp luận xây dựng mô hình PD và EAD phân khúc bán lẻ (Khách hàng cá nhân); Quy chế vốn; Quy định quản lý chất lượng tài sản có; Quy định kinh doanh liên tục; lựa chọn đối tác triển khai các Dự án. Tổ chức Hội thảo/ Họp chuyên đề về Phương án triển khai Dự án ICAAP, dự án FCRM và Các Hội thảo chuyên đề Quản trị rủi ro tập đoàn với đối tác Shinsei Bank, về Mô hình kinh doanh Ngân hàng số, Mô hình Quản trị rủi ro Tập đoàn của Ageas.

Ủy ban Nhân sự

Tổ chức kiện toàn nhân sự và hoạt động của Ủy ban phù hợp quy định pháp luật và hướng đến thông lệ quản trị tốt; xem xét đánh giá thi đua khen thưởng năm 2019 và kỳ 1 năm 2020; đề xuất khen thưởng các danh hiệu Bộ Quốc phòng và Ngân hàng Nhà nước. Tham mưu cho Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị về: Đánh giá tình hình quản lý nhân sự và kết quả hoạt động của Ủy ban Nhân sự năm 2020; Định hướng quản trị nhân sự hiệu quả trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19, quy hoạch luân chuyển - bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn và sắp xếp nhân sự cấp cao tại MB và các công ty thành viên; các mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và đánh giá nhân sự, các chương trình trọng tâm năm 2020 để quy hoạch và phát triển nhân sự TOP 50, 100...

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn và thách thức cho nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Đồng thời là một năm đánh dấu sự chuyển đổi mạnh mẽ của hệ thống ngân hàng trong hoạt động quản trị, điều hành. Trong năm 2020, MB đã đầu tư và triển khai mạnh mẽ các giải pháp chuyển dịch số đảm bảo phù hợp với chiến lược giai đoạn 2019-2021, góp phần hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc kiện toàn hoạt động Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật, quy định nội bộ và thông lệ tiên tiến. Hoàn thành tốt kế hoạch của Ban Kiểm soát năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, với các nội dung chính như sau:



01

Kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị chuẩn bị và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát MB. Ngay sau Đại hội, Ban Kiểm soát đã họp và bầu 01 Phó Trưởng Ban Kiểm soát là bà Nguyễn Thị An Bình – nhân sự đã có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động kiểm tra, giám sát tại MB.

Trên cơ sở kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Kiểm soát quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, chú trọng đổi mới phương pháp hoạt động theo định hướng chuyển dịch số phù hợp với chiến lược của ngân hàng. Phối hợp với Ban Điều hành kiện toàn hệ thống thông tin báo cáo đối với Ban Kiểm soát theo hướng tự động hóa và minh bạch thông tin/ số liệu; cử thành viên Ban Kiểm soát tham gia các dự án chiến lược/ trọng điểm của ngân hàng, kịp thời nắm bắt thông tin/ giám sát chuyển dịch của MB. Ban Kiểm soát tổ chức nhiều chương trình làm việc với các đối tác kiểm toán/ tư vấn độc lập thuộc nhóm Big4 (KPMG, PWC, Ernst & Young, Deloitte) nhằm chia sẻ các thông lệ tốt về hoạt động Kiểm soát, kiểm toán để tăng năng lực kiểm tra, giám sát tại MB và các Công ty thành viên.

Duy trì cơ chế làm việc định kỳ trong Ban Kiểm soát theo quy định, đồng thời tổ chức nhiều cuộc họp / hội ý theo chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát; Làm việc định kỳ với Hội đồng quản trị/ Ủy Ban quản trị cấp cao và Ban Điều hành về kết quả giám sát, kiểm toán và công tác chỉnh sửa kiến nghị sau kiểm tra, kiểm toán/ giám sát.

02

Thực hiện hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ MB, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoạt động giám sát tập trung vào: Giám sát tuân thủ quy định về hoạt động giám sát cấp cao tại MB, giám sát thực thi chiến lược ngân hàng và Công ty thành viên, giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro, giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài, giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu gắn với đề án cơ cấu lại ngân hàng; giám sát hoạt động thoái vốn tại các Công ty thành viên, hoạt động giao dịch với bên liên quan, triển khai hoạt động kinh doanh mới (nếu có) và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Kết quả giám sát cho thấy: Mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động bởi dịch bệnh Covid-19, MB đã có nhiều phương án chủ động ứng phó với dịch bệnh, quyết liệt triển khai nhiều giải pháp kiện toàn hệ thống theo các thông lệ tốt. Triển khai mạnh mẽ các giải pháp kinh doanh, đặc biệt là các giải pháp kinh doanh ngân hàng số. Tăng trưởng tín dụng gắn với Kiểm soát chất lượng tín dụng. Thực hiện cơ cấu nợ cho khách hàng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo và quy định của Ngân hàng Nhà nước. Hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; các chỉ tiêu quy mô, hiệu quả đều vượt/ đạt kế hoạch, năng suất lao động tiếp tục được nâng cao. MB duy trì vị thế trong Top 5 Ngân hàng đứng đầu về quy mô và được vinh dự trao tặng nhiều bằng khen, giải thưởng của cơ quan nhà nước và các tổ chức uy tín.

03

Thẩm định báo cáo tài chính

Công tác thẩm định báo cáo tài chính được Ban Kiểm soát chỉ đạo Cơ quan Kiểm toán nội bộ triển khai định kỳ 6 tháng và 1 năm theo đúng quy định. Đồng thời, thực hiện giám sát công tác kiểm toán báo cáo tài chính của MB do Công ty kiểm toán độc lập (Ernst & Young) thực hiện, đảm bảo công tác kiểm toán và phát hành báo cáo được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán, báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của MB năm 2020.

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát các chỉ số an toàn tài chính, an toàn vốn và quản lý rủi ro của MB theo quy định pháp luật, quy định nội bộ. Kịp thời trao đổi, thảo luận với Ủy Ban quản trị cấp cao, Tổng giám đốc, Ban Điều hành về việc tuân thủ các giới hạn an toàn góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả tài chính, hoạt động quản lý rủi ro.

04

Chỉ đạo và giám sát hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ qua đó nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ, hệ thống giám sát

Ban Kiểm soát đã chỉ đạo, giám sát Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB và người đại diện của MB tại các Công ty thành viên là Trưởng Ban Kiểm soát/ Kiểm soát viên Trưởng các Công ty thành viên triển khai hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch các chương trình Kiểm soát, kiểm toán năm 2020. Kết quả kiểm tra, kiểm toán đã kịp thời phát hiện và kiến nghị/ tư vấn ngân hàng và Công ty thành viên tiếp tục chỉnh sửa, kiện toàn các tồn tại, hạn chế về mặt hệ thống (CNTT, quản lý rủi ro), các tồn tại trong triển khai hoạt động kinh doanh, vận hành...

Tích cực hỗ trợ, định hướng nhằm nâng cao năng lực cho kiểm toán nội bộ. Chỉ đạo Cơ quan kiểm toán nội bộ chủ động làm việc với các công ty kiểm toán độc lập thuộc nhóm Big 4 về các giải pháp chuyển đổi năng lực kiểm toán nội bộ, hướng tới triển khai và hoàn thành mục tiêu chiến lược Kiểm toán nội bộ giai đoạn 2019-2021. Tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ tại MB và Công ty thành viên. Định hướng chiến lược kiểm toán nội bộ cho các Công ty thành viên giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hoạt động của Kiểm toán nội bộ MB, Trưởng Ban Kiểm soát/ Kiểm soát viên các Công ty thành viên trong năm 2021.

05

Cập nhật danh sách người có liên quan

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện cập nhật danh sách người có liên quan theo quy định của Pháp luật (danh sách cổ đông sách lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành của MB).

Các giao dịch thù lao, lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

01

Thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nằm trong hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt năm 2020, phù hợp Điều lệ MB, các quy định nội bộ của MB về lương/ đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

02

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có số lượng cổ phiếu phát sinh tăng trong kỳ do tham gia chương trình tăng vốn điều lệ năm 2020.
- Các giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan trong năm 2020 cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
1	Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng quản trị MB	550.505	0,0232	633.080	0,0226	Tăng vốn điều lệ năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
2	Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch, kiêm Tổng giám đốc MB	1.540.857	0,0649	2.771.985	0,0990	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Mua cổ phiếu
3	Bà Lưu Thiếu Thu	Ông Lưu Trung Thái - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị MB kiêm Tổng giám đốc là anh trai của Bà Lưu Thiếu Thu	14.751	0,0006	16.963	0,0006	Tăng vốn điều lệ năm 2020
5	Ông Trần Minh Tuấn	Bà Vũ Thị Hải Phượng - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị MB là vợ của Ông Trần Minh Tuấn	20.147	0,0008	23.169	0,0008	Tăng vốn điều lệ năm 2020
6	Ông Trần Vũ Hà Duy	Bà Vũ Thị Hải Phượng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB là mẹ của Ông Trần Vũ Hà Duy	8.649	0,0004	9.946	0,0004	Tăng vốn điều lệ năm 2020
7	Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB	34.474	0,0015	39.645	0,0014	Tăng vốn điều lệ năm 2020
8	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Ông Đỗ Minh Phương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MB là Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn Viễn thông Quân đội	340.914.079	14,3680	392.051.190	14,0080	Tăng vốn điều lệ năm 2020
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị MB	347.129	0,0146	399.198	0,0143	Tăng vốn điều lệ năm 2020
10	Ông Nguyễn Hữu Doanh	Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Hội đồng quản trị MB là con gái của Ông Nguyễn Hữu Doanh	37.334	0,0016	42.934	0,0015	Tăng vốn điều lệ năm 2020
11	Bà Đỗ Thị Ngọc Bảo	Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Hội đồng quản trị MB là con gái của Bà Đỗ Thị Ngọc Bảo	95.462	0,0040	109.781	0,0039	Tăng vốn điều lệ năm 2020
12	Ông Nguyễn Hữu Bảo Khánh	Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Hội đồng quản trị MB là chị gái của Ông Nguyễn Hữu Bảo Khánh	3.400	0,0001	3.910	0,0001	Tăng vốn điều lệ năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
13	Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital	Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Hội đồng quản trị MB là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ đầu tư MB - đơn vị quản lý Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital	3.053.991	0,1287	288.470	0,0103	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Bán cổ phiếu
14	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Hội đồng quản trị MB	850.000	0,0358	977.500	0,0349	Tăng vốn điều lệ năm 2020
15	Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị MB	100.000	0,0042	115.000	0,0041	Tăng vốn điều lệ năm 2020
16	Bà Nguyễn Kim Lan	Ông Kiều Đặng Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị MB là chồng của Bà Nguyễn Kim Lan	151	0,0000	173	0,0000	Tăng vốn điều lệ năm 2020
17	Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	Ông Kiều Đặng Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị MB là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc của Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn	181.155.067	7,6349	227.187.383	8,1174	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Nhận chuyển quyền sở hữu cổ phiếu
18	Công ty trực thăng miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam	Ông Kiều Đặng Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị MB là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc của Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn - Công ty mẹ của Công ty trực thăng Miền Bắc	16.399.180	0,6912	0	0,0000	Chuyển quyền sở hữu cổ phiếu
19	Chi nhánh Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn - Công ty Trực thăng Miền Nam	Ông Kiều Đặng Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị MB là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc của Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn - Công ty mẹ của Công ty Trực thăng Miền Nam	9.336.973	0,3935	10.737.518	0,3837	Tăng vốn điều lệ năm 2020
20	Ông Ngô Minh Thuấn	Thành viên Hội đồng quản trị MB	100.009	0,0042	115.010	0,0041	Tăng vốn điều lệ năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
21	Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Ông Ngô Minh Thuấn - Thành viên Hội đồng quản trị MB là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	173.881.387	7,3283	199.963.595	7,1447	Tăng vốn điều lệ năm 2020
22	Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên Hội đồng quản trị MB	50.000	0,0021	57.500	0,0021	Tăng vốn điều lệ năm 2020
23	Ông Vũ Việt Sơn	Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên Hội đồng quản trị MB là em gái Ông Vũ Việt Sơn	4.000	0,0002	0	0,0000	Bán cổ phiếu
24	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn	Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên Hội đồng quản trị MB - là đại diện phần vốn góp của SCIC vào MB	227.276.053	9,5787	261.367.460	9,3387	Tăng vốn điều lệ năm 2020
25	Công ty TNHH MTV SCIC	Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên Hội đồng quản trị MB- là đại diện phần vốn góp của SCIC vào MB, chủ sở hữu Công ty TNHH MTV SCIC	1.192.553	0,0503	4	0,0000	Tăng vốn điều lệ năm 2020, mua bán cổ phiếu
26	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Bà Vũ Thái Huyền- Thành viên Hội đồng quản trị MB là Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	1.080.000	0,0455	1.242.000	0,0444	Tăng vốn điều lệ năm 2020
27	Ông Lê Viết Hải	Thành viên Hội đồng quản trị MB	340.734	0,0144	391.844	0,0140	Tăng vốn điều lệ năm 2020
28	Ông Lê Công Sòa	Ông Lê Viết Hải - Thành viên Hội đồng quản trị MB là con trai Ông Lê Công Sòa	22.190	0,0009	25.518	0,0009	Tăng vốn điều lệ năm 2020
29	Bà Lê Thị Hải Yến	Ông Lê Viết Hải - Thành viên Hội đồng quản trị MB là anh trai Bà Lê Thị Hải Yến	1.426	0,0001	1.639	0,0001	Tăng vốn điều lệ năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
30	Ông Trần Trung Tín	Thành viên Hội đồng quản trị Độc lập MB	275.000	0,0116	316.250	0,0113	Tăng vốn điều lệ năm 2020
31	Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban Kiểm soát MB/ Head of SB	982.972	0,0414	1.130.417	0,0404	Tăng vốn điều lệ năm 2020
32	Ông Lê Xuân Linh	Bà Lê Thị Lợi - Trưởng Ban Kiểm soát MB - Là em gái Ông Lê Xuân Linh	2	0,0000	2	0,0000	Mua, bán cổ phiếu
33	Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó trưởng Ban Kiểm soát MB	1.239.985	0,0523	1.425.982	0,0510	Tăng vốn điều lệ năm 2020
34	Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát MB	2.309.405	0,0973	2.655.815	0,0949	Tăng vốn điều lệ năm 2020
35	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban Kiểm soát MB	131.027	0,0055	150.680	0,0054	Tăng vốn điều lệ năm 2020
36	Ông Nguyễn Hải	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai - Thành viên Ban Kiểm soát MB - là vợ Ông Nguyễn Hải	119.418	0,0050	137.330	0,0049	Tăng vốn điều lệ năm 2020
37	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai - Thành viên Ban Kiểm soát MB - là chị gái Bà Đỗ Thị Mai Hương	3.736	0,0002	4.296	0,0002	Tăng vốn điều lệ năm 2020
38	Bà Phạm Thu Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát MB	635.103	0,0268	730.368	0,0261	Tăng vốn điều lệ năm 2020
39	Ông Đinh Hồng Hải	Bà Phạm Thu Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát MB - là vợ Ông Đinh Hồng Hải	775	0,0000	891	0,0000	Tăng vốn điều lệ năm 2020
40	Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng giám đốc MB	411.065	0,0173	472.724	0,0169	Tăng vốn điều lệ năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
41	Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng giám đốc MB	904.457	0,0381	1.040.125	0,0372	Tăng vốn điều lệ năm 2020
42	Ông Phạm Thanh Bình	Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó tổng giám đốc MB - là chị gái Ông Phạm Thanh Bình	1.650	0,0001	1.897	0,0001	Tăng vốn điều lệ năm 2020
43	Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng giám đốc MB	1.295.357	0,0546	1.489.660	0,0532	Tăng vốn điều lệ năm 2020
44	Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng giám đốc MB	137.741	0,0058	158.402	0,0057	Tăng vốn điều lệ năm 2020
45	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Ông Hà Trọng Khiêm - Phó Tổng giám đốc MB là chồng của Bà Nguyễn Quỳnh Mai	460.945	0,0194	530.086	0,0189	Tăng vốn điều lệ năm 2020
46	Ông Hà Trọng Khoa	Ông Hà Trọng Khiêm - Phó Tổng giám đốc MB là anh trai của Ông Hà Trọng Khoa	48.395	0,0020	17.957	0,0006	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Bán cổ phiếu
47	Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng giám đốc MB	1.129.369	0,0476	2.298.774	0,0821	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Mua cổ phiếu
48	Ông Lê Quốc Bình	Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng Giám đốc MB là em trai của ông Lê Quốc Bình	3.122	0,0001	3.590	0,0001	Tăng vốn điều lệ năm 2020
49	Ông Lê Quốc Dũng	Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng giám đốc MB là anh trai của Ông Lê Quốc Dũng Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng giám đốc MB là anh trai của Ông Lê Quốc Dũng	26.679	0,0011	30.680	0,0011	Tăng vốn điều lệ năm 2020
50	Bà Đặng Thúy Dung	Kế toán trưởng MB	99.035	0,0042	113.890	0,0041	Tăng vốn điều lệ năm 2020

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 23.727,3 tỷ đồng	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ 27.987,6 tỷ đồng	
51	Bà Vũ Thị Tuất	Bà Đặng Thúy Dung - Kế toán trưởng MB - là con gái Bà Vũ Thị Tuất	106.816	0,0045	122.838	0,0044	Tăng vốn điều lệ năm 2020
52	Bà Đặng Thị Thủy	Bà Đặng Thúy Dung - Kế toán trưởng MB - là chị gái Bà Đặng Thị Thủy	72.296	0,0030	83.140	0,0030	Tăng vốn điều lệ năm 2020
53	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc tài chính MB	700.864	0,0295	805.993	0,0288	Tăng vốn điều lệ năm 2020
54	Công đoàn cơ sở MB	Tổ chức chính trị xã hội MB	7.404.707	0,3121	9.167.536	0,3276	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Thu hồi cổ phiếu cán bộ nhân viên nghỉ việc trước hạn
55	Ông Ông Đông Hưng	Phó Tổng giám đốc MB (đã miễn nhiệm ngày 24/06/2020)	186.894	0,0079	214.928	0,0077	Tăng vốn điều lệ năm 2020
56	Bà Ngô Thị Xuyên	Ông Ông Đông Hưng - Phó Tổng giám đốc MB là con trai của bà Ngô Thị Xuyên	23.486	0,0010	27.008	0,0010	Tăng vốn điều lệ năm 2020
57	Bà Ông Thị Hải Yến	Ông Ông Đông Hưng - Phó Tổng giám đốc MB là anh trai của Bà Ông Thị Hải Yến	169	0,0000	193	0,0000	Tăng vốn điều lệ năm 2020
58	Ông Lê Hải	Phó Tổng giám đốc MB (đã miễn nhiệm ngày 30/03/2020)	110.807	0,0047	12.428	0,0004	Tăng vốn điều lệ năm 2020, Thu hồi cổ phiếu cán bộ nhân viên nghỉ việc trước hạn
59	Ông Lê Hiếu	Ông Lê Hải - Phó Tổng giám đốc MB là em trai của Ông Lê Hiếu	1.062	0,0000	1.221	0,0000	Tăng vốn điều lệ năm 2020
60	Ông Lê Trung	Ông Lê Hải - Phó Tổng giám đốc MB là anh trai của Ông Lê Trung	3.161	0,0001	1	0,0000	Bán cổ phiếu

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

MB luôn tự hào là một trong những Ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách đối với các bên có liên quan (cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên, cộng đồng địa phương)

Trong những năm qua, MB luôn tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty; đồng thời thường xuyên tiếp thu, cập nhật thông lệ quản trị công ty tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành tại MB. Theo đó, Hội đồng quản trị MB đã kiện toàn, ban hành các văn bản, trong đó trọng tâm tổ chức, vận hành hoạt động của Hội đồng quản trị & ủy ban phù hợp quy định, hướng đến thông lệ quản trị tốt như: Nội quy Lao động; Quy định Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ nhân viên MB; Quy định về Hệ thống Kiểm soát nội bộ tại MB; Quy định hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; Chiến lược Quản lý rủi ro tín dụng 2020; Quy định phân cấp thẩm quyền cấp Hội đồng quản trị; Quy định quản lý kinh doanh liên tục; Quy chế công bố thông tin của MB cập nhật các điều chỉnh của Luật và thực tiễn triển khai. Đồng thời, Hội đồng quản trị xem xét định hướng về: i) công tác quy hoạch, quản lý và ban hành văn bản; ii) định hướng nghiên cứu, triển khai Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư và Bộ Luật Lao động tại MB và các công ty thành viên.

Bên cạnh đó, MB luôn tự hào là một trong những Ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách đối với các bên có liên quan (cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên, cộng đồng địa phương).

Đối với cổ đông, MB đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông, đối xử công bằng, minh bạch; đồng thời, cam kết: 1) Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất để bảo vệ giá trị cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi cổ đông; 2) Cung cấp các bản báo cáo tài chính chất lượng, chính trực và minh bạch; 3) Cập nhật thông tin cho các cổ đông về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; 4) Không ngừng nâng cao chất lượng công tác quan hệ nhà đầu tư giúp làm tăng hình ảnh, củng cố hơn nữa lòng tin của nhà đầu tư với ngân hàng. Trong năm 2020, MB vinh dự được chọn vào TOP 6 Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong nhóm Large Cap 2020 (nhóm có vốn hóa lớn của thị trường trong năm), theo kết quả bình chọn của chương trình IR Awards 2020). Theo kết quả đánh giá phát triển bền vững của HSX đối với các doanh nghiệp niêm yết năm 2020, MB đạt điểm bình quân 64% (cao hơn mức 59% của năm 2019 và các điểm cấu phần đều cao hơn trung bình ngành).

Đối với đối tác và khách hàng, MB nỗ lực không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ và chú trọng đến những trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ với mong muốn đến lại các sản phẩm tiện ích và giá trị gia tăng; Các chính sách quản trị rủi ro, tín dụng của MB phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, kiểm soát rủi ro chặt chẽ và hướng đến sự đảm bảo về an toàn cho các dịch vụ cung cấp tới khách hàng. MB là đối tác tin cậy được đánh giá cao với chính sách và chất lượng dịch vụ tốt.

Đối với cán bộ nhân viên, MB tạo công ăn việc làm cho hơn 14.000 người lao động trong toàn hệ thống; MB có các chính sách quản lý, đãi ngộ và phát triển nhân sự tiên tiến được áp dụng, chú trọng các cơ chế tạo động lực bên cạnh những giá trị văn hóa doanh nghiệp được đúc kết từ nhiều năm giúp MB thu hút cũng như giữ chân đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm, đạo đức, gắn bó, nhiệt huyết.

Đối với cộng đồng địa phương, MB thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng thuế, là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, tham gia đóng góp về kinh phí cho các hoạt động xây dựng địa phương tại những nơi MB hiện diện, đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, từ thiện.

(Chi tiết của từng mục, xin xem thêm tại các mục riêng trong Báo cáo).

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin chung	123
Báo cáo của Ban Điều hành	126
Báo cáo kiểm toán độc lập	127
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	128
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	131
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	132
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	134

Báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin về ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/NH-GP ngày 17 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp, thay thế Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời gian hoạt động của Ngân hàng theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994 và giấy phép thay đổi lần thứ 48 ngày 02 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là

27.987.569 TRIỆU ĐỒNG

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 23.727.323 triệu đồng).

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Viết Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Trung Tín	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thu Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành

Các thành viên Ban Điều hành của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Trung Thái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2017
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên Cao cấp	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2016
Ông Ưông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2019
Ông Phạm Như Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2020
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2020
Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Quyển Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019
	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hữu Đức - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lưu Trung Thái - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 39.1/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 1 năm 2017.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Điều hành ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755036/22026943/HN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 8 tháng 2 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 80, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2021



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	3.109.230	2.344.291
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	17.296.506	14.347.180
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	47.888.802	39.691.364
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		41.939.499	29.338.805
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		5.949.303	10.548.559
Dự phòng rủi ro		-	(196.000)
Chứng khoán kinh doanh	8	3.085.227	1.167.809
Chứng khoán kinh doanh		3.102.030	1.196.887
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(16.803)	(29.078)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	37.106	14.836
Cho vay khách hàng		293.942.764	247.129.710
Cho vay khách hàng	10	298.296.983	250.330.623
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(4.354.219)	(3.200.913)
Chứng khoán đầu tư		99.713.646	85.628.999
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	96.775.364	82.723.727
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	3.374.241	3.196.877
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.4	(435.959)	(291.605)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	885.231	887.017
Đầu tư dài hạn khác		1.026.562	1.037.453
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(141.331)	(150.436)
Tài sản cố định		4.310.919	2.798.062
Tài sản cố định hữu hình	14	3.088.524	1.642.003
Nguyên giá		5.387.069	3.585.813
Khấu hao lũy kế		(2.298.545)	(1.943.810)
Tài sản cố định vô hình	15	1.222.395	1.156.059
Nguyên giá		2.277.564	1.980.168
Hao mòn lũy kế		(1.055.169)	(824.109)
Bất động sản đầu tư	16	247.898	30.813
Nguyên giá		249.674	30.813
Hao mòn lũy kế		(1.776)	-

	Thuyết minh	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Tài sản có khác		24.464.833	17.447.494
Các khoản phải thu	17.1	18.445.213	11.471.145
Các khoản lãi, phí phải thu		3.782.321	3.771.711
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.2	3.436	3.699
Tài sản Có khác	17.2	2.280.224	2.475.062
- Trong đó: Lợi thế thương mại	18	47.613	57.135
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	17.3	(46.361)	(274.123)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		494.982.162	411.487.575
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	19	15.383	16.836
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		50.876.472	50.314.052
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	20.1	24.984.148	29.550.155
Vay các tổ chức tín dụng khác	20.2	25.892.324	20.763.897
Tiền gửi của khách hàng	21	310.960.354	272.709.512
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính	9	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	22	207.341	302.126
Phát hành giấy tờ có giá	23	50.923.563	26.288.629
Các khoản nợ khác		31.899.554	21.970.606
Các khoản lãi, phí phải trả		4.765.744	4.598.544
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	36.3	4.651	12.097
Các khoản phải trả và công nợ khác	24	27.129.159	17.359.965
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		444.882.667	371.601.761
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của tổ chức tín dụng		28.725.680	22.718.445
- Vốn điều lệ		27.987.569	23.727.323
- Thặng dư vốn cổ phần		1.177.563	-
- Cổ phiếu quỹ		(564.397)	(1.036.712)
- Vốn khác		124.945	27.834
Quỹ của Tổ chức tín dụng		6.224.836	4.936.914
Lợi nhuận chưa phân phối		12.955.988	10.342.490
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		2.192.991	1.887.965
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	26	50.099.495	39.885.814
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		494.982.162	411.487.575

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

B02/TCTD-HN

ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	162.968	81.864
Cam kết giao dịch hối đoái	238.836.419	155.723.464
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	765.136	5.949.719
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	621.915	6.416.536
<i>Cam kết mua giao dịch hoán đổi</i>	118.705.065	71.691.021
<i>Cam kết bán giao dịch hoán đổi</i>	118.744.303	71.666.188
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	29.182.376	21.340.471
Bảo lãnh khác	84.636.987	76.678.646
Các cam kết khác	72.544.232	42.304.723
TỔNG CỘNG	425.362.982	296.129.168

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

**Bà Lê Thị Huyền Trang**
Phó Phòng Kế toán Tổng hợp**Bà Đặng Thúy Dung**
Kế toán Trưởng**Bà Nguyễn Thị Thanh Nga**
Giám đốc Tài chính**Ông Lưu Trung Thái**
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

B03/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		32.767.393	31.196.604
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		(12.489.598)	(13.196.607)
Thu nhập lãi thuần	27	20.277.795	17.999.997
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		8.228.173	6.420.580
Chi phí hoạt động dịch vụ		(4.652.620)	(3.234.743)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	3.575.553	3.185.837
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	785.809	647.478
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	85.086	27.480
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	31	865.869	612.031
Thu nhập từ hoạt động khác		2.808.825	2.528.554
Chi phí cho hoạt động khác		(1.129.275)	(429.156)
Lãi thuần từ hoạt động khác	32	1.679.550	2.099.398
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	92.511	78.227
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		27.362.173	24.650.448
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	34	(10.555.457)	(9.723.706)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		16.806.716	14.926.742
Chi phí dự phòng rủi ro	35	(6.118.440)	(4.890.623)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		10.688.276	10.036.119
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36.1	(2.089.420)	(1.959.995)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại		7.183	(7.520)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.082.237)	(1.967.515)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		8.606.039	8.068.604
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		343.380	245.831
Lợi nhuận ròng trong năm		8.262.659	7.822.773
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	37	2.993	2.758

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

**Bà Lê Thị Huyền Trang**
Phó Phòng Kế toán Tổng hợp**Bà Đặng Thúy Dung**
Kế toán Trưởng**Bà Nguyễn Thị Thanh Nga**
Giám đốc Tài chính**Ông Lưu Trung Thái**
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		32.836.478	30.956.510
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(12.272.703)	(11.511.295)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.575.553	3.185.837
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		1.607.374	1.276.978
Thu nhập khác		75.057	162.295
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	1.599.755	1.937.102
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(10.057.337)	(9.207.742)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	36.1	(2.037.888)	(1.812.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		15.326.289	14.987.451
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		4.598.359	(672.364)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(16.134.144)	(12.443.909)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(22.270)	(14.836)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(47.966.360)	(35.644.665)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(5.413.888)	(4.932.063)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(8.159.583)	(1.334.331)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		72.511.456	40.947.600
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		562.420	(10.156.829)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		38.249.389	30.129.137
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		24.634.934	15.130.991
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(94.786)	(17.837)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(5.634)
Tăng khác về công nợ hoạt động		9.388.187	6.074.593
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	26.1	(228.688)	(206.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.739.859	892.883

	Thuyết minh	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(823.253)	(701.576)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.739	2.905
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(602)	(9)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		7.823	600
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		92.511	78.227
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(718.782)	(619.853)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		1.719.922	432.090
Cổ tức trả cho cổ đông	26.1	-	(1.304.219)
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ	26.1	573.062	-
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	26.1	-	(1.036.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		2.292.984	(1.908.841)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		16.314.061	(1.635.811)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		46.012.273	47.648.084
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	38	62.326.334	46.012.273

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Lê Thị Huyền Trang
Phó Phòng Kế toán Tổng hợp

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Giám đốc Tài chính

Ông Lưu Trung Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 100/NH-GP ngày 17 tháng 10 năm 2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp, thay thế Giấy phép hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994. Thời gian hoạt động của Ngân hàng theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 1994 và giấy phép thay đổi lần thứ 48 ngày 02 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 27.987.569 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 23.727.323 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm lẻ một (101) chi nhánh (bao gồm chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội tại Lào và tại Campuchia), một trăm chín tám (198) phòng giao dịch (trong đó có 1 Phòng giao dịch tại nước ngoài), và một (1) văn phòng đại diện tại Nga.

Nhân viên Số lượng nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.852 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 15.691 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có các công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")	0105281799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11 tháng 9 năm 2002, thay đổi lần thứ 20 ngày 25 tháng 12 năm 2018	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	81,94%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Cap")	21/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UB-CK ngày 12 tháng 2 năm 2015 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (*)	27/GP-NHNN ngày 4 tháng 2 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	50,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GP/KDBH ngày 8 tháng 10 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 43/GPDC30/KDBH ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Bộ Tài Chính cấp	Bảo hiểm phi nhân thọ	68,37%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas	74/GP/KDBH ngày 21 tháng 7 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%

* Theo hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng và Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản), Ngân hàng được quyền bảo lưu đưa ra quyết định cuối cùng đối với các vấn đề quan trọng của Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei trong thời hạn năm (5) năm kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng vốn từ Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản) và thành viên góp vốn thứ ba.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "MB".

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1
Kỳ kế toán Kỳ kế toán năm của MB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của MB là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB.

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1
Tuyên bố tuân thủ Ban Điều hành MB khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2
Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng Báo cáo tài chính hợp nhất của MB được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

3.3
Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4
Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi MB và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1
Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4.2
Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, chứng khoán, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày phát sinh, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 ("Thông tư 09") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, MB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Theo Thông tư 02, MB không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Cho vay khách hàng Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh số 4.5.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ")

Phân loại nợ

MB thực hiện phân loại các khoản nợ theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu. Cụ thể:

- Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10, Thông tư 02.
- Các khoản mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, trừ các khoản liên quan đến trái phiếu của các doanh nghiệp đồng thời là khách hàng vay của MB, được phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10, Thông tư 02. Các khoản liên quan đến trái phiếu chưa niêm yết của các doanh nghiệp đồng thời là khách hàng vay của MB được phân loại nợ như các khoản cho vay đối với khách hàng đó như được trình bày ở dưới đây.
- Các khoản cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng, bao gồm cả khoản cho vay hợp vốn mà MB không phải là ngân hàng đầu mối, được phân loại nợ theo cả phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11, Thông tư 02. Theo đó trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.
- Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì MB phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng (Quy định này không áp dụng với kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam do CIC cung cấp).
- MB đồng thời áp dụng các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng được yêu cầu của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ("Nghị định 55") ngày 9 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55.
- MB đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020 đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020-TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	a. Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc b. Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.	0%
2 Nợ cần chú ý	a. Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc b. Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	a. Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc b. Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc c. Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc d. Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. e. Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất	20%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") (tiếp theo)

Nhóm nợ	Phân loại nợ theo phương pháp định lượng	Phân loại nợ theo phương pháp định tính	Tỷ lệ dự phòng
4 Nợ nghi ngờ	a. Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc d. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc e. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	a. Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc b. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc d. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc e. Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc f. Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc g. Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.	100%

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng chung

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 02, MB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết sẽ được tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Tiền lãi trong thời gian nắm giữ chứng khoán nợ kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.6 Chứng khoán kinh doanh

4.7 Chứng khoán đầu tư

4.7.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được MB nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán được niêm yết trên các thị trường chứng khoán, được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.7****Chứng khoán đầu tư**

(tiếp theo)

4.7.1**Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán** (tiếp theo)

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của MB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, MB tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.7.2**Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được MB mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và MB có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.1.

4.8**Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà MB có tối đa 11% quyền biểu quyết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào khoản mục "Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9**Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà MB phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa và các chi phí khác có liên quan được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10**Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản hữu hình khác	3 - 4 năm
Quyền sử dụng đất (*)	30 - 50 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

* Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.11**Bất động sản đầu tư****4.11.1****Bất động sản đầu tư cho thuê**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 39 năm và tài sản gắn liền trên đất là 20 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.11****Bất động sản đầu tư**

(tiếp theo)

4.11.2

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.12**Các khoản phải thu**

4.12.1

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và được MB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Điều 10, Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.12.2

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.13**Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14**Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh

doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.15**Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.16**Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp MB là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp MB là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.
4.18 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào "Chi phí lãi và các chi phí tương tự" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.
4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ	Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của MB được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 50). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của MB được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước	Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc MB đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.
4.21 Chứng quyền mua có bảo đảm	<p>Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, thành viên của MB, phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.</p> <p>Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý trên khoản mục "Các khoản phải trả và công nợ khác".</p> <p>Các khoản chênh lệch do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".</p> <p>Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngay khi phát sinh.</p>

4.22
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 50"). Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.
- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ: dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một (1) năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa thông báo.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở 1% phí bảo hiểm giữ lại theo quy định tại Thông tư 50.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ("Nghị định 73"), MB hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23

Vốn và các quỹ

4.23.1 Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.23.2 Thặng dư vốn cổ phần Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.23.3 Cổ phiếu quỹ Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.23.4 Quỹ của Tổ chức tín dụng MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

(i) Các quỹ của Ngân hàng

Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(ii) Quỹ của các công ty con

Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB AMC")

MB AMC thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quyết định của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")

MBS và MB Capital trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác của MBS và MB Capital được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei ("MCredit")

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, MCredit phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC") và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas ("MB Ageas")

MIC và MB Ageas phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.

Doanh thu và chi phí từ các hoạt động ngân hàng

Doanh thu lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và các khoản vay được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Thông tư 01 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi MB thực thu.

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì MB hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu. Khi thu được các khoản này, MB sẽ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của MB được thiết lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản thu nhập của MB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "Dự phòng phí chưa được hưởng" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.24 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.24****Ghi nhận doanh thu và chi phí** (tiếp theo)*Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản*

Doanh thu được ghi nhận khi MB có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Đồng thời, doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi MB đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với bất động sản cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Chi bồi thường cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi các công ty bảo hiểm chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho các công ty bảo hiểm và các công ty bảo hiểm chấp nhận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Các chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm

MB tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng tại công ty tài chính tiêu dùng

Chi phí khởi tạo khoản cho vay khách hàng bao gồm chi phí hoa hồng cho đại lý, các bên thứ ba và cộng tác viên kinh doanh được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 9 đến 29 tháng theo thời hạn trung bình của các sản phẩm cho vay.

4.25**Thuế thu nhập doanh nghiệp****Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

MB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi MB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và MB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.26**Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng**

Theo Thông tư 02 của NHNN, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.27**Các công cụ tài chính phái sinh**

MB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27
Các công cụ tài chính phái sinh
(tiếp theo)

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.28
Lãi trên cổ phiếu

MB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của MB (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, MB sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.29
Lợi ích của nhân viên

4.29.1
Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên MB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. MB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, MB không có một nghĩa vụ nào khác.

4.29.2
Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2013, MB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.29.3
Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, MB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.30
Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.31
Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.32
Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi MB có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn trừ và MB dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2020 <i>triệu đồng</i>	31/12/2019 <i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VND	2.538.209	1.920.366
Tiền mặt bằng ngoại tệ	567.438	420.160
Vàng tiền tệ	3.583	3.765
	3.109.230	2.344.291

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2020 <i>triệu đồng</i>	31/12/2019 <i>triệu đồng</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	16.237.916	13.582.665
- Bằng VND	14.657.801	11.835.562
- Bằng ngoại tệ	1.580.115	1.747.103
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	370.632	231.067
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	687.958	533.448
	17.296.506	14.347.180

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

i. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN Việt Nam về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
Khách hàng		
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%
Tổ chức tín dụng nước ngoài		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00%	1,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất 0,50%/năm và tiền gửi bằng ngoại tệ vượt dự trữ bắt buộc được hưởng lãi suất 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0,8%/năm và 0,05%/năm).

ii. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ tiền gửi dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	10,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	4,00%	5,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

iii. Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Khmer Riels ("KHR") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi ký quỹ được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ ký quỹ tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR	7,00%	12,50%
Tiền gửi bằng KHR	7,00%	8,00%

Các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia không được hưởng lãi suất.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	41.939.499	29.338.805
Tiền gửi không kỳ hạn	4.461.073	9.113.233
Bằng VND	1.149.638	6.344.183
Bằng ngoại tệ	3.311.435	2.769.050
Tiền gửi có kỳ hạn	37.478.426	20.225.572
Bằng VND	33.203.690	16.001.375
Bằng ngoại tệ	4.274.736	4.224.197
Cho vay các TCTD khác	5.949.303	10.548.559
Bằng VND	4.101.295	7.777.121
Bằng ngoại tệ	1.848.008	2.771.438
Dự phòng rủi ro	-	(196.000)
	47.888.802	39.691.364

Chi tiết chất lượng tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.427.729	30.578.131
Nợ có khả năng mất vốn	-	196.000
	43.427.729	30.774.131

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC (tiếp theo)

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2020 %/năm	31/12/2019 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,15 - 4,40	2,40 - 6,40
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,15 - 1,50	0,01 - 2,10
Cho vay bằng VND	1,50 - 5,00	4,40 - 7,20
Cho vay bằng ngoại tệ	0,40 - 2,10	0,01 - 4,10

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Chứng khoán Nợ	2.814.550	682.395
Chứng khoán do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành	765.492	104.409
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	1.360.871	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	688.187	577.986
Chứng khoán Vốn	287.480	514.492
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	22.247	42.135
Chứng khoán Vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	265.233	472.357
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(16.803)	(29.078)
Dự phòng giảm giá	-	-
Dự phòng chung	(16.803)	(29.078)
	3.085.227	1.167.809

Trái phiếu Chính phủ phát hành có kỳ hạn 20 năm, được hưởng lãi suất 5,60%/năm.

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 12 tháng đến 18 tháng, được hưởng lãi suất từ 5,50% - 9,50%/năm.

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Chứng khoán nợ	2.814.550	682.395
Đã niêm yết	765.492	104.409
Chưa niêm yết	2.049.058	577.986
Chứng khoán vốn	287.480	514.492
Đã niêm yết	230.130	394.352
Chưa niêm yết	57.350	120.140
Tổng	3.102.030	1.196.887

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	688.187	577.986
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	688.187	577.986

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Số dư đầu kỳ	29.078	106.363
Hoàn nhập dự trong kỳ (Thuyết minh số 30)	(12.275)	(77.285)
Số dư cuối kỳ	16.803	29.078

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH

	Tổng giá trị của hợp đồng theo tỷ giá ngày hiệu lực		Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo)	
	Hợp đồng triệu đồng	Tài sản triệu đồng	Công nợ triệu đồng	Giá trị thuần triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	10.348.397	10.339.860	(10.312.953)	26.907
Giao dịch hoán đổi	152.877.558	152.786.700	(152.776.501)	10.199
	163.225.955	163.126.560	(163.089.454)	37.106
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	9.798.704	9.796.836	(9.800.991)	(4.155)
Giao dịch hoán đổi	93.606.713	93.588.277	(93.569.286)	18.991
	103.405.417	103.385.113	(103.370.277)	14.836

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	289.680.057	243.028.585
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	819.559	640.820
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	325.107	436.508
Các khoản trả thay khách hàng	3.582	5.055
Cho vay các tổ chức cá nhân nước ngoài	3.345.338	3.530.256
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	4.123.340	2.689.399
	298.296.983	250.330.623

Mức lãi suất bình quân cho vay khách hàng trong năm như sau:

	31/12/2020 %/năm	31/12/2019 %/năm
Cho vay bằng VND	5,50 - 11,00	6,00 - 11,00
Cho vay bằng ngoại tệ	1,80 - 4,50	3,10 - 5,50
Cho vay tiêu dùng cá nhân	4,50 - 70,00	8,00 - 70,00

10.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	288.504.159	241.847.313
Nợ cần chú ý	2.421.678	2.896.273
Nợ dưới tiêu chuẩn	889.758	1.380.392
Nợ nghi ngờ	973.564	899.344
Nợ có khả năng mất vốn	1.384.484	617.902
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	4.123.340	2.689.399
	298.296.983	250.330.623

10.2. Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	146.429.568	118.907.994
Nợ trung hạn	34.438.131	33.906.263
Nợ dài hạn	113.305.944	94.826.967
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	4.123.340	2.689.399
	298.296.983	250.330.623

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2020		31/12/2019	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	25.290.160	8,48	15.082.508	6,03
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	5.715.191	1,92	6.930.066	2,77
Công ty TNHH MTV với vốn Nhà nước trên 50%	653.232	0,22	389.523	0,16
Công ty TNHH khác	50.436.083	16,91	45.978.538	18,36
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	4.433.211	1,49	5.935.532	2,37
Công ty Cổ phần khác	64.749.596	21,71	61.087.645	24,40
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.266.322	2,77	7.063.750	2,82
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	120.253	0,04	195.772	0,08
Hộ kinh doanh, cá nhân	130.928.521	43,88	101.303.787	40,47
Dịch vụ hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	34.581	0,01	40.151	0,02
Thành phần kinh tế khác	202.241	0,07	120.944	0,04
Cho vay tại chi nhánh nước ngoài	3.344.252	1,12	3.513.008	1,41
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	4.123.340	1,38	2.689.399	1,07
	298.296.983	100,00	250.330.623	100

10.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2020		31/12/2019	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3.217.038	1,08	3.320.783	1,33
Khai khoáng	3.987.481	1,34	3.837.122	1,53
Công nghiệp chế biến, chế tạo	45.483.439	15,25	38.783.944	15,49
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	19.633.300	6,58	10.000.983	4,00
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	739.723	0,25	724.777	0,29
Xây dựng	18.157.881	6,09	19.403.393	7,75
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	63.676.131	21,35	56.817.785	22,70
Vận tải kho bãi	7.850.007	2,63	7.810.083	3,12
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	8.658.188	2,90	7.780.639	3,11
Thông tin và truyền thông	1.605.415	0,54	2.598.729	1,04
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	1.121.837	0,38	842.569	0,34
Hoạt động kinh doanh bất động sản	9.395.157	3,15	5.356.894	2,14
Chuyên môn, khoa học và công nghệ	437.012	0,15	311.581	0,12
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	421.668	0,14	894.466	0,36
Giáo dục và đào tạo	907.843	0,30	1.131.384	0,45
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.539.758	0,85	1.479.427	0,59
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	3.438.418	1,15	2.721.923	1,09
Hoạt động dịch vụ khác	67.740	0,02	53.874	0,02
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	99.491.355	33,35	80.257.860	32,05
Cho vay tại chi nhánh nước ngoài	3.344.252	1,12	3.513.008	1,41
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	4.123.340	1,38	2.689.399	1,07
	298.296.983	100,00	250.330.623	100

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Dự phòng chung	2.148.238	1.792.344
Dự phòng cụ thể	2.205.981	1.408.569
	4.354.219	3.200.913

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.792.344	1.408.569	3.200.913
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 35)	356.060	5.783.026	6.139.086
Xử lý rủi ro tín dụng trong năm	-	(4.980.200)	(4.980.200)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán năm trước tại các chi nhánh nước ngoài	-	(4.538)	(4.538)
Chênh lệch tỷ giá	(166)	(876)	(1.042)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.148.238	2.205.981	4.354.219

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.563.301	1.647.704	3.211.005
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 35)	229.239	4.675.346	4.904.585
Xử lý rủi ro tín dụng trong năm	-	(4.918.690)	(4.918.690)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán năm trước tại các chi nhánh nước ngoài	-	4.538	4.538
Chênh lệch tỷ giá	(196)	(329)	(525)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.792.344	1.408.569	3.200.913

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Chứng khoán nợ	96.775.364	82.723.727
Trái phiếu Chính phủ	52.591.750	47.873.313
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	19.384.853	22.694.379
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	24.798.761	12.156.035
Chứng khoán vốn	-	-
Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	-	-
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(376.977)	(190.540)
Dự phòng giảm giá	(74.461)	-
Dự phòng chung	(302.516)	(190.540)
	96.398.387	82.533.187

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 năm đến 30 năm, được hưởng lãi suất 1,50% - 9,10%/năm.

Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 5 năm, được hưởng lãi suất 2,80% - 9,50%/năm.

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 14 năm, được hưởng lãi suất 5,05% - 10,80%/năm.

12.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Chứng khoán nợ	3.374.241	3.196.877
Trái phiếu Chính phủ	259.955	183.374
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	497.028	580.182
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	2.617.258	2.433.321
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(58.982)	(101.065)
Dự phòng chung	(8.982)	(18.172)
Dự phòng cụ thể	(50.000)	(82.893)
	3.315.259	3.095.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 15 đến 20 năm, được hưởng lãi suất từ 4,60% - 7,00%/năm.

Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 5 năm và được hưởng lãi suất từ 7,20% - 9,00%/năm.

Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 12 năm, được hưởng lãi suất từ 8,90% - 10,60%/năm.

12.3. Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	38.785.585	29.038.541
Nợ có khả năng mất vốn	50.000	80.000
	38.835.585	29.118.541

12.4. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	190.540	101.065	291.605
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 31)	186.437	(12.083)	174.354
Xử lý rủi ro trong năm	-	(30.000)	(30.000)
Số dư cuối năm	376.977	58.982	435.959

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	132.988	125.246	258.234
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh số 31)	58.090	(24.181)	33.909
Phân loại lại sang tài sản có khác	(538)	-	(538)
Số dư cuối năm	190.540	101.065	291.605

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác	1.026.562	1.037.453
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(141.331)	(150.436)
	885.231	887.017

13.1. Đầu tư dài hạn

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế, đầu tư vào các dự án dài hạn	842.068	870.376
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	184.494	167.077
	1.026.562	1.037.453

13.2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm tài chính như sau:

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Số dư đầu năm	150.436	203.610
Dự phòng rủi ro hoàn nhập trong năm	(9.105)	(53.174)
Số dư cuối năm	141.331	150.436

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2020 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Tài sản hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.376.808	1.386.190	665.021	157.794	3.585.813
Tăng trong năm	962.765	157.911	606.503	113.215	1.840.394
Thanh lý nhượng bán	(754)	(7.321)	(18.918)	(11.404)	(38.397)
Chênh lệch tỷ giá	(23)	(489)	(178)	(51)	(741)
Số dư cuối năm	2.338.796	1.536.291	1.252.428	259.554	5.387.069
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	264.211	1.066.017	484.287	129.295	1.943.810
Chi phí khấu hao trong năm	68.325	166.344	139.889	18.167	392.725
Giảm trong năm	(754)	(6.498)	(18.722)	(11.404)	(37.378)
Chênh lệch tỷ giá	(13)	(383)	(169)	(47)	(612)
Số dư cuối năm	331.769	1.225.480	605.285	136.011	2.298.545
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.112.597	320.173	180.734	28.499	1.642.003
Tại ngày cuối năm	2.007.027	310.811	647.143	123.543	3.088.524

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2019 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Tài sản hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.367.799	1.192.297	578.096	130.267	3.268.459
Mua trong năm	6.858	162.596	91.691	21.995	283.140
Thanh lý, nhượng bán	(307)	(5.563)	(7.777)	(2.793)	(16.440)
Hoàn thành mua sắm tài sản cố định	-	43.481	3.198	859	47.538
Biến động khác	2.475	(6.110)	-	7.521	3.886
Chênh lệch tỷ giá	(17)	(511)	(187)	(55)	(770)
Số dư cuối năm	1.376.808	1.386.190	665.021	157.794	3.585.813
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	208.492	919.785	425.961	128.069	1.682.307
Chi phí khấu hao trong năm	56.040	152.190	65.054	4.051	277.335
Thanh lý, nhượng bán	(307)	(5.467)	(6.559)	(2.776)	(15.109)
Chênh lệch tỷ giá	(14)	(491)	(169)	(49)	(723)
Số dư cuối năm	264.211	1.066.017	484.287	129.295	1.943.810
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.159.307	272.512	152.135	2.198	1.586.152
Tại ngày cuối năm	1.112.597	320.173	180.734	28.499	1.642.003

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2020 như sau:

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	TSCĐ vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.102.024	872.307	5.837	1.980.168
Mua mới trong năm	-	295.491	984	296.475
Thanh lý trong năm	-	1.694	(768)	926
Chênh lệch tỷ giá	-	(5)	-	(5)
Số dư cuối năm	1.102.024	1.169.487	6.053	2.277.564
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	160.825	659.566	3.718	824.109
Tăng trong năm	21.032	207.957	2.073	231.062
Điều chỉnh khác	-	719	(719)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	(2)	-	(2)
Số dư cuối năm	181.857	868.240	5.072	1.055.169
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	941.199	212.741	2.119	1.156.059
Tại ngày cuối năm	920.167	301.247	981	1.222.395

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2019 như sau:

	Quyền sử dụng đất triệu đồng	Phần mềm máy vi tính triệu đồng	TSCĐ vô hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.075.116	743.180	4.857	1.823.153
Mua mới trong năm	26.908	86.556	980	114.444
Thanh lý trong năm	-	(2.077)	-	(2.077)
Hoàn thành mua sắm tài sản cố định	-	44.731	-	44.731
Chênh lệch tỷ giá	-	(83)	-	(83)
Số dư cuối năm	1.102.024	872.307	5.837	1.980.168
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	141.870	565.749	2.372	709.991
Tăng trong năm	18.955	95.943	1.346	116.244
Thanh lý trong năm	-	(2.077)	-	(2.077)
Chênh lệch tỷ giá	-	(49)	-	(49)
Số dư cuối năm	160.825	659.566	3.718	824.109
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	933.246	177.431	2.485	1.113.162
Tại ngày cuối năm	941.199	212.741	2.119	1.156.059

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2020 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	30.813	-	30.813
Mua mới trong năm	19.541	199.320	218.861
Số dư cuối năm	50.354	199.320	249.674
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	285	1.491	1.776
Số dư cuối năm	285	1.491	1.776
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	30.813	-	30.813
Số dư cuối năm	50.069	197.829	247.898

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm 2019 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	30.813	-	30.813
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	30.813	-	30.813
Số dư cuối năm	30.813	-	30.813

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

17.1. Các khoản phải thu

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	94.787	109.155
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	17.741.954	9.479.001
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (ii)	608.472	1.882.989
	18.445.213	11.471.145

i. Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	702.935	1.087.822
Phải thu liên quan đến tài trợ thương mại	5.183.800	2.924.016
Phải thu liên quan đến dịch vụ thanh toán	5.684.230	2.364.121
Phải thu liên quan đến bán trái phiếu	2.597.800	810.049
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng	798.744	281.960
Phải thu trong hoạt động bảo hiểm của công ty con	730.595	634.066
Dự phòng phí và bồi thường nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm của công ty con	944.663	678.855
Các khoản phải thu bên ngoài khác	1.099.187	698.112
	17.741.954	9.479.001

ii. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Dự án Lê Văn Lương	118.442	1.293.007
Các khoản chi phí mua sắm khác	490.030	589.982
	608.472	1.882.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

17.2. Tài sản có khác

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 18)	47.613	57.135
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	1.347.072	1.026.563
Tài sản xiết nợ chờ xử lý	2.382	402.382
Hàng hóa bất động sản của công ty con	266.263	265.620
Phải thu về hoạt động ủy thác đầu tư	580.412	689.300
Tài sản có khác	36.482	34.062
	2.280.224	2.475.062

17.3. Dự phòng tài sản có khác

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Số dư đầu năm	274.123	301.267
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh số 35)	(20.646)	(13.962)
Phân loại lại từ dự phòng đầu tư chứng khoán	573	538
Xử lý rủi ro trong năm	(207.689)	(13.373)
Chênh lệch tỷ giá	-	(347)
	46.361	274.123

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	94.261	94.261
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước ("KTNN")	965	965
Tổng giá trị lợi thế thương mại	95.226	95.226
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu kỳ	38.091	28.568
Giá trị LTTM chưa phân bổ	57.135	66.658
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	(9.522)	(9.523)
Giá trị LTTM phân bổ trong kỳ	(9.522)	(9.523)
	47.613	57.135

19. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	15.383	16.836
	15.383	16.836

20. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

20.1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	606.184	6.073.327
Bằng VND	572.481	6.052.539
Bằng ngoại tệ	33.703	20.788
Tiền gửi có kỳ hạn	24.377.964	23.476.828
Bằng VND	17.150.702	15.347.042
Bằng ngoại tệ	7.227.262	8.129.786
	24.984.148	29.550.155

20.2. Vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Bằng VND	7.370.812	8.278.067
Bằng ngoại tệ	18.521.512	12.485.830
	25.892.324	20.763.897

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	31/12/2020 %/năm	31/12/2019 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10 - 4,20	1,60 - 4,70
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10 - 1,20	1,70 - 2,10
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng VND	0,40 - 4,20	3,60 - 4,80
Tiền vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ	0,20 - 2,48	1,50 - 3,60

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	115.194.453	92.352.406
Bằng VND	97.975.293	74.073.605
Bằng ngoại tệ	17.219.160	18.278.801
Tiền gửi có kỳ hạn	183.647.782	168.050.891
Bằng VND	179.173.089	163.196.059
Bằng ngoại tệ	4.474.693	4.854.832
Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.049.715	4.665.836
Bằng VND	4.524.749	3.880.974
Bằng ngoại tệ	524.966	784.862
Tiền gửi ký quỹ	7.068.404	7.640.379
Bằng VND	3.631.600	3.790.685
Bằng ngoại tệ	3.436.804	3.849.694
	310.960.354	272.709.512

Mức lãi suất bình quân tiền gửi khách hàng trong năm như sau:

	31/12/2020 % năm	31/12/2019 % năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10	0,30
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,00 - 8,00	0,78 - 7,52
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tổ chức kinh tế	164.756.442	52,98	152.940.345	56,08
Cá nhân	146.203.912	47,02	119.769.167	43,92
Tổng	310.960.354	100	272.709.512	100

22. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	207.341	302.126

Đây là khoản vay trung và dài hạn nhận từ nguồn vốn tài trợ từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) bằng VND thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khuôn khổ Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi suất năm áp dụng cho các nguồn vốn này là 4,18%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5,18%).

23. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Chi tiết kỳ hạn các giấy tờ có giá như sau:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Trái phiếu bằng VND	6.132.549	6.589.453
<i>Dưới 5 năm</i>	<i>178.192</i>	<i>626.871</i>
<i>Trên 5 năm</i>	<i>5.954.357</i>	<i>5.962.582</i>
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	44.791.014	19.699.176
<i>Dưới 12 tháng</i>	<i>23.452.010</i>	<i>8.499.659</i>
<i>Trên 12 tháng</i>	<i>21.339.004</i>	<i>11.199.517</i>
	50.923.563	26.288.629

Trái phiếu do Ngân hàng mẹ phát hành được hưởng mức lãi suất từ 6,80%/năm đến 8,70%/năm

Trái phiếu do công ty con phát hành có kỳ hạn 3 năm, được hưởng mức lãi suất từ 7,35%/năm đến 8,50%/năm.

Chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng mẹ phát hành có kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, được hưởng lãi suất từ 2,40%/năm đến 7,20%/năm.

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	1.587.638	1.473.723
Các khoản phải trả bên ngoài (i)	24.257.339	15.257.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	616.182	360.700
Quỹ khoa học công nghệ	668.000	268.000
	27.129.159	17.359.965

(i) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước (Thuyết minh số 25)	714.467	626.840
Chuyển tiền phải trả	668.663	358.758
Doanh thu chờ phân bổ	3.211.424	1.172.821
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	4.505.608	3.188.133
Phải trả về dịch vụ thanh toán	8.431.602	4.141.421
Phải trả liên quan đến dịch vụ liên kết với Viettel	642.895	2.036.682
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn đầu tư kinh doanh chứng khoán	1.998.030	1.505.724
Phải trả và ứng trước của công ty con	276.084	262.492
Các khoản chờ thanh toán khác	3.808.566	1.964.671
	24.257.339	15.257.542

25. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Phải thu triệu đồng	Phải trả triệu đồng	Phát sinh tổng triệu đồng	Phát sinh trong năm	Phải thu triệu đồng	Phải trả triệu đồng
Thuế GTGT	(5.354)	56.401	451.887	(458.254)	(28.432)	73.112
Thuế TNDN hiện hành	-	495.839	2.085.406	(2.037.888)	-	543.357
Các loại thuế khác	-	74.600	863.246	(839.848)	-	97.998
	(5.354)	626.840	3.400.539	(3.335.990)	(28.432)	714.467

26. VỐN VÀ CÁC QUỸ

26.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Thặng dư cổ phần	Cổ phiếu quỹ triệu đồng	Vốn khác (*) triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	Quỹ dự bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Quỹ khác triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối triệu đồng	Lợi ích cổ đông không kiểm soát triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	23.727.323	-	(1.036.712)	27.834	2.905.780	1.507.279	523.855	10.342.490	1.887.965	39.885.814
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	8.262.659	343.380	8.606.039
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	769.762	408.294	337.355	(1.515.411)	-	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(484.703)	(9.808)	(494.511)
Tăng vốn trong năm	643.106	1.076.816	-	-	-	-	-	-	21.626	1.741.548
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	100.747	472.315	-	-	-	-	-	-	573.062
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(228.661)	-	(27)	(228.688)
Điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán tại chi nhánh nước ngoài và công ty con	-	-	-	-	(15)	194	10	14.571	2.616	17.376
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(75.268)	(75.268)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	3.617.140	-	-	97.111	-	-	-	(3.714.251)	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	643	643	39	6.587	(7.912)	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	47.538	30.419	77.957
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	(342)	(3.492)	-	(3.834)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	27.987.569	1.177.563	(564.397)	124.945	3.676.170	1.916.410	632.256	12.955.988	2.192.991	50.099.495

26. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

26.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Cổ phiếu quỹ triệu đồng	Vốn khác triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Quỹ khác triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối triệu đồng	Lợi ích cổ đông không kiểm soát triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	21.604.514	-	27.834	2.308.267	1.172.398	406.470	7.123.671	1.529.704	34.172.858
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	7.822.773	245.831	8.068.604
Tăng vốn điều lệ trong năm của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	155.661	155.661
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	597.517	319.199	339.402	(1.256.118)	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(206.794)	-	(27)	(206.821)
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(1.268.039)	(36.180)	(1.304.219)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	1.690.719	-	-	-	-	-	(1.690.719)	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên	432.090	-	-	-	-	-	-	-	432.090
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(1.036.712)	-	-	-	-	-	-	(1.036.712)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(371.783)	(12.182)	(383.965)
Trích thưởng cho nhân viên	-	-	-	-	-	-	(7.849)	(2.022)	(9.871)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán	-	-	-	-	-	-	1.514	5.007	6.521
Điều chỉnh theo thanh tra thuế	-	-	-	-	-	-	(14.576)	-	(14.576)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(332)	-	-	(332)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(4)	15.978	(14.891)	5.477	16	6.576
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	(296)	-	(1.861)	2.157	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	23.727.323	(1.036.712)	27.834	2.905.780	1.507.279	523.855	10.342.490	1.887.965	39.885.814

26. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

26.2. Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Cổ phiếu	triệu đồng	Cổ phiếu	triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.798.756.872	27.987.569	2.372.732.280	23.727.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	2.798.756.872	27.987.569	2.372.732.280	23.727.323
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
Cổ phiếu phổ thông	(25.616.120)	(256.161)	(47.052.980)	(470.530)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.773.140.752	27.731.408	2.325.679.300	23.256.793

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

26.3. Cổ tức

Chi tiết về cổ tức đã chi trả trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng như sau:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2018: 600 đồng/cổ phiếu	-	1.268.039
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2019: 15%/cổ phiếu (2018: 8%/cổ phiếu)	3.617.140	1.690.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	32.767.393	31.196.604
Thu nhập lãi tiền gửi	411.279	970.978
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	24.384.010	23.254.954
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.004.868	5.246.239
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	1.472.613	1.298.771
Thu khác từ hoạt động tín dụng	494.623	425.662
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(12.489.598)	(13.196.607)
Trả lãi tiền gửi	(9.661.876)	(10.950.028)
Trả lãi tiền vay	(508.171)	(750.718)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(2.124.787)	(1.357.196)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(194.764)	(138.665)
Thu nhập lãi thuần	20.277.795	17.999.997

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.228.173	6.420.580
Thu từ dịch vụ thanh toán	882.549	851.025
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	16.499	18.871
Thu từ dịch vụ tư vấn	443.191	324.446
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	5.849.863	4.202.006
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	28.867	40.727
Thu từ xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	261.826	277.949
Thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	350.101	250.188
Thu phí khác	395.277	455.368

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ (tiếp theo)

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Chi phí hoạt động dịch vụ	(4.652.620)	(3.234.743)
Chi về dịch vụ thanh toán	(66.584)	(83.751)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(10.720)	(10.223)
Chi về dịch vụ tư vấn	(205)	(3)
Chi phí hoa hồng môi giới	(1.377.927)	(885.667)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(11.008)	(6.767)
Chi về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(2.662.436)	(1.736.796)
Chi về xử lý nợ, thẩm định giá và khai thác tài sản	(148.050)	(180.129)
Chi về hoạt động môi giới chứng khoán	(64.953)	(45.218)
Chi khác	(310.737)	(286.189)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.575.553	3.185.837

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	1.414.728	897.253
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	575.338	649.264
Thu về kinh doanh vàng	2.561	1.359
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ và vàng	(395.588)	(172.843)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(809.738)	(727.052)
Chi từ kinh doanh vàng	(1.492)	(503)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	785.809	647.478

30. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	214.050	136.398
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(141.239)	(186.203)
Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro	12.275	77.285
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	85.086	27.480

31. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.370.124	661.682
Chi về chứng khoán đầu tư	(339.006)	(68.916)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(174.354)	(33.909)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn	9.105	53.174
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	865.869	612.031

32. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	2.808.825	2.528.554
Thu từ nợ xấu đã được xử lý	1.599.755	1.937.102
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	1.003.149	527.009
Thu từ chuyển nhượng thanh lý tài sản	4.739	2.905
Thu về hoạt động kinh doanh khác	201.182	61.538
Chi phí cho hoạt động khác	(1.129.275)	(429.156)
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(684.593)	(380.282)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(444.682)	(48.874)
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.679.550	2.099.398

33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Cổ tức	39.370	42.423
Thu khác từ góp vốn mua cổ phần	53.141	35.804
Tổng	92.511	78.227

34. TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	85.764	78.490
Chi phí cho nhân viên	5.998.888	6.064.062
<i>Chi lương và các khoản chi đóng góp theo lương</i>	5.832.817	5.889.330
<i>Chi trợ cấp thất nghiệp</i>	20.174	1.446
<i>Chi khác cho nhân viên</i>	145.897	173.286
Chi về tài sản	1.603.540	1.254.228
Trong đó:		
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>	625.563	393.579
<i>Chi khác về tài sản</i>	977.977	860.649
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.281.300	2.168.947
Trong đó:		
<i>Công tác phí</i>	109.215	146.226
<i>Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD</i>	11.139	8.719
<i>Chi khác cho hoạt động quản lý</i>	2.160.946	2.014.002
Chi quỹ khoa học công nghệ	400.000	-
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	185.965	157.979
	10.555.457	9.723.706

35. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	6.139.086	4.904.585
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(20.646)	(13.962)
	6.118.440	4.890.623

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

MB có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia, MB thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được. Thuế TNDN của Chi nhánh Ngân hàng tại Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được.

Đối với chi nhánh Ngân hàng tại Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Luật Thuế số 67 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực từ 17 tháng 2 năm 2020, số thuế TNDN của chi nhánh Ngân hàng tại Lào được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của MB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của MB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của MB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

36.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Lợi nhuận thuần trước thuế	10.688.276	10.036.119
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(57.940)	(78.227)
Lãi thuần của các chi nhánh nước ngoài	(92.288)	(48.528)
Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế	57.981	58.193
Điều chỉnh khác	(6.219)	(52.511)
Lỗi lũy kế được chuyển trong năm của công ty con	(247.197)	(204.841)
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(1.164.798)	(835.170)
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	17.290	14.912
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm tại Việt Nam	9.195.105	8.889.947
Thuế TNDN của Ngân hàng tại Việt Nam (20%)	1.839.021	1.777.989
Thuế TNDN của chi nhánh nước ngoài	19.032	11.355
Thuế TNDN của các công ty con	231.367	170.240
Thuế TNDN truy thu của các công ty con	-	411
Chi phí thuế TNDN trong năm	2.089.420	1.959.995
Thuế TNDN phải trả đầu năm	495.839	333.714
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.037.888)	(1.812.234)
Điều chỉnh theo Thanh tra thuế	-	7.138
Hoàn thuế tại MB AMC	-	7.059
Điều chỉnh kiểm toán của các công ty con và chi nhánh nước ngoài	(3.799)	83
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(215)	84
Thuế TNDN phải trả cuối năm	543.357	495.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

36.2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động tài sản và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm:

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Số dư đầu kỳ	3.699	15.777
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	(1.316)	(60.394)
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong kỳ hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	(263)	(12.079)
Điều chỉnh khác	-	1
Số dư cuối kỳ	3.436	3.699

36.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Số dư đầu năm	12.097	16.656
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	(37.230)	(22.795)
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(7.446)	(4.559)
Số dư cuối năm	4.651	12.097

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	8.262.659	7.822.773
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng nhân viên (triệu đồng)	-	(484.703)
Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.262.659	7.338.070
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.760.548.061	2.660.721.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.993	2.758

* Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, MB điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó, số lượng báo bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được điều chỉnh do trong năm 2020, MB đã trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu.

38. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	3.109.230	2.344.291
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	17.277.605	14.329.177
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD	4.461.073	9.113.233
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng (3) tháng kể từ ngày gửi	37.478.426	20.225.572
	62.326.334	46.012.273

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

39.1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 (phân loại lại) triệu đồng
Bất động sản	338.549.573	274.345.045
Động sản	90.973.730	72.236.020
Giấy tờ có giá	58.497.630	29.618.596
Các khoản phải thu	356.878.625	304.350.315
Các tài sản đảm bảo khác	173.518.546	100.625.643
	1.018.418.104	781.175.619

39.2. Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Giấy tờ có giá	4.820.750	6.466.000

40. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	15.208	15.198
Tổng thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)	5.279.517	5.324.112
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người/tháng)	28,93	29,19

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, MB phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với MB nếu:

- a. Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi MB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào MB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới MB;
 - có quyền đồng kiểm soát MB;
- b. Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà MB là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- c. Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Điều hành của MB;
- d. Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- e. Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	31/12/2020 triệu đồng Phải thu/(Phải trả)	31/12/2019 triệu đồng Phải thu/(Phải trả)
Cổ đông lớn		
Tiền gửi tại MB	(17.428.686)	(15.337.430)
Tiền MB cho vay	-	165.312

Chi tiết giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2020 triệu đồng	Năm 2019 triệu đồng
Cổ đông lớn		
Thu nhập lãi tiền vay	9.141	18.126
Chi phí lãi tiền gửi	(711.227)	(692.349)
Giải ngân tiền vay MB	-	721
Thu nợ gốc tiền vay MB	(165.312)	(79.261)

MB thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 31/NQ-MB-ĐHCD ngày 27 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết số 20/NQ-MB-ĐHCD ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Đại hội Cổ đông, theo đó tỷ lệ chi trả thù lao và ngân sách hoạt động là 1,2% lợi nhuận sau thuế. Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo Quy chế lương của MB.

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

42.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Tài chính ngân hàng triệu đồng	Chứng khoán – Quản lý quỹ triệu đồng	Bảo hiểm triệu đồng	Khai thác nợ - Quản lý tài sản triệu đồng	Loại trừ triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
I. Doanh thu						
1. Doanh thu lãi	67.502.678	423.795	353.310	8.004	(35.520.394)	32.767.393
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	2.857.036	511.435	5.866.772	577.619	(1.584.689)	8.228.173
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	9.896.263	291.531	62.054	20.107	(3.791.819)	6.478.136
II. Chi phí						
1. Chi phí lãi	(48.085.281)	(178.503)	(1.972)	-	35.776.158	(12.489.598)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(566.059)	(15.449)	(2.700.238)	(6.253)	-	(3.287.999)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(14.214.059)	(684.123)	(3.099.902)	(384.488)	3.493.183	(14.889.389)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	17.390.578	348.686	480.024	214.989	(1.627.561)	16.806.716
Chi phí dự phòng rủi ro	(7.766.746)	28.668	2.028	(9.951)	1.627.561	(6.118.440)
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.623.832	377.354	482.052	205.038	-	10.688.276

Tài sản và công nợ theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Tài chính ngân hàng triệu đồng	Chứng khoán – Quản lý quỹ triệu đồng	Bảo hiểm triệu đồng	Khai thác nợ - Quản lý tài sản triệu đồng	Loại trừ triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
III. Tài sản	491.465.182	7.506.289	9.617.117	1.214.396	(14.820.822)	494.982.162
1. Tiền mặt	3.108.249	352	514	115	-	3.109.230
2. Tài sản cố định	3.981.953	58.457	226.717	43.792	-	4.310.919
3. Tài sản khác	484.374.980	7.447.480	9.389.886	1.170.489	(14.820.822)	487.562.013
IV. Nợ phải trả	443.320.932	5.008.207	6.569.629	382.472	(10.398.573)	444.882.667
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	420.333.776	2.385.035	-	-	(9.735.698)	412.983.113
2. Nợ phải trả nội bộ	1.385.381	19.866	137.071	45.320	-	1.587.638
3. Nợ phải trả khác	21.601.775	2.603.306	6.432.558	337.152	(662.875)	30.311.916

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

42.2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Miền Bắc triệu đồng	Miền Trung triệu đồng	Miền Nam triệu đồng	Nước ngoài triệu đồng	Loại trừ triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
I. Doanh thu						
1. Doanh thu lãi	51.607.144	3.779.439	12.486.594	414.609	(35.520.393)	32.767.393
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	9.057.025	114.519	621.333	19.984	(1.584.688)	8.228.173
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	8.036.184	887.532	1.255.301	90.940	(3.791.821)	6.478.136
II. Chi phí						
1. Chi phí lãi	(38.135.576)	(2.646.365)	(7.233.684)	(250.129)	35.776.156	(12.489.598)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(3.233.368)	(12.537)	(33.850)	(8.244)	-	(3.287.999)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(15.519.847)	(495.728)	(2.264.844)	(102.155)	3.493.185	(14.889.389)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	11.811.562	1.626.860	4.830.850	165.005	(1.627.561)	16.806.716
Chi phí dự phòng rủi ro	(5.259.388)	(1.236.327)	(1.177.569)	(72.717)	1.627.561	(6.118.440)
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.552.174	390.533	3.653.281	92.288	-	10.688.276

42.3. Mức độ tập trung theo khu vực đại lý của tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng nợ cho vay triệu đồng	Tổng tiền gửi tại NHNN và các TCTD khác triệu đồng	Cam kết ngoại bảng triệu đồng	Công cụ tài chính phái sinh triệu đồng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng
Trong nước	294.952.731	63.957.436	425.164.981	37.106	103.212.179
Nước ngoài	3.344.252	1.227.872	198.001	-	39.456
	298.296.983	65.185.308	425.362.982	37.106	103.251.635

43. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB cần duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao giúp cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của MB sẽ có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết kỳ hạn ngoại tệ, cam kết hoán đổi ngoại tệ, cam kết hoán đổi chéo tiền tệ lãi suất cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi và cho vay có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của MB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

44. RỦI RO LÃI SUẤT

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định lại lãi suất thực tế tính từ ngày báo cáo cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc từ ngày báo cáo cho tới ngày đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định và một số tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất được xếp loại đến một tháng;
- Chứng khoán nợ kinh doanh được xếp vào loại đến một tháng;
- Thời hạn định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư và chứng khoán vốn kinh doanh được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng, các khoản ủy thác và nhận ủy thác; nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. RỦI RO LÃI SUẤT (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Thời hạn định lại lãi suất								
	Quá hạn triệu đồng	Không ảnh hưởng thay đổi lãi suất triệu đồng	Đến 1 tháng triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng triệu đồng	Từ 1 - 5 năm triệu đồng	Trên 5 năm triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	3.109.230	-	-	-	-	-	-	3.109.230
Tiền gửi tại NHNN	-	-	17.296.506	-	-	-	-	-	17.296.506
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	39.580.133	4.199.318	1.682.590	1.391.511	1.035.250	-	47.888.802
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	287.480	2.814.550	-	-	-	-	-	3.102.030
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	50.007	76.277	(98.356)	(31.174)	40.352	-	37.106
Cho vay khách hàng (*)	4.555.025	-	81.547.848	134.649.673	32.682.466	23.642.553	20.174.301	1.045.117	298.296.983
Chứng khoán đầu tư (*)	50.000	-	8.986.909	20.088.142	4.824.199	11.252.846	16.981.334	37.966.175	100.149.605
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	1.026.562	-	-	-	-	-	-	1.026.562
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	4.558.817	-	-	-	-	-	-	4.558.817
Tài sản Có khác (*)	46.361	24.464.833	-	-	-	-	-	-	24.511.194
Tổng tài sản	4.651.386	33.446.922	150.275.953	159.013.410	39.090.899	36.255.736	38.231.237	39.011.292	499.976.835
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	15.383	-	-	-	-	-	15.383
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	-	22.135.039	15.918.064	9.611.664	3.096.908	54.854	59.943	50.876.472
Tiền gửi của khách hàng	-	-	177.955.277	47.177.998	38.812.323	37.231.262	9.763.033	20.461	310.960.354
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	304	1.857	205.180	-	-	-	207.341
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	6.556.970	8.007.214	6.330.256	25.721.402	3.423.299	884.422	50.923.563
Các khoản nợ khác (*)	-	31.899.554	-	-	-	-	-	-	31.899.554
Tổng nợ phải trả	-	31.899.554	206.662.973	71.105.133	54.959.423	66.049.572	13.241.186	964.826	444.882.667
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.651.386	1.547.368	(56.387.020)	87.908.277	(15.868.524)	(29.793.836)	24.990.051	38.046.466	55.094.168

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

45. RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	USD được quy đổi triệu đồng	EUR được quy đổi triệu đồng	Ngoại tệ khác quy đổi triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	217.704	230.138	123.179	571.021
Tiền gửi tại NHNN	2.337.948	1.434	299.323	2.638.705
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	8.519.668	689.940	224.571	9.434.179
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(564.732)	3.182.925	(631.019)	1.987.174
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	23.821.123	-	651.124	24.472.247
Chứng khoán đầu tư (*)	4.628.000	-	39.456	4.667.456
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	2.854	-	2.854
Tài sản cố định	8.978	-	1.286	10.264
Tài sản có khác (*)	5.143.606	683.604	61.519	5.888.729
Tổng tài sản	44.112.295	4.790.895	769.439	49.672.629
Nợ phải trả				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	25.339.854	181.139	261.485	25.782.478
Tiền gửi của khách hàng	20.032.476	5.066.149	556.998	25.655.623
Các khoản nợ khác (*)	1.579.451	6.574	43.381	1.629.406
Tổng nợ phải trả	46.951.781	5.253.862	861.864	53.067.507
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(2.839.486)	(462.967)	(92.425)	(3.394.878)

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

46. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của MB:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của MB;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;
- Thời gian đến hạn của các khoản góp vốn mua cổ phần, chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn được coi là từ (1) năm đến (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu; và
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

46. RỦI RO THANH KHOẢN (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng triệu đồng
	Trên 3 tháng triệu đồng	Không ảnh hưởng thay đổi lãi suất triệu đồng	Đến 1 tháng triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng triệu đồng	Từ 1 - 5 năm triệu đồng	Trên 5 năm triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	3.109.230	-	-	-	-	3.109.230
Tiền gửi tại NHNN	-	-	17.296.506	-	-	-	-	17.296.506
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	39.580.134	4.378.958	2.894.460	1.035.250	-	47.888.802
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	3.102.030	-	-	-	-	3.102.030
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	50.007	76.277	(129.530)	40.352	-	37.106
Cho vay khách hàng (*)	2.884.753	1.670.272	18.898.076	52.486.645	98.908.783	71.966.925	51.481.529	298.296.983
Chứng khoán đầu tư (*)	50.000	-	2.516.970	1.175.922	14.986.639	33.567.084	47.852.990	100.149.605
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	1.026.562	-	1.026.562
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	4.558.817	-	4.558.817
Tài sản Có khác (*)	13.994	32.367	21.685.345	309.312	1.178.674	332.959	958.543	24.511.194
Tổng tài sản	2.948.747	1.702.639	106.238.298	58.427.114	117.839.026	112.527.949	100.293.062	499.976.835
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNN	-	-	15.383	-	-	-	-	15.383
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	22.135.039	15.918.064	12.708.572	54.854	59.943	50.876.472
Tiền gửi của khách hàng	-	-	177.955.277	47.177.998	76.043.585	9.763.033	20.461	310.960.354
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	304	1.857	15.425	159.795	29.960	207.341
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	6.556.970	6.707.269	16.729.163	19.875.761	1.054.400	50.923.563
Các khoản nợ khác (*)	-	-	30.543.381	1.026.595	326.289	3.289	-	31.899.554
Tổng nợ phải trả	-	-	237.206.354	70.831.783	105.823.034	29.856.732	1.164.764	444.882.667
Mức chênh thanh khoản ròng	2.948.747	1.702.639	(130.968.056)	(12.404.669)	12.015.992	82.671.217	99.128.298	55.094.168

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2020 triệu đồng	31/12/2019 triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang		
Trong đó:		
- đến hạn trong 1 năm	56.102	65.163
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	885.757	1.321.126
- đến hạn sau 5 năm	388.648	269.520
	1.330.507	1.655.809

48. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế của MB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 tăng 652.157 triệu đồng, tương đương mức tăng 6,50% do các nguyên nhân sau:

Khoản mục biến động lớn	Giá trị triệu VND
Tăng thu nhập lãi thuần	2.277.798
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	389.716
Tăng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	138.331
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	311.444
Giảm lãi thuần từ hoạt động khác	(419.848)
Tăng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	14.284
Tăng chi phí hoạt động	(831.751)
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.227.817)
	652.157

49. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của MB.

50. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ KẾ TOÁN

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
USD	23.140,00	23.175,00
EUR	28.675,00	26.130,00
GBP	31.880,00	30.393,50
CHF	26.287,00	23.920,00
JPY	223,00	213,70
SGD	17.509,00	17.241,50
CAD	18.161,00	17.837,50
AUD	17.842,00	16.347,50

Người lập:

Bà Lê Thị Huyền Trang
Phó Phòng Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Đặng Thúy Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga Giám đốc Tài chính
Ông Lưu Trung Thái Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 8 tháng 2 năm 2021

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty
Người được ủy quyền công bố thông tin



Ông Lưu Trung Thái

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

